VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

NGUYỄN HƯNG QUỐC * CUNG VŨ * NGUYỄN
BÁ TRẠC * NGUYỄN LÝ * ĐOÀN XUÂN KIÊN *
ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯƠNG * NGU YÊN *
NGHIÊM XUÂN HỒNG * VÕ THÚY HẠNH *
NHƯ CHI * HÀN SONG HUYỀN * BÙI VĨNH
PHÚC * THƯỜNG QUÂN * NGÔ NGUYÊN
DŨNG * TUẤN HUY * NGUYỄN TẤT NHIÊN *
NGU YÊN * NGUYỄN MẠNH TRINH * NGUYỄN
HIỀN THẢO * TA THỊ ĐẠI TRƯỜNG * NGUYỄN
XUÂN QUANG * PHẠM DUY * HOÀNG LIÊN *
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC * NGUYỄN VĂN *V HỌC

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ THI CA
SỐ 17 THÁNG 6 NĂM 1987

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ THI CA

Nguyễn Hưng Quốc : *Nhà thơ và cảm xúc thơ, Cấu trúc một bài thơ, trang 1.* * **Cung Vũ** : *Lên non hái trái, thơ, trang 6.* * **Nguyễn Bá Trạc :** *Thư gửi người bạn thơ, trang 13.* * **Nguyễn Lý :** *Không đảo, Cánh chim, thơ, trang 21.* * **Đoàn Xuân Kiên :** *Về vấn đề dịch thơ, trang 22.* * **Đặng thị Quế Phượng :** *49, Đinh Tiên Hoàng Ban mê thuột, thơ, trang 31.* * **Ngu Yên :** *Tạp ghi về thơ trang 33.* * **Nghiêm Xuân Hồng :** *Say vào Hoa tạng, thơ, trang 49.* * **Vũ Thùy Hạnh :** *Mùa Xuân trong vườn, thơ, trang 50.* * **Như Chi :** *Giữ giùm em, thơ, trang 51.* * **Hàn Song Tường :** *Lưu đầy, thơ, trang 52.* * **Bùi Vĩnh Phúc :** *Tôi là bọt sóng..., trang 53.* * **Thường Quán :** *Xưa thơ, thơ trang 56.* * **Ngô Nguyên Dũng :** *Câu chuyện của thầy Hương quản, truyện, trang 58.* * **Tuấn Huy :** *Quán tưởng, thơ, trang 65.* * **Nguyễn Tất Nhiên :** *Một nụ vô thường, Như là hôm qua, thơ, trang 66.* * **Ngu Yên :** *Đề nghị tái lập thời Địa đàng, thơ, trang 67.* * **Nguyễn Mạnh Trinh :** *Ở Tân thủy, 1980, thơ, trang 68.* * **Nguyễn Hiền Thảo :** *Giữa trưa, những bông hoa, truyện, trang 69.* * **Tạ chí Đại Trường :** *Vấn đề loạn luân của họ Trần, trang 78.* * **Nguyễn Xuân Quang :** *Có nàng Tô thị, truyện, trang 92.* * **Phạm Duy :** *Nhạc tình Văn Cao , trang 111.* * **Hoàng Liên :** *Ánh sáng và bóng tối, hồi ký, trang 118.* * **Đào Trường Phúc :** *Đọc Cậu bé và Hoa mai, trang 127.* * **Nguyễn Văn :** *Thời sự văn học nghệ thuật, trang 134.* * **Văn Học :** *Bài nhận được, Thư tín, trang 137*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về

Văn Học

10104 Westminster Ave, Garden Grove California, 92 643 USA

Phone : (714) 832. 8445

Nguyễn Hưng Quốc

Nhà thơ và cảm xúc thơ.

Tản mạn về thơ (1).

*N*hà thơ là người sáng tạo ư? Không, tôi ngờ lắm. Từ xưa đến nay, nhà thơ có mang lại điều gì mới mẻ đâu. Hắn là người, bằng óc nhạy bén riêng của mình, phát hiện sâu sắc hơn ai hết những chất thơ đã vốn có, đã bàng bạc, ẩn tàng, giấu khuất đâu đó trong vũ trụ, ở thiên nhiên, ở cuộc đời, ở lòng người. Gió vẫn có đấy chứ, quen thuộc lắm mà, từ bao nhiêu đời rồi nhưng phải đợi đến lúc nhà thơ ra đời, nghiêng mình làm lá, gió mới cất thành tiếng reo. Trăng vẫn có đấy chứ, từ xưa, trên cao, nhưng phải đợi đến lúc nhà thơ xuất hiện, lặng mình làm một mặt nước hồ im, trăng mới lại hiện về, long lanh hơn, huyền ảo hơn, ngay trên mặt đất, rất vừa tầm nhìn.

Nhà thơ có sáng tạo được gì đâu? Hắn chỉ là lá reo để đón gió, là hồ im để đón trăng, là cỏ ngã mặt để chờ sương. Hắn nắm bắt và giữ lại cho đời những chất thơ kín đáo nhất, mong manh nhất, thoáng qua nhất.

Ừ, mà nói cho ngay, nhà thơ cũng có sáng tạo đấy chứ. Nhưng ít thôi. Chỉ một điều: tạo ra linh hồn cho vạn vật, cái mà Thượng đế đã quên lúc tạo ra vũ trụ. Nhờ nhà thơ, gió trở thành hữu hình, trăng trở thành gần gũi, sương trở thành ấm áp.

Có phải khói sóng xưa kia chỉ là người tình của sông của biển? Khi nhà thơ ra đời, khói sóng tự nhiên hóa thân thành một nỗi niềm: "Yên ba giang thượng sử nhân sầu". "Lòng quê dờn dợn vời con nước. Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà".

Có phải hiện tượng nắng ngả màu, mây trôi chậm và gió bỗng dưng hiu hiu xưa kia chỉ là hiện tượng của tự nhiên? Khi nhà thơ ra đời, lạ lùng chưa, tất cả trở thành tín hiệu của tình yêu, tất cả đều nói lên cái nao nao, cái bâng khuâng của kẻ lần đầu *"đứng ngẩn trông vời áo tiểu thư"*.

Có phải vầng trăng xanh xao trên kia ngày trước chỉ hờ hững đi ngang qua mặt đất mỗi tháng mấy lần? Khi nhà thơ ra đời; trăng hết lạnh lẽo. Trăng thành tình nhân. Trăng thành nỗi nhớ. Từ nỗi nhớ của những người yêu nhau nhưng phải xa nhau *"Vầng trăng ai xẻ làm đôi"*; đến nỗi nhớ day dứt cồn cào của những kẻ lưu cư nơi đất khách không nguôi một niềm ước mơ vô hạn được trở về:

Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương.

Mặc dù ngay từ đầu truyện, Nguyễn Du đã giới thiệu Kiều là một người hay thơ, nhưng tôi tin Kiều chỉ thực sự làm thơ hay sau buổi đi tảo mộ về. Nghĩ lại coi, có lạ không khung cảnh lúc Kiều đi với lúc trở về khác nhau biết mấy. Cũng là thiên nhiên ấy, nhưng lúc đi, thiên nhiên chỉ là thiên nhiên; lúc về thiên nhiên đã vương rất nhiều tâm tư của người. Dòng nước tự dưng "nao nao", nhịp cầu hóa ra "nho nhỏ", ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh bỗng phảng phất vẻ "rầu rầu". Thiên nhiên không còn vô tình nữa. Thiên nhiên bị lây cái bâng khuâng của Kiều sau lần gặp gỡ Kim Trọng. Thiên nhiên cũng trở thành bâng khuâng. Kiều trở thành nhà thơ. *Chỉ trở thành nhà thơ khi người ta đã phá vỡ cảm giác đồng nhất giữa mình với ngoại cảnh để khám phá ra, trong sự phân thân kia, xuất hiện một sự đồng cảm sâu sắc. Làm thơ là dựng lên mối tương quan thân tình giữa con người và không gian chung quanh.* Để con người bớt đi cái cảm giác lẻ loi giữa cái bao la vô tận của trời đất như Trần Tử Ngang ngày trước, *"Niệm thiên địa chi du du. Độc sảng thiên nhi thế hạ"*. Để không còn xa xôi, vô tình nữa, trước con người, một cành hoa, một áng mây, một vì sao. Để con người và vạn vật có khả năng đồng cảm với nhau hơn, chia xẻ với nhau những niềm cô đơn của mình:

Không gian dày đặc toàn trăng cả
Tôi cũng trăng và nàng cũng trăng.

hay :

Trời biển khép một vòng thân
Trông cao xa ấy mà gần tâm tư.

Nhà thơ không chỉ làm cho con người bớt khắc khoải trong cô đơn. Nhà thơ còn làm cho tâm hồn nhân loại giàu có, rộng rãi mênh mông gấp bội. Trước khi nhà thơ ra đời, trái đất này có lẽ đã quá cũ. Cứ thế, cứ thế lặp lại hoài hoài những vòng quay. Cứ thế, cứ thế phô bày vẫn bấy nhiêu cảnh trí. Như từ ngàn xưa. Với sự xuất hiện của nhà thơ, núi non sông biển lại hiện ra những bức tranh mới, luôn luôn biến hóa và đẹp đẽ vô ngần (Hải sơn vị ngã xuất tâm đồ — Nguyễn Trãi). Nguyễn Trãi cũng đã không từng tự hào về sự giàu có của thi nhân đó sao?

Nhãn để nhất thời thi liệu phú
Ngâm ông thùy dữ thế nhân đa?

(Một thoáng chất thơ đầy cả mắt
Người đời dễ sánh khách thơ a?)

Làm thơ là ban phát sự giàu có ấy cho mọi người.

Trước khi nhà thơ ra đời, có lẽ loài người đã biết yêu nhau. Adam và Eva đã biết yêu nhau. Và chỉ biết yêu nhau. Với sự xuất hiện của nhà thơ, trong tâm hồn mỗi người, không còn lẻ loi một người tình đang ngủ, mà còn, hằng hà chung quanh, bao nhiêu chất thơ từ trời đất tụ về, điểm tô. Trên chân dung người tình, không chỉ có đôi mắt, dù đôi mắt vô hạn đẹp. Mà còn có dòng sông "Mắt em là một dòng sông. Thuyền anh bơi lội trong vòng mắt em". Rồi còn có gió có mây nữa. "Có phải em mang trên áo xanh. Hai phần gió thổi, một phần mây. Hay là em gói mây trong áo. Rồi thở cho làn áo trắng bay?" Đứng trước người yêu, mình không chỉ là mình, mình còn có thể là hoa cỏ may. "Hồn anh như hoa cỏ may. Một chiều cả gió, bám đầy áo em."

Chao ôi, trước khi nhà thơ ra đời, có lẽ tâm hồn con người hạn hẹp lắm. Có khi chỉ là một chiếc gương soi. Soi bản thân mình. Có khi chỉ là một bàn thờ. Thờ thần linh. Thờ người tình. Với nhà thơ, diện tích tâm hồn con người mở ra, thênh thang vô cùng vô tận. Những cành cây úa héo đâu đó dưới mắt thờ ơ của những kẻ chỉ biết cúi đi lầm lũi, nhờ nhà thơ, bỗng lại xanh tươi và nở hoa trong hồn người. Những làn hương dịu nhẹ dễ bị gió xua tan, nhờ nhà thơ, cứ đọng lại, mãi mãi vấn vương trong từng nhịp thở của con người. Những triều sóng vỗ của biển dễ bị chìm hút trong lãng quên, nhờ nhà thơ, cứ đọng lại hoài hoài một dư âm.

Và, còn nữa. Nhờ nhà thơ, con người nhìn thấy rõ hơn diện mạo tâm hồn mình. Xưa kia tâm hồn thăm thẳm mà u uẩn quá. Nó là cõi đêm. Nó là giông tố sấm chớp dữ dội nhưng cũng mù mịt vô cùng. Nhà thơ là kẻ lặn sâu hơn ai hết vào cái vùng bất an và vô định ấy. Nhà thơ có thể tả trăng, tả gió, tả mây, tả hoa... nhưng nghĩ cho cùng, qua đó nhà thơ nói lên tâm tư của con người. Trăng, gió, mây, hoa... chỉ là cái cớ. *Mục đích của nhà thơ không phải là mô tả mà là biểu hiện.* Chỉ có trong thơ dở, cảnh mới là cảnh. Trong tất cả những bài thơ hay, cảnh là người, là tâm tư.

Thơ không xuất phát từ nhu cầu ghi lại mà từ nhu cầu nói lên. Thơ không nẩy lên theo một vầng trăng mọc mà theo một cảm xúc mới nhú. Ừ, mà hình như, thường người ta bắt đầu làm thơ hay mê thơ lúc bắt đầu thấy xôn xao trong lòng một tình yêu chớm nở. "Yêu nàng, bao nhiêu người làm thơ", Nguyễn Nhược Pháp nói thế. Phần lớn con người đi vào cõi thơ vì một ánh mắt một nụ cười hơn là vì một "tịch dương vô hạn hảo". Có phải không khi các cô cậu học trò, đến tuổi nào đó, vào lớp, hết vuốt lại mái tóc mình, biết hãm lại tiếng cười cho vừa đủ độ giòn cũng là lúc xuất hiện trong các cặp sách của họ, quyển vở nắn nót... chép thơ? *Nhu cầu*

làm thơ khởi lên từ chỗ chẳm hết, trong tâm hồn, cái yên ả của tuổi thơ. Làm thơ trở thành một cách tỏ tình. Đọc thơ trở thành một cách tìm kiếm cảm thông.

Trong hàng vạn, hàng chục vạn người biết yêu và vì biết yêu mà biết làm thơ ấy, cuối cùng, có lẽ chỉ một hai người là trở thành nhà thơ thật sự: đó là kẻ có đôi mắt tinh, đôi tai thính nhất có thể phát hiện ra từng tế bào đang đổi mới trong hồn mình.

Nhiều người, ở đời, chỉ có một mùa hoa. Cái rạo rực chỉ đến một lần rồi xa hẳn. Nhà thơ thì ngược lại, mãi mãi là một tình nhân. Tôi luôn luôn đón nhận tin một nhà thơ nào đó chết đi với tất cả sự ngỡ ngàng, hoang mang. Bởi nhà thơ như một kẻ không có tuổi. Cứ trẻ hoài. Cứ giữ lại hoài trong lòng những phiến lá mới để sẵn sàng reo lên xôn xao ngay trước những cơn gió khẽ khàng.

Mọi người tìm kiếm trong thơ những tiếng nói chưa thành của mình.

Mà đời đâu phải chỉ có những rạo rực của tình yêu. Mọi nàng Kiều rồi sẽ bị xô bật ra khỏi lầu khuê có "trướng rũ màn che". Đời không thể cứ vĩnh viễn là một bình nguyên lặp lại mãi những cảnh sắc cũ. Hồn cũng không thể cứ vĩnh viễn là một không gian trống cho gió hút. Mọi người, kẻ sớm người muộn, đều bị đẩy ra biển. Biển trầm luân. Để giơ thân đón sóng. Sóng đau thương. Nhà thơ, khác với mọi người, là kẻ làm cho sóng dội lên thành dư vang ngân mãi. *Làm thơ là một cách tạo âm cho biển".* Đoạn trường tân thanh" là tiếng biển gào. "Chinh phụ ngâm", "Cung oán ngâm khúc": ... cũng là những tiếng biển gào. Ngay cả những câu thơ hết sức bâng khuâng "Em không nghe mùa thu" cũng là một thứ tiếng biển. Biển đang lặng sóng. Thầm thì.

Tất cả những bài thơ hay đều vang vọng âm thanh của biển. Phải không? *Thơ đâu chỉ là tiếng đập riêng của trái tim. Thơ còn là, phải là tiếng dội của lòng người trước dư ba của sóng.*

Bởi vì là tiếng dội của sóng nên thơ không là tâm sự thuần túy khép kín của một cá nhân. Thơ mở ra, gợi ra man mác những nỗi niềm tâm sự chung. *Thơ là một cảm xúc đi tìm một đồng cảm.* Thơ là tiếng nói một người nhân danh tất cả mọi người trong hoàn cảnh ấy, số phận ấy. Nhà thơ chỉ độc quyền được cho mình một cánh cửa. Sau cánh cửa kia là của mọi người. Trên núi Kính Đình ngày xưa chỉ một mình Lý Bạch ngồi buồn hiu hắt ngắm mây bay, chim bay nhưng còn nỗi cô đơn của ông, nỗi cô đơn ấy là nỗi cô đơn của nhân loại. Cả ngàn năm nay, mỗi khi con người lẻ loi trước thiên nhiên thời lại chợt nhớ, đọc lại "Chúng điểu cao phi tận. Cô vân độc khích nhàn. Tương khan lưỡng bất yếm. Duy hữu Kính Đình san" (1). Ngỡ như nỗi cô đơn và niềm bâng khuâng ấy là của riêng mình.

Thơ xóa đi cái không gian trống giữa người với người. Để

"giậu mồng tơi xanh rờn" không là nỗi phân ly. Để "tam tứ núi, thập bát đèo" không là điều cách biệt. *Thơ cũng xóa đi cái không gian chết giữa đời này với đời khác.* Để những giọt lệ của Kiều ngày xưa còn cay cay trong mắt người bây giờ. Để cái ngạo nghễ "lưng khôn uốn, lộc nên từ" của Nguyễn Trãi 600 năm trước còn lay động tâm thức người bây giờ. Để nhân loại hôm nay còn thấy bàng hoàng trước tiếng thét dài làm lạnh cả hư không của thiền sư Không Lộ một ngàn năm xa xưa.

Ý thức thời gian là một ý thức bi kịch. Ý thức không gian cũng là một ý thức bi kịch. Nhà thơ có thể làm thơ trong tâm trạng hoang mang run sợ trước cái mênh mông không cùng không tận của trời đất nhưng cuối cùng, mục đích của thơ là để vô hiệu hóa những khoảng cách kia.

Giữa biển sóng trùng trùng, con người, với thơ, quờ quạng tìm đến với nhau. Chia cho nhau một chút lửa. Chia cho nhau một làn hương hoa. Thơ là của mặt đất. Lưu Thần Nguyễn Triệu chỉ làm thơ khi chưa vào được Thiên Thai, không nguôi trong tâm sự bao nhiêu điều mơ ước. Lưu Thần Nguyễn Triệu cũng chỉ làm thơ khi đã vĩnh biệt Thiên Thai, day dứt trong lòng bao nhiêu nỗi nhớ nhung. Trong Thiên Thai, Lưu Nguyễn có làm thơ đâu? thơ chỉ là hoa của mặt đất đầy bất an. Đừng tự phong thánh cho mình lúc cầm bút làm thơ, bạn ạ.

Tản Đà ao ước lên chơi với chị Hằng là để cho có "bầu có bạn" và ông làm thơ cũng là để *"ta cảm thay ai viết mấy lời"*. Vũ Hoàng Chương *"đêm đêm... dõi mấy từng cao, tìm một quê hương mới lạ nào"* nay ông lại luôn cồn cào thèm khát được say với một người đã cùng mình gặp gỡ *"như chuyện Liêu Trai"* ngay trên mặt đất này. Phạm Công Thiện tự cho *"thơ ta là thơ trời"* nhưng lòng ông lại cứ nhức nhối dằn vặt với một chuyện rất ư là người *"tại sao cô lại khóc?"* Thơ ông *"bay lên trên mưa móc"*, ... *"liệng trên mái tóc"* đâu không thấy, chỉ thấy lòng ông rất thấp, rất thấp, hứng đầy những giọt nước mắt của một người con gái nào.

Có thể, người ta mới có lý do để làm thơ và đọc thơ chứ.

Lý thuyết thật nhiều, nhưng sự thực lại rất đơn giản. Nhà thơ ơi, hãy làm thơ để loài người tìm thấy một nỗi niềm chung hầu gần lại với nhau hơn; để cho mỗi người tự thấy tâm hồn mình rộng lớn và đẹp đẽ hơn vô ngần những chén cơm, những manh áo, những thân thể ngọc ngà; để cho những ai trong các căn phòng khóa chặt kia biết nao lòng trước những luồng sóng vỗ làm quặn đau những nàng Kiều bất hạnh.

Và những ai, chiều nay, bước ra khỏi nhà, nhìn lên bầu trời thăm thẳm xanh biếc trên cao mà tự dưng cảm thấy trong lòng mình có chút xôn xao, bâng khuâng mơ hồ, thì xin hãy nhớ đến

nhà thơ.

Những ai, đêm nay, sau cơn vật vờ giữa cuộc trầm luân, trở về nhà, lòng thảng nhẹ, thoáng nhận ra đâu đó có làn hương bưởi, chợt nhớ đêm đã khuya lắm và thấy lòng ấm lại một mùi hoa, thời xin hãy nhớ đến nhà thơ.

Và hãy cám ơn thơ.

Cấu trúc của một bài thơ.

Tản mạn về thơ (2).

Thơ, trước hết là ý. Lê Hữu Trác viết "Thơ cốt ở ý, ý có sâu xa, thơ mới hay". Ý dựng lên cột xương sống cho thơ, khiến bài thơ dù dài bao nhiêu vẫn là một chỉnh thể nhất quán. Ý thể hiện cái nhìn độc đáo riêng tây của nhà thơ trước những hiện tượng, những vấn đề của cuộc đời.

Nhiều người có khuynh hướng chia thơ ra làm hai loại: thơ trí tuệ và thơ tình cảm. Thơ trí tuệ coi trọng ý, đã đành. Ngay cả thơ tình cảm cũng không thể bỏ rơi ý. Không có ý, tình cảm sẽ tản mạn, bay loang như khói, chưa tụ thành hình mây. Ý là yếu tố quyết định và tạo hình của bài thơ. Bố cục gồm 4 phần trọng các thể Đường luật: đề, khai, thừa, kết là dựa theo ý. Sau này, thơ có khuynh hướng tự do hơn nhưng không có nghĩa là tính chất quyết định của ý bị giảm nhẹ.

Có điều, trong thơ, ý không thể là trần trụi ý, là nguyên chất ý. Ý đứng một mình không thể tạo thành thơ. Nó là văn: văn nghị luận. Nghĩa là cái gì xa lắc với thơ không những về thể tài mà còn về loại hình. *Thơ đòi hỏi ý phải gắn liền với cảm xúc.* Ý phải nhập thân vào cảm xúc. Nhà thơ có một ý tưởng. Chưa đủ. Hắn phải đợi ý tưởng ấy bồng lên trong lòng những luồng sóng vỗ. Cái nếp nhăn trên trán phải trở thành nếp nhăn trong tâm hồn. Cảm xúc phải dào lên song song với ý. Vũ Đình Liên suy nghĩ về thời gian. Thấy trước mắt mình có cái gì của quá khứ đang ngày một tàn tạ, phôi pha đi. Ý tưởng ấy gợi lên cảm giác ngậm ngùi. Thấy nao nao thương một hình ảnh thân quen sắp tắt như Lý Thương Ẩn xa xưa thương cho cái nắng hoàng hôn vô hạn đẹp sắp tàn: bài thơ "Ông đồ" ra đời không như một ý niệm trừu tượng về một sự mất đi mà còn là niềm lưu luyến đối với quá khứ, nỗi băn khoăn hiu hắt về "Những người muôn năm cũ".

Ý và cảm xúc. Vẫn chưa đủ. Để thành thơ, cần thêm một điều kiện nữa: *hình tượng*. Hình tượng là vóc dáng, là hình thù của ý và cảm xúc. Hình tượng cụ thể hóa, da-thịt-hóa ý và cảm xúc, biến ý và cảm xúc từ một hiện hữu trừu tượng, mơ hồ thành một sự hiện

hữu sinh động, có màu sắc, có âm thanh. Ý niệm về thời gian, nỗi ngậm ngùi về quá khứ của Vũ Đình Liên chưa đủ để tạo ra thơ trước khi ông tìm ra được một hình tượng thật đắc: hình tượng ông đồ. Ông đồ cưu mang trọn vẹn trong thân thể hình ảnh quá khứ, từ các thuở vàng son, ai ai cũng quí chuộng những câu đối Tết đến các thời kỳ suy tàn, người người hết xôn xao trước một nét bút như "phượng múa rồng bay". Ngày xưa, chung quanh ông là những người ái mộ. Ngày nay, chung quanh ông chỉ là lá vàng và mưa bụi bay. Cái gì mất đi trước hết? Những người thưởng thức. Cái gì phôi pha đi trước hết? Một thói quen thẩm mỹ của con người. Bài thơ của Vũ Đình Liên như cất cánh bay lên chiếm một khoảng không gian mênh mông. Ông đồ chỉ là một điểm nhỏ. Nghề viết câu đối Tết chỉ là một điểm nhỏ. Rộng hơn và xa hơn, là một phần của nền văn hóa quá khứ đang bắt đầu chìm đi và mất hút trong "lớp sóng phế hưng".

Ý, qua hình tượng, trở thành rõ ràng hơn. Cảm xúc, qua hình tượng, trở thành sâu sắc hơn.

Ngược lại, nhờ ý và cảm xúc, hình tượng mới bay bổng vào trong cõi thơ. Tạo nên khoảng cách xa lăng lắc giữa Thơ và Vè. Thử đọc mấy câu thơ sau đây của Tú Xương:

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa chỗ giồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai...

Chỉ là 3 câu tả cảnh không có gì đặc sắc. Ai làm cũng được. Không khác mấy với những câu thơ Đỗ Quý Toàn nêu ra đùa trên Văn Học số 2/86: "Vui chân đến quán Chiêu Hiền. Phở ngon lại có chuối chiên đậm đà..." Thế nhưng đến câu cuối:

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

thì mọi sự đổi khác hẳn. Cánh đồng dường như biến mất. Nhà cửa và ngô khoai cũng dường như biến mất. Còn lại buồn tênh những tiếng ếch kêu. Rồi ngay cả tiếng ếch kêu cũng biến mất. Còn lại, chỉ còn lại ngân nga man mác trong tâm hồn nhà thơ những tiếng gọi đò năm xưa. Không gian im của bức tranh tĩnh vật bỗng lồng lộng vang lên khắc khoải những tiếng gọi đò. Chao ôi, tiếng gọi đò. Tiếng gọi đò vang vang trong tâm tưởng. Tiếng gọi đò vang vang đêm khuya. Tiếng gọi đò vang vang lạnh buốt một vùng Nam Định đang trở mình thay đổi. Thời gian sững lại, xóa nhòa quá khứ, xóa nhòa hiện tại. Nhà thơ, với câu thơ cuối trong bài, vừa làm một phép mầu: con sông lấp kia lại trở thành một con sông lao xao nước chảy như thác. Cái ảo ảnh trở thành có thật. Có thật như nỗi nhớ không nguôi giữa lòng người.

Ý, cảm xúc và hình tượng phải quyện chặt vào nhau, nhập thân vào nhau, cộng hưởng với nhau để tạo thành cái mà người

xưa hay gọi: *tứ thơ*. Có thể định nghĩa *tứ thơ là một ý tưởng gắn liền với một cảm xúc hiện thân qua một hình tượng cụ thể.*

Xuân Diệu cho việc làm thơ, trước hết là kiếm tứ. Và trong việc làm thơ, theo ông cái khó nhất là việc tìm cho ra một tứ thơ hay.

Có tứ, nhà thơ còn một nhiệm vụ nữa để làm: *thể hiện tứ thơ ấy ra ngôn ngữ.* Bởi văn học là nghệ thuật ngôn ngữ. Cần phải tìm ra những chữ phản ánh trung thực và sâu sắc nhất cái ý mình muốn nói; đầy đủ và có khả năng truyền cảm nhất những cảm xúc mình muốn gửi gấm; độc đáo và gây ấn tượng nhất những hình ảnh mình muốn dựng. Rõ ràng ngôn ngữ thơ phải tùy thuộc vào tứ thơ. Một ngôn ngữ thơ thành công là một ngôn ngữ diễn đạt tứ thơ một cách trọn vẹn nhất, hoàn chỉnh nhất. Mọi nỗ lực trau chuốt ngôn ngữ ở ngoài mục đích thể hiện tứ thơ đều là những son phấn giả tạo.

Nếu việc đãi lọc ngôn ngữ luôn luôn là một dày vò đau đớn nhất đối với người cầm bút thì điều đó, càng đúng hơn nữa, đối với người làm thơ. Nhà thơ là kẻ trăn trở vật vã với từng con chữ một. Giả Đảo là một ví dụ cực đoan. "thôi xao" như ông thời hơi quá. Nghiền ngẫm suốt ba năm ròng để làm được 2 câu thơ, đọc xong, tràn nước mắt như ông thì cũng hơi quá. Tuy nhiên không có nhà thơ lớn nào lại không quằn quại đau khi sinh đẻ chữ nghĩa. Trong ngôn ngữ thơ có hai nguyên tắc lớn ít được ai nói đến: một, *trong thơ, mỗi chữ là một sinh mệnh riêng, có chỗ đứng riêng, không thể xóa bỏ hay thay đổi.* Nó là một con cờ trong một ván bài, là một người lính đứng nghiêm trong đội ngũ, là một tay kiếm trong thế trận các truyện kiếm hiệp hay tả. Sẽ tồn tại và vị trí của mỗi chữ gắn bó máu thịt với bài thơ. Không có sự thay đổi nào không gây nên hụt hẫng. Không có ví dụ nào rõ hơn là chữ 'vèo" trong câu thơ "vèo trông lá rụng đầy sân" của Tản Đà mà mọi người hay nhắc. Hai, *trong thơ, tuyệt đối không có từ đồng nghĩa.* Đây là điểm khác nhau cơ bản giữa thơ và văn xuôi. Trong văn xuôi có thể dễ dàng thay đổi từ mà không hại mấy đến chất văn. Trong thơ thời khác. Trong thơ, mỗi từ ngữ, ngoài nghĩa, còn có sắc thái biểu cảm, còn có âm, vần, điệu ngân, điệu vang, còn có cái khí quyển tâm lý bao bọc quanh nó. Nguyễn Bính có câu thơ:

Em nghe hàng xóm phong thanh
Hình như họ biết chúng mình... với nhau.

Đó chỉ là câu thơ bình thường, rất mực bình thường, nếu tác giả không dùng từ "... với nhau" thay cho một kiểu nói quen thuộc hơn: "yêu nhau", Nguyễn Bính lột trần thực cái tâm lý bẽn lẽn, e ấp, thẹn thùng của người con gái ở thôn quê ngày trước. Bởi bẽn lẽn, e ấp, thẹn thùng nên người con gái ấy mới băn khoăn về việc

"hàng xóm phong thanh", về việc "hình như họ biết". Chỉ bằng việc dùng chữ "với nhau" Nguyễn Bính làm cho 12 chữ còn lại của cặp lục bát trên có lý do tồn tại, làm cho 2 từ "phong thanh" và "hình như" trở thành đắc thế.

Trong ngôn ngữ, ngoài *ngữ nghĩa, ngữ sắc,* còn có *ngữ điệu* bao gồm trước hết *âm* và *vần* (gồm cả thanh điệu — bằng, trắc) là hai yếu tố đầu tạo nên nhạc tính trong thơ. Xuân Diệu nhờ sử dụng âm "r", một phụ âm rung để tả cái lay động của lá trong gió: "những luồng run rẩy rung rinh lá". Nguyễn Du "tả" tiếng khua lóc cóc khó nhọc của vó ngựa trên con đường dốc đá qua âm điệu của những tính từ gợi hình "vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh". Tản Đà "tả" sự sắp tàn của một năm bằng cái âm thanh yếu ớt, nhẹ thoảng như lời thều thào của một người hấp hối của từ "hồ": "Hồng bay mấy lá năm hồ hết". Thử thay từ "hồ" ấy bằng một từ khác có nghĩa tương đương, chẳng hạn, "năm gần hết", người ta sẽ thấy ngay vai trò của ngữ âm trong thơ.

Có khi âm và vần bộc lộ nhiều hơn chính cái ngữ nghĩa của nó, chẳng hạn:

Những lúc say sưa cũng muốn chừa
Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa
Hay ưa nên nỗi không chừa được
Chừa được thì ta cũng chẳng chừa.

Muốn chừa rượu nhưng không chừa được bởi lúc này mình cũng đang say. Tại sao biết? Những vần "ưa" lặp đi lặp lại gợi lên cái cảm giác nhừa nhựa của một kẻ đang chếnh choáng hơi men.

Trong bài "Đêm mùa hạ", Nguyễn Khuyến chọn gieo vần trắc ở cuối câu:

Tháng tư đầu mùa hạ
Tiết trời thực oi ả
Tiếng dế kêu thiết tha
Đàn muỗi bay tơi tả.
.....

Để làm gì? Để cực tả cái oi ả của đêm hè và nhất là, để nói lên cái tâm trạng bức bối ngột ngạt khó chịu của mình trước thời cuộc, điều ông không hề bộc lộ thẳng ra ở bất cứ một chữ, một câu nào trong suốt bài thơ.

Bên cạnh *âm* và *vần, nhịp ngắt* là yếu tố quan trọng trong việc tổ chức ngôn ngữ thơ. Nhiều người đã chứng minh tính chất độc đáo của nhịp điệu trong thơ Việt Nam khi so sánh với thơ Trung quốc. Dẫu sao, trên thực tế, nhịp điệu không ngừng biến hóa, tùy thuộc tài hoa mỗi người. Cũng là lục bát nhưng trong Truyện Kiều có biết bao là cách ngắt nhịp khác nhau. Sử dụng linh hoạt và sáng tác cách nhgắt nhịp khiến câu thơ tránh được sự đơn điệu, đồng

thời giúp nhà thơ mô tả được cái lặng lẽ cần có trong thơ, cái lặng lẽ mà đôi khi, nghĩa của chữ khó lột trần:

Cuối tường gai góc mọc đầy
Đi về này những lối này năm xưa.

Ở câu 8, nhịp ngắt 3/3/2 cộng với sự lặp lại 2 lần từ "này" có phải giúp chúng ta hình dung ra trọn vẹn dáng vẻ trầm ngâm đau đớn của Kim Trọng khi trở về Vườn Thúy đã mù biệt, vô tăm bóng dáng của Kiều?

Sự kết hợp giữa âm, vần, nhịp ngắt và hình ảnh sẽ tạo ra cái mà chúng ta gọi là hơi thơ. Có hơi thơ chậm. Có hơi thơ nhanh. Thế Lữ tả tiếng sáo bằng hơi thơ thật chậm:

Tiếng đưa hiu hắt bên lòng
Buồn ơi! xa vắng mênh mông là buồn.

ngược lại hơi thơ lại chuyển sang nhanh khi tả cánh hạc bay vút lên trời cao:

Trời cao xanh ngắt. Ô kìa...
Hai con hạc trắng bay về Bồng lai.

Vũ Hoàng Chương tả hai điệu vũ khác nhau bằng hai hơi thơ khác nhau:

một :

Ánh đèn tha thướt
Lưng mềm, não nuột dáng tơ
Hàng chân lã lướt
Đê mê hồn gửi cánh tay hờ
Âm ba gờn gợn nhỏ
Ánh sáng phai phai dần...

hai :

Lui đôi vai, tiến đôi chân
Riết đôi tay, ngả đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió
Không biết nữa trời xanh hay sắc đỏ.

Trong khi đó, *sự kết hợp giữa âm, vần, nhịp ngắt và cảm xúc lại tạo ra cái mà chúng ta gọi là giọng thơ.* Giọng thơ trực tiếp thể hiện tâm trạng của nhà thơ. Có giọng thơ hùng tráng dữ dội trong "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi. Có giọng thơ đau đớn nghẹn ngào trong "Hải ngoại huyết thư" của Phan Bội Châu. Có giọng thơ đè nén chua cay trong "Nhất định thắng" của Phùng Quán. Có giọng thơ khinh bạc trong "Gửi Trương Tửu" của Nguyễn Vỹ... Có giọng thơ ngất ngưỡng của Nguyễn Bắc Sơn, ngang tàng của Cao Tần, ngông nghênh của Ngu Yên...

Trong bài "Nhớ rừng", Thế Lữ dùng 2 giọng thơ khác nhau để tả hai tâm trạng khác nhau:

Khi con hổ nhớ quá khứ oanh liệt của mình, giọng thơ mạnh và hùng:

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi
Với khi thét khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên dõng dạc, đường hoàng...

Khi con hổ nhớ những cảnh thơ mộng của rừng núi, giọng thơ nhẹ và thoáng chút bâng khuâng:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan...

Tất cả những yếu tố trên: *âm, vần, nhịp, hơi thơ, giọng thơ tạo thành nhạc điệu của thơ.* Có thể khẳng định nhạc điệu là yếu tính của thơ; là ranh giới quan trọng nhất phân biệt thơ và văn xuôi. Người ta có thể phá đổ tất cả mọi lề lối khuôn phép cũ, từ số chữ đến số câu, từ niêm, vần đến luật bằng bằng trắc trắc. Nhưng phải giữ lại nhạc điệu. Người ta có thể xáo tung hết mọi tổ chức từ lâu ngỡ là cố định của thơ; chặt câu thơ ra từng khúc, từng khúc:

Mặt trời mọc
Mặt trời mọc

hay kéo dài câu thơ ra miên man :

lỡ một mai tôi chết trần truồng không cơm áo

hay nối các câu thơ lại với nhau theo kiểu bắc cầu:

chỉ một ngày thôi. Em sẽ
trở về. Nắng cũng mong. Cây
cũng nhớ. Ngõ cũng chờ, và bướm
cũng thêm màu trên cánh đang bay.

nhưng phải giữ lại nhạc điệu.

Trong giới hạn bài viết này, tôi không thể đi sâu phân tích về nhạc điệu trong thơ tự do, một vấn đề khá phức tạp. Xin hẹn một dịp khác. Ở đây chỉ xin nêu một số đặc trưng nổi bật nhất: thơ cổ điển và thơ mới chủ yếu sử dụng *nhạc điệu bên ngoài* hình thành từ độ ngân vang của âm, sự luyến láy của vần, sự ngắt hơi của nhịp: ngược lại thơ tự do chủ yếu sử dụng *nhạc điệu bên trong,* hình thành từ sự gắn bó của ý, sự trùng điệp của hình tượng và nhất là sự dạt dào trong cảm xúc. Thơ cổ điển và thơ mới thuộc dòng thơ chủ yếu để ngâm. Thơ tự do chủ yếu thuộc dòng thơ để đọc. Thơ để ngâm gần với ca nhạc. Thời Đường bên Trung Quốc, các kỹ nữ thường hay "hát" thơ. Thơ để đọc gần với văn xuôi. Trừ trường hợp được phổ nhạc, thơ tự do không thể "hát" mà cũng khó ngâm. Thơ để ngâm là loại thơ để thưởng thức bằng tai, chinh phục người đọc trước hết bằng cảm giác về âm thanh. Thơ để đọc là loại thơ để thưởng thức bằng mắt, chinh phục người đọc trước hết bằng sự độc đáo trong cấu tứ, trong tư tưởng. Chưa biết thơ tự do có giá trị thẩm mỹ hơn thơ cổ điển và thơ mới hay không nhưng đúng về phương diện tâm lý xã hội, thơ tự do, ngay từ lúc ra đời,

đã chịu ngay một sự thiệt thòi lớn: người ta ít nhớ.

Ở trên, tôi đã liều nêu lên sơ bộ một số yếu tố trong một bài thơ. Tôi thử liều thêm một lần nữa, vẽ lên thành một mô hình như sau:

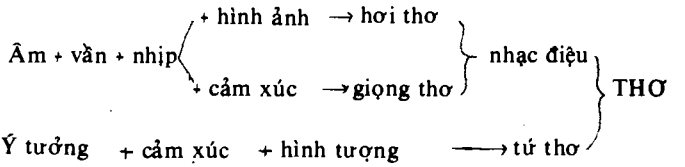

Như vậy, *trong thơ có hai yếu tố quan trọng nhất: tứ thơ và nhạc điệu.* Có phải vì thế mà có người gọi thơ là đi giữa ý và nhạc chăng?

2/4/87
Nguyễn Hưng Quốc

(1) Dịch nghĩa :
"Bầy chim vút bay lên cao. Mây lẻ từng đám nhàn nhã bay về. Nhìn nhau không chán mắt. Chỉ có núi Kính Đình."

Cung Vũ

Lên Non Hái Trái

Em khăn vàng áo đỏ
Cười dưới phố xôn-xao
Thung chiều ai bỡ-ngỡ
Dặm dài trở gót chiêm-bao

Hài hoa in đường hoang-phế
Cỏ non đón vạt hồng-đào
Con chim hót lời rất lạ
Nắng chiều chợt mỏi cánh chao

Ừ thôi chị nhé ta về
Trăm năm cũng một dòng khe ngập-ngừng
Giã người biệt-khúc mênh-mông
Thiên-thu rồi cũng tạnh không phương này !

Nguyễn Bá Trạc

Thư gửi người bạn thơ.

San José, 15 tháng 5, 1987

Anh Nguyên,

Anh có biết từ khi nào một người trở thành thi sĩ? Câu trả lời lãng mạn và dễ dãi: *Từ khi người ấy đưa mắt lên nhìn trời sao, tay gãi cằm và trong trái tim phát ra một điệu nhạc dịu dàng.* Hoặc giận dữ. Hoặc nhỏ nước mắt buồn bã, đau thương. Cô quạnh, bùi ngùi. Bất cứ lúc nào điệu nhạc ấy, những cảm xúc ấy làm rung động bên trong, vùng vẫy truyền ra bên ngoài, trong khoảnh khắc, anh ta trở thành thi sĩ.

Còn một câu trả lời khác —khó khăn hơn, nghiêm khắc hơn— cho một thi sĩ trọn vẹn, đích thực hơn. Đó là: *từ khi người ấy dám kết hôn với thơ. Chỉ với thơ mà thôi, không với ai khác.* Dẫu cho thế giới chung quanh tràn ngập những người đàn bà đẹp (có cái cẳng dài, đôi mắt chớp chớp đầy mộng mơ), hắn cũng chỉ yêu thơ hơn hết thảy. *Mà thôi.*

Thế thơ là gì? Cũng là một người đàn bà đẹp chăng? Vâng, đúng vậy. Cũng có thể là một người đàn ông đẹp (nếu thi sĩ là một nữ thi sĩ). Cái đẹp ấy, dĩ nhiên nó chủ quan. Có nhiều người đắm đuối yêu một người *như tôi hay như chị.* Điều ấy đã chết ai?

Hình thức của thơ có thể xếp theo hình quả trám, hình vuông, hình bực thang hay hình tròn. Nó có thể kêu ầm ầm như nhạc Rock hay cò ke như một cái đàn gáo. Có thể hững hờ suối chảy mây bay. Cái quan trọng là cái gì ở trong trái tim, cái điệu nhạc nào đã phát ra nó kìa?

Nó đau đớn trước quê hương đất nước? Nó ưu phiền trước thảm kịch? Nó êm ả hòa bình? Lồng lộn như chiến tranh? Rộng rãi

và cao cả như bầu trời? Cái gì cũng được! Nếu nó đến một cách thành thật như sự giản dị của chính tâm hồn.

Hãy chỉ cho tôi biết người yêu của anh như thế nào, tôi sẽ nói thơ của anh ra sao !

Nó có cái cổ dài như tranh Modi? Nó đội cái nón rơm xinh đẹp như nàng Anabel của Buffet? Nó nhăn mũi? (Tây Thi). Nó ỡm ờ như cô đầu? Rền rĩ như nhạc Jazz, nhạc Blue? Nó sáng như sao sáng? Nó tối như bóng đêm?

Thơ, trước tiên nó làm người ta mất ngủ. Vì sao? Vì những anh những chị thi sĩ hễ đã bị thơ nhập vào thì 2, 3 giờ sáng cũng thao thức viết, đang ngủ cũng nhổm dậy. Thơ, chính nó là *một liều thuốc thức.*

Nó bắt người ta ý thức toàn bộ thế giới với một trí tuệ tràn đầy, sau đó nó cất tiếng ru người ta ngủ trong những cảm xúc và ngôn ngữ dù có thuận lý hay bất thuận lý (điều ấy không cần). Thi sĩ đã ý thức triệt để, toàn bộ và cao độ trước khi lăn mình vào kết hôn với nàng thơ. Lý hay không lý? Điều này không có tính trội yếu đối với trái tim thi sĩ vốn là:

— Thứ nhất mềm mại như tim trẻ con.

— Thứ nhì sắt thép như tim chiến sĩ xung phong bắn ra, tung ra các nốt nhạc có phép biến hoá như những sợi lông khỉ Tôn Ngộ Không. Phóng ra những chữ có uy lực để khóc cười, để thương giận, buồn hay vui.

Xin để ý: Những nốt nhạc, những chữ, (những câu thần chú kia) có thể dễ hiểu như một bài tập đọc, có thể thầm kín sâu xa nhưng vẫn đôn hậu chân thật như một nông dân cơm nước no nê với cà pháo, rau muống, tép rang, anh chàng vươn vai nhổm dậy xỉa răng, xỏ đôi guốc mộc ra ngồi thẫn thờ ê a nhìn trăng sáng trên một cái chõng tre. Anh ta làm gì? Anh ta gặm nhấm nhiều cái riêng tư của mình mà người ta không biết, không hay *(Muối xát lòng ai nấy mặn mòi* tức là chuyện riêng của ai thì chỉ có người ấy biết mà thôi).

Quả đúng vậy. Thơ, có thể bắt thi sĩ ra đứng trước công chúng như một người ở trần ở truồng. Ai cũng có thể thấy hết như nhìn qua một tấm kính trong suốt. Mà ngược lạ, thơ có khi chỉ lấp ló cái ánh đèn dầu leo lét, mấy giọt nước mắt từ từ chảy xuống canh khuya.

Ôi, cũng đúng vậy.

Một thi sĩ, trước hết chỉ là một người như mọi người: Họ phải ăn phải ngủ, bài tiết các thứ, phải đóng thuế nếu có đi làm, phải lái xe ô tô (nếu sống ở Mỹ, ngoại trừ một số rất ít các *thi sĩ già*, hễ lái xe ô tô lên xa lộ thì sợ, không dám lái, đi nhậu cũng phải nhờ người ta lái).

Tất nhiên, một thi sĩ lâu lâu cũng đi bầu, hay không đi bầu, nhưng ít ra cũng phải yêu nước, yêu nhân dân, yêu đồng bào. Phải biết yêu nhân loại. Phải biết yêu cái hành tinh mình đang sống với các giống người, các dân tộc khác nhau. Phải biết yêu cả cái vũ trụ nhiệm mầu sâu thẳm trong đó có một quả đất con con đang xoay vòng vòng cho tới khi tắt lửa.

Ở bên Tầu (Trung Hoa) có một chàng thi sĩ tên là Lý Bạch. Chàng Lý Bạch từ con thuyền đã nhảy ùm xuống nước để ôm cái bóng trăng lấp lánh trên dòng sông. Tất nhiên, nhảy như thế thì chết. Chết thì chết, đời vẫn cho là đẹp. Và đẹp thì đẹp, đời vẫn ít ai dám nhảy xuống sông ôm trăng mà chết.

Nhưng cái chữ *"Phải"* được dùng ở đây cũng chỉ có cái ý nghĩa cực kỳ tương đối. Ví dụ: Phải đi bầu. Phải yêu tổ quốc. Phải yêu nhân loại. Phải đóng thuế. Phải lái xe ô tô. Không phải cũng chưa sao. Thi sĩ Tú Xương (người Việt Nam) không bao giờ biết lái xe ô tô: Lúc ông ấy sống, chỉ có xe ngựa mà thôi. Thi sĩ Rimbaud, đi buôn nô lệ, điều ấy thực bỉ ổi, nhưng ông ấy vẫn là thi sĩ.

Appolinaire hình như có lúc để râu quai nón? (Người Âu Châu họ thích để râu quai nón. Người Việt Nam thích để râu ba chòm). Nguyễn Khuyến, đỗ đạt cao như thế, làm quan to như thế, mà lại bỏ thì giờ làm thơ tả cái chân đàn bà *cái gì trăng trắng như con cúi* (Đầu làng Ngang có một chỗ lội. Có đền ông Cuội cao vòi vọi. Đàn bà đến đó xắn quần lên. Chỗ thì đến háng chỗ đến gối).

Chân dung của thơ, những cái *"Phải"* của thơ, nó cũng vậy. Có khi trọc đầu (Thi sĩ T.1984). Có khi để tóc dài (Thi sĩ Đoàn thị Điểm, Hồ xuân Hương, thi sĩ Bà huyện Thanh Quan). Có người trán hơi hói: Theodore Roethke, Hiệp chủng quốc. Có người để râu mép: Keneth, Rexroth, sinh năm 1905 ở Indiana. Có người chột mất một mắt: Robert Creeley, tốt nghiệp đại học Harvard. Có người bụ bẫm, đeo kính trắng, hình dáng như một nhà địa ốc thành công: Thi sĩ James Wright, người xứ Ohio, tác giả bài *Ba đoạn thơ cho một con thiên nga chết tiệt* (Three sentences for a dead swan). Đó là nói về các thi sĩ hiện đại của Tư bản Mỹ. Còn các thi sĩ Cộng Sản Nga cũng kỳ cục chẳng kém. Có anh trịnh trọng ra tiệm thợ giặt lấy áo sơ mi mới về mặc vào rồi lấy súng bắn vào thái dương, chết!

Tự do! Đúng vậy, thơ và tấm lòng lồng lộng của thi sĩ như nhựa xuân tràn trong trí tuệ, đi quanh co dưới cõi đời, sống cùng một lúc với thực tại ngắn ngủi, đồng thời, với cái vô cùng vô tận của thời gian. Nó đến từ lúc tóc còn xanh. Nó về làm cho người ta xanh tóc.

Nó có thể ích kỷ như con bé gái khó tính ôm ấp mãi không rời

một con búp bê đã cũ. Nó có thể cởi mở vị tha giữa các anh em, giữa các người.

Cái thuật của thơ, không phải là ở cái số chữ, số câu. Cái thuật của thơ, không phải ở cái bực thang, cái hình tròn hay hình quả trám. Cái thuật của thơ, chính nó là ở cái cú bắt như một cầu thủ bóng tròn với đôi bàn tay nhựa, bắt dính cái khoảnh khắc mong manh nhưng chân thật của cảm xúc mình trong một cái chớp ngắn ngủi giữa dòng thời gian và vũ trụ trôi qua.

Nó bắt ngay cái lòng thơ, cái hồn thơ một cách hùng tráng, dịu dàng hay dấm dẳn. Như Nguyễn Công Trứ:

Tau ở nhà tau tau nhớ mi !
Nhớ mi tau phải bước chân đi !
Không đi mi biểu răng không đến !
Đến thì mi biểu đến mần chi ?
Mần chi tau đã mần chi được ?
Mần được tau mần đã mấy khi !

Vậy còn ai thi sĩ hơn nữa, hỡi dân tộc Việt Nam? Cái dân tộc chèo đò: ngâm thơ. Đi cầy: ngâm thơ. Tát nước: ngâm thơ. Ru con: ngâm thơ. Nhớ chồng: ngâm thơ.

Than ôi, bố mê gái mà con cũng ngâm thơ, thiệt phũ phàng!

Nước nóng đổ lọ bình vôi
Tôi ngồi tôi nghĩ bố tôi, tôi buồn
Bố tôi dở dại, dở khôn
Say mê cái l... bỏ mẹ con tôi

(Nguyễn văn Ngọc, Tục ngữ phong dao 2, trang 156)

Một dân tộc thi sĩ như thế hẳn là một dân tộc thở ra hút vào bằng thơ. *Thơ là khí trời. Thơ hay trong khí trời. Thơ tự do như khí trời.* Muốn có vần thì có vần. *(Thơ hay lọ phải có vần*— Thăng Long Văn Sĩ). Không có vần, cũng không ai bắt buộc như Cộng Sản bắt bỏ tù Quốc Gia, Quốc Gia bắt bỏ tù Cộng Sản, Mỹ bỏ tù gián điệp Nga, Nga trục xuất gián điệp Mỹ.

Không! Thơ của dân tộc Việt Nam đã xuất hiện từ mấy nghìn năm trước ông Adam Smith, trước Karl Marx, trước Lenin, trước các cuộc cách mạng mùa thu mùa đông, trước khi nước Mỹ thành trì của chế độ tư bản trở thành một nước. Thơ của dân tộc Việt Nam: Thơ ấy không bắt bớ ai làm cái gì. Nó có thể trên sáu dưới tám. Ngũ ngôn tứ tuyệt. Hay hát nói, muốn nói gì thì nói. Thơ của dân tộc Việt Nam: Nó đứng trên xa những chuyện Cộng Sản độc tài, Tư Bản bóc lột, nhưng nó vẫn gần ơi là gần với cái ăn, cái mặc, cái chổi, con mèo, cây cau, thằng mõ, con chuột, ông tiến sĩ giấy, ông sư bà vãi, cái tóc đuôi gà (Một thương tóc để đuôi gà. Hai thương lời nói mặn mà có duyên).

Một dòng thơ như thế trong nhân loại đã xuất hiện, đã có

mặt, đã trôi chảy luân lưu, đã trường tồn từ mấy nghìn năm thì dẫu cho Cộng Sản Quốc Gia gì cũng mặc, những cái áo mỏng manh sẽ cũ, sẽ rách, cái lồng ngực và bắp tay mạnh khoẻ chắc nịch sẽ còn, sẽ trường tồn vĩnh cửu, mãi mãi, mãi mãi (Trừ phi bọn khùng cho nổ bom nguyên tử chết sạch sành sanh).

Ai ơi giữ chí cho bền !
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

Vì những chuyện như thế nên dòng thơ Việt Nam dẫu có mặc áo Tầu (Đường luật) áo Tây (Xuân Diệu: Núi đứng im như một miếng bìa. Huy Cận: Có chàng ngơ ngác tựa gà trống) áo Mỹ (Thi sĩ Y.) áo Liên Sô (Ông Tố Hữu). Có vần hay không có vần (Các ông Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền làm thơ ít khi có vần nhưng thơ tuyệt hay, họ sẽ được ngàn đời ghi nhớ. Cước chú: Hiện nay Cộng Sản đang dại dột bỏ tù rục xương các văn thi sĩ, việc ấy người yêu văn thơ ngàn đời sau còn xét, còn chê).

Không ai nên bỏ tù các thi sĩ văn sĩ dẫu cho họ thiếu thuế, lái xe ô tô không trúng luật đi đường, hay là vì họ yêu tự do công chính theo cách của họ, họ chống lại mọi hình thức áp bức con người theo cách của họ. Thị sĩ và thơ, họ làm bằng hương hoa huệ, hoa hồng hay hoa nhài, đôi khi bằng máu và nước mắt, bằng tất cả những niềm vui nỗi khổ trong nhân loại, trong chúng sinh ba ngàn thế giới. Khi một con người đã chịu khổ trong nhân loại thì dẫu họ thiếu thuế cũng còn phải tha thuế, huống gì...

Lý Bạch bên Tầu được ông vua (phong kiến) ban cho một cái tín bài (Ngày nay ở Mỹ gọi là *Credit card).* Lý Bạch đi đâu, Lý Bạch cứ việc ăn nhậu. No say rồi, việc ấy đã có vua quan tính tiền. Việc ấy được đời ca tụng. Việc ấy làm cho ngày nay người ta mới được thưởng thức những câu thơ mênh mông khoan khoái, cả những tâm hồn bụi bặm nhất khi nghe đến, đọc đến cũng được tắm gội sạch sẽ, gột rửa kỹ lưỡng trước khi bay lên cõi trời gặp mặt tổ tiên. (Cước chú: Lý Bạch là một chàng rất thông minh. Mười tuổi đã đọc sách bách gia chư tử. Mười lăm tuổi vừa học đánh kiếm vừa luyện văn chương. Từ hai mươi đã dạo chơi khắp vùng, nuôi chí làm chính trị để giúp nước cứu đời).

Và tình yêu! Chao ôi tình yêu của loài người, cái lưỡi cuộn tròn êm ả, *cái hình dáng dịu dàng cao quí mà nó đã nhập vào người ta làm cho người ta chỉ có thể yêu nàng mà thôi* (phỏng dịch vài chữ của Appolinaire).

Chao ôi, cái tình yêu ấy đã hoang vu như sa mạc trong buổi chiều quạnh quẽ, ánh trăng non buông xuống một vùng xám trắng trên đám xương rồng gai góc, những cây thánh giá trên mồ kẻ chết in lên nền trời những tay khô, không có thịt, không có tủy, chỉ có xương, vẫn nắm chặt vũ khí (AK47, M16, 17, gươm Nhật Bổn,

lưỡi lê phát xít Đức). Ôi những cánh tay khô mỗi ngày tuyệt vọng bám lên chấn song nhà tù. Phải chăng đấy là tình yêu Bà mẹ Suốt? Phải chăng đấy là *chàng Huy Cận khi xưa hay buồn lắm?*

Thương cha thương mẹ thương chồng
Thương mình thương một thương ông thương mời.

Ông đây là ông nào? Là ông thi sĩ, có thể là bà thi sĩ. Không có thi sĩ lấy đâu ra thơ mà hút thở ở cõi đời? Lấy đâu thơ mà uống? Lấy đâu thơ mà ăn? Lấy đâu những tiếng chim: *Ta là con chim đến từ núi lạ ngựa cổ hát chơi?*

Bạn tôi, anh Phan Nhật Nam không làm thơ, nhưng là một nhà văn nhân bản. Theo cách của anh. Một người Việt Nam yêu nước. Hễ đã nhân bản và yêu nước thì viết thế nào cũng là thi sĩ. Một thi sĩ viết bằng văn xuôi. Bạn tôi rất sợ ở tù. Cái gì cũng chịu được chứ ở tù thì không chịu được (Đọc Tù Binh và Hòa Bình). Thi sĩ đó — Phạm Nhật Nam — đang ở tù *cải tạo* từ 12 năm nay không xét xử, không thời hạn. Than ôi, người ta không hiểu thơ là cái gì. Lúc nào cũng "phải đạo" 100%, lý tính 100%, nghệ thuật 100%. Thế là ba trăm phần trăm ư? Con người ta chứ đâu phải là con châu chấu? Hay con dế? Con chuồn chuồn (Bắt con chuồn chuồn, cắm cái tăm vào đít cho nó đi tu?)

Thú thiệt ra: Bàn về thơ mà nói chuyện Quốc Gia Cộng Sản là xoàng. Quốc Gia Cộng Sản Tư Bản chỉ là chuyện dưới đất. Thơ ở trên trời. Thơ Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu mặc dù Cộng Sản nhưng cứ đếm thì biết. Thơ của họ có cả vạn chữ "Trời". Vậy có trời hay là không có trời? Giết trời đi thì ta ở với ai? (Thi sĩ Nhất Hạnh: Kẻ thù ta nào phải là người. Giết người đi thì ta ở với ai?!)

Thi sĩ, họ ở dưới đất. Đúng vậy. Nhưng hồn họ gặp nhau ở trên trời, nếu đích thực họ là thi sĩ. Nói thế này cho dễ hiểu: Họ gặp nhau ở trên mây. Trên trăng trên sao. Họ xuống dưới đất đi cầy, đi cấy, đi lính, đi thu thuế, đi cắt cỏ, đi bán bảo hiểm bán nhà, đi tu, đi cách mạng, đi xe đạp, ô tô.

Đi đâu thì đi. Đâu đâu mà chẳng phải về? Vậy nên có mấy đoạn thơ rằng:

1. Thơ giữa mây trời.

Thơ là chiến sĩ tiền phong
Cơm nước nguội ngoai muối xát lòng
Thơ đứng thơ cười trong nắng gió
Trong cõi đời có cũng là không
(Trong có đời có vẫn hơn không)

Thơ lối quanh co dưới cõi đời
Giữa rừng giữa suối giữa xinh tươi
Giữa cuộc thời gian vô cùng tận
Giữa các anh em giữa các người

Thơ rước mùa xuân đến viếng nhà
Vườn sầu thơ tới cũng đơm hoa
Thơ nhựa xuân tràn trong trí tuệ
Trên đám mây trời xa quá xa.

Trên đám trời mây thực nhiệm kỳ
Khi mùa đông đến tiễn thu đi
Khi xuân về lại thơ xanh tóc
Thơ vẫn như xưa đẹp lạ kỳ.

2. Thời gian đi ngược về.

Khi thơ dại tôi vẫn thường tự hỏi
Nếu mỗi ngày mỗi đập trái tim yêu
Nếu muôn thủa xa xăm trôi giạt
Nếu một lần trời đất cũng xanh rêu.

Tôi tự hỏi với lời êm ái cũ
Hàng hiên xưa mưa ướt ven đường
Những ngọn đèn vỉa hè Đà Nẵng
Những đêm về dạ hợp tỏa hương thơm.

Tôi năm nay vẫn chừng bây lớn
Vẫn hỏi lòng nhiều chuyện yêu thương
Những chuyện cũ trong hòm dĩ vãng
Những câu thơ có điệu nhạc hơi buồn

Tôi thấy thời gian đi ngược
Bước chân đi thỉnh thoảng bước về
Trên vùng đất cằy lên thống khổ
Trên vui buồn lẫn lộn đam mê

Tôi tự hỏi suốt thời niên thiếu
Khi con sông chở những chuyến đò
Buổi trưa nắng mây bay đầu núi
Bóng chị hiền bồng đứa em thơ

Tôi thấy lửa cháy đời khắc nghiệt
Mối đau thương khơi mối hận thù
Giữa cái chết căng trong lao khổ
Chính phút giây này là cả một thiên thu.

Tôi nghe tiếng hò hô tắt lịm
Tiếng đau thương chất mãi bên trời
Tôi muốn nghĩ như thời thơ dại
Theo nhịp đời bước bước chân xuôi.

Tôi đã nói, như là âm nhạc
Những điệu buồn rồi những điệu vui
Tự hỏi: Sao lòng không là biển ?
Tiếng hát nào đẩy sóng trôi xuôi ?
Tiếng hát nào hát mãi chưa nguôi ?

3. Thơ cuối mùa xuân.

Mầm mơ sẽ nở hoa mơ thắm
Sẽ nở hoa mơ chứ nắng hè
Xưa đổ muôn vàn muôn giọt lệ
Nay sầu em hãy lắng im nghe.

Mơ sớm mai cười bên bãi cỏ
Mơ cười trong tiếng gọi bình minh
Khi cơn gió đến như hơi thở
Khi nắng soi mình xuống lá xanh.

Xưa, đổ muôn vàng muôn giọt lệ
Nay, sầu bước chậm cuối xuân xanh
Mỗi bước chân trần trên đá nhọn
—"Là đem mơ về lại giữa hồn anh".

4. Mùa hè 87.

—"Là đem mơ về lại giữa hồn anh"
.....
Sau tất cả những niềm vui thủa trước
Niềm vui này dành lại hôm nay
Niềm vui nhỏ trong bầu trời vô tận
Giúp anh đi qua những tháng ngày.

Em, mặt đất mùa xuân xanh biếc
Quả địa cầu bé tựa lòng tay
Tấm bản đồ chữ in chi chít
Anh thấy mùa xuân vẫn rộng vẫn dài.

Mùa hạ đến không một lời báo trước
Trên một vùng cây cỏ mọc xanh um
Chim bốn phía bay về làm tổ
Ngọn hoa nhài đêm tối nhả hương thơm

Đêm đi chậm đêm rầm đầy nguyệt
Dăm mối tình ngơ ngẩn trăng sao
Đêm đi chậm cho đến khi nguyệt tận
Đợi bình minh đến rọi nắng đào.

Em, dĩ vãng, mối tình thủa trước
Mối tình này dành lại có bây nhiêu.

NGUYỄN BÁ TRẠC

Nguyễn Lý

Không đảo

Buồn ta ơi, những chiều vắng sống
Gió không lên, buồm giữa với ai đây
Trong ta, giọng nói nào rất nhỏ
Không còn quê, ơi kẻ đã mất hương.

Cánh chim

Em đẹp như nụ hoa
mang theo
Bởi tai ương
dấu bấm móng tay
Hay hôm qua
mưa bão bất ngờ...

Rủi mai ai có nghi ngờ
Rất thành thật : Tôi ngờ cả tôi.

Đoàn Xuân Kiên

Về vấn đề dịch thơ.

*T*rong khoảng ba chục năm lại đây, cùng với nhịp độ gia tăng của khối lượng lớn lao các thành tựu về mọi mặt sinh hoạt khoa học, vấn đề thông tin được đặt ra ở tầm vóc mới. Dịch thuật là một biện pháp thông tin khá phổ biến của sinh hoạt học thuật hiện nay. Thật ra phải nói là lịch sử ngành dịch thuật đã có trước lịch sử khoa học về thông tin rất lâu, nhưng từ khi khoa học thông tin phát triển, bên cạnh những phương tiện mới mẻ như thư tịch, tổng thuật, lưu trữ tài liệu bằng điện tử..., dịch thuật vẫn là một bộ phận quan trọng không những chỉ cho khoa thông tin học, mà còn cả trong sinh hoạt văn học, ngôn ngữ. Dịch thuật là quá trình trao đổi một lượng thông tin từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác; ngôn ngữ trong trường hợp này là một công cụ truyền thông. Nhưng dịch thuật còn là một nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ nữa, ấy là khi dịch một tác phẩm văn học. Ngôn ngữ của chúng ta từ chỗ đứng một công cụ tiến lên vị trí một chỉnh thể có một số phận riêng trong một thế giới của riêng nó. Chúng ta thưởng thức một tác phẩm dịch không chỉ đơn thuần là tìm bắt cái lượng thông tin chứa đựng trong tác phẩm ấy, mà còn nắm bắt chính cái đẹp của ngôn ngữ dịch. Cảm nhận này khá rõ nét mỗi khi chúng ta ngâm nga một bài thơ dịch của Tản Đà chẳng hạn.

Có thể tranh cãi mãi về những thủ pháp dịch thơ, nhưng giá mà các nhà phê bình văn học và nhà ngữ học đừng quên tìm hiểu cái "chất thơ của ngữ pháp" và cái "ngữ pháp của thơ" thì có thể thấy cơ sở vững chắc và độc đáo của việc dịch thơ hơn (1). Khi làm thơ và khi dịch thơ, người viết phải tôn trọng những qui luật vận dụng của ngữ pháp một cách nghiêm nhặt, nhưng là ngữ pháp của

ngôn ngữ thơ; có thể chúng ta mới chia sẻ được những ý nghĩa sâu lắng trong câu thơ của nguyễn Du:

Vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh.

Qua cấu trúc âm thanh trúc trắc của những khuôn vần *ập* và *ềnh*, ta như hình dung được nỗi gian truân của nàng Kiều trong bước đường lưu li không hứa hẹn tốt lành lúc theo chàng họ Mã về Lâm tri. Còn đâu là vẻ mơ màng đẹp đẽ buổi chiều xuân một thời tuổi trẻ đã xa, *"bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha!"*. Đây là cái "Grammaire de la poésie" mà Jakobson muốn nói đến. Quả vậy, sự đối lập thể hiện trong hai câu thơ trên chẳng hạn là sự đối lập về ảnh tượng đã đành, nhưng những ảnh tượng thơ nằm ở đâu nếu không phải lẩn quất trong hai cấu trúc âm thanh ngôn ngữ của hai câu thơ tám chữ? Âm hưởng thoảng nhẹ mơ màng của khuôn-vần *iêu* và các nguyên âm trong câu sau thật khác xa với nhịp trắc trở của câu trước.

Trước Jakobson từ rất lâu, các nhà thơ đã cảm nhận được những ngữ pháp của thơ như thế. Những qui luật đó có thể biểu hiện ở từng ngôn ngữ với những sắc thái khác nhau, nhưng tựu trung đều có thể qui về những qui luật chung về ngữ âm, về mối quan hệ âm thanh — ý nghĩa của từ ngữ, về những qui luật tu từ, về những khả năng thông tin của ngôn ngữ. Đã hơn ba mươi năm nay, ngôn ngữ học không ngừng đào xới những cái chung của ngôn ngữ chúng ta mà Greenberg và Chomsky đã đưa ra những luận chứng khá thuyết phục (2). Chỉ có điều đáng tiếc là cho đến nay vẫn chưa có nhà nghiên cứu nào đưa ra đáp số thỏa đáng về cái gọi là "ngữ pháp của thơ" mà Jakobson đã đi bước đầu khai phá nó.

Thật vậy, làm sao có thể hiểu được một bài thơ dịch? Lượng thông tin trong bài thơ dịch là những gì? Trả lời những câu hỏi ấy không phải trong một vài trang giấy ngắn ngủi được. Có thể bắt đầu từ chỗ đơn giản nhất: tìm hiểu quá trình hoạt động của dịch thuật. Dịch là một tiến trình phức tạp nhưng có thể khái quát thế này:

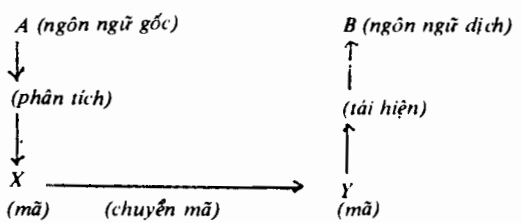

Khái niệm *mã (code)* được mượn từ khoa học thông tin để chỉ những dữ kiện của văn bản cho phép ta nhận ra nội dung của nó. *Phân tích* là tiếp nhận liễu hiểu những thông báo từ bản văn gốc, từ đó mới có thể chuyển mã — là một quá trình chuyển dịch những nội dung bản văn (ẩn dưới/quan hệ giữa các cấu trúc ngôn ngữ như ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa của lời dặn). Nắm được những tín hiệu từ văn bản gốc mới có thể nghĩ đến *tái hiện* chúng ra dưới dạng ngôn ngữ dịch.

Đấy là quá trình thông giao của mọi hoạt động lời nói thông thường trong đó ngôn ngữ chỉ đơn thuần là công cụ giao tiếp, truyền tín hiệu mà thôi. Nói cách khác, đó là quá trình thông giao của hệ thống ngôn ngữ công cụ.

Dịch thơ, như đã nói trên, không chỉ là hoạt động ở bình diện ngôn ngữ công cụ nữa, mà là hoạt động ngôn ngữ trong một ngôn ngữ (3). Bản văn gốc tự nó đã là một chỉnh thể ngôn ngữ với những cấu trúc độc đáo của nó; những nét riêng của ngôn ngữ trong bài thơ hình thành một thế giới riêng gọi là ngôn ngữ thi ca. Đó là một thế giới ngôn ngữ đã vượt khỏi giới hạn của một công cụ truyền thông để lên một cõi tự tại. Chiếc khăn trong bài ca dao không phải là vật để lau mặt, để khoác vai nữa, nó là biểu tượng của người tình, của nỗi nhớ người xa:

Khăn thương nhớ ai,
Khăn rơi xuống đất,
Khăn thương nhớ ai,
Khăn vắt lên vai...

Ngôn ngữ thơ là một hệ thống ngôn ngữ dựa trên hình tượng, nghĩa là thường mang nặng sắc thái cảm tính chủ quan của người sáng tác. Ngôn ngữ trong tay người thơ được mang một ý nghĩa mới mẻ, bất ngờ và có sức vang động vào tâm thức người thưởng ngoạn chứ không trơ lì như ngôn ngữ công cụ hàng ngày. Từ *ở trọ* có nghĩa là "ở đậu, cư ngụ tạm thời" khi vào thơ đã trở nên tân kỳ:

Môi xinh ở đậu người xinh
Đi đứng ở trọ *chung quanh nỗi buồn.*

Có ai phân chất một mùi hương, hay tiếng cầm ca... Tôi chỉ thương...! (Xuân Diệu). Được lắm chứ, nếu ta không lẫn lộn hai hệ thống ngôn ngữ riêng biệt. Đọc mấy câu thơ của Phan Huy Ích:

Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non,
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

không ai bận lòng giải nghĩa từng câu thơ, mà là tổng hợp ý nghĩa từ mối quan hệ giữa những hình ảnh in dấu ngày chia tay đưa tiễn để thấy thế đối lập giữa cảnh quan và lòng người, từ đó nắm bắt

được ý thơ buồn da diết biểu hiện lòng người trong cảnh ngộ chia li. Mối quan hệ giữa hình tượng thơ và ý nghĩa biểu hiện của hình tượng đã hình thành *chất thơ* của một bài thơ. Cho nên chuyển mã thơ từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ dịch là diễn trình *chuyển dịch chất thơ*. Hình dung một bài thơ Haikai ngắn ngủi kia, có gì đâu ngoài hình ảnh một giọt sương trong đọng lại ở hình tượng "bông hoa trong tim người?" Nhưng sao tôi rung cảm được trước hình ảnh lạ lùng ấy? Chỉ là vì tôi cũng đã kinh nghiệm về cái thông điệp của ẩn dụ trong ngôn ngữ nước tôi. Và trong cuộc sống bản thân, chính tôi đã một lần cảm nhận được hình ảnh lạ lẫm ấy vào những giây phút bất chợt nào đó; vâng, lòng tôi đã có lần trân trọng một tình yêu đã nở trong sâu thẳm của trái tim như trân trọng một đóa hoa quí. Hẳn là bất cứ người nào — dù ở đâu, vào lúc nào — cũng có thể kinh nghiệm về tâm trạng "tình ta không thấy bóng nơi nào phẳng lặng" được ghi lại trong một bài thơ hài cú khác của văn học Nhật bản. Thế đấy, những hiện tượng tương đồng của tình cảm con người khiến chúng ta hiểu được những thông báo của nhau qua thơ văn. Không lạ gì một nhà ngôn ngữ đã bảo "những nét đặc thù của ngôn ngữ loài người có tính cách tổng quát" (3).

Bài thơ dài CHINH PHỤ NGÂM của Đặng Trần Côn viết theo thể nhạc phủ là thể thơ không câu thúc giới hạn câu chú; thế nhưng ông dùng đoạn thơ 7 chữ để khắc họa vẻ nghiêm trọng của thời cuộc lúc động binh (4):

Cổ bề thanh động Trường an nguyệt
Phong hỏa ảnh chiếu Cam tuyền vân
Cửu trùng án kiếm khởi đương tịch
Bán dạ phi hịch truyền tướng quân.

Có người đã dịch như sau:

Vang tiếng trống chốn Tràng an nguyệt
Ngoài Cam tuyền, lửa khét rựng mây
Chín lần gươm việt cầm tay
Nửa đêm cửa tướng hịch bay ầm ầm.

Và một người khác đã dịch:

Trống Tràng an lung lay bóng nguyệt
Lửa Cam tuyền rực rệt thức mây
Chín lần gươm báu chống tay
Nửa đêm truyền hịch, định ngày xuất chinh.

Trong bối cảnh văn học cổ nước ta, thưởng thức một khổ thơ có niêm đối nhịp nhàng như ở bản dịch sau là một thích thú lớn: hai câu 7 sóng đôi thành một liên đối rất chỉnh, không kém thua hai câu đầu của đoạn thơ chữ Hán. Tiếng "chống" lột tả ý nghĩa của từ "án' trong bản chữ Hán hơn là tiếng "cầm". Câu cuối ở bản dịch trên diễn sát ý câu chữ Hán, nhưng lại đậu câu bằng hai chữ "ầm

ầm" thô sượng quá so với vẻ cao nhã xứng hợp với cảnh huống nghiêm trọng được thể hiện ở hai tiếng "xuất chinh" trong đoạn dịch sau. Không thể phủ nhận giá trị tái hiện mã của đoạn thơ dịch sau: người đọc hình dung rõ ràng về văn nhã của lời thơ và tình thế nghiêm trọng lúc nửa đêm ngày ban bố tình trạng chiến tranh. Đấy là ý nghĩa cốt lõi của đoạn thơ chữ Hán, được chuyển dịch đầy đủ ở đoạn dịch sau.

Mấy trường hợp vừa rồi cho thấy rằng chuyển mã chính là một quá trình trong đó người dịch "nhảy" vào giữa cơ cấu hình tượng để bắt trọn ý nghĩa hình tượng văn học, tức là nắm bắt chất thi vị của bài thơ vậy. Tại sao? Bởi vì chỉ có kinh nghiệm thơ mới tạo ra được hình tượng thơ thông qua quá trình tâm lý sáng tạo của nhà thơ; cho nên người dịch thơ thành công là người cũng phải "nhập vai" để sống lại quá trình sáng tạo của người làm thơ, tái hiện trong tâm tư cái kinh nghiệm cảm xúc của người sáng tác, sau đó mới có thể nghĩ đến việc thể hiện chất thơ của bài thơ gốc ra ngôn ngữ dịch. Nói khác đi, người dịch thơ phải là người cũng đã có những phút thể nghiệm tư duy bằng hình tượng, chứ không đơn thuần là người giở từ điển đối chiếu từ ngữ. Có một thời, người ta tưởng rằng chỉ cần tìm hiểu đặc sắc về văn hóa một dân tộc là đã có thể hiểu được văn thơ nước người; nhưng ngôn ngữ thơ không nằm ở văn hóa dân tộc nào, nên chỉ có hiểu văn hóa một dân tộc cũng chẳng đủ góp phần vào việc thấu hiểu một bài thơ. Điều kiện cần và đủ để dịch thơ là còn phải nắm vững cấu trúc hình tượng ẩn nấp trong ẩn dụ mà Jakobson vẫn than phiền là chúng ta chưa phân tích cho cùng (1). Cấu trúc hình tượng ở đây bao gồm tất cả những phương tiện thông báo của âm thanh, nhịp điệu, hình ảnh trong câu thơ. Đây là chất liệu — hiểu như là mặt hình thức của một nội dung — được thiết kế nên chất thơ của một thi phẩm vậy.

Những dòng trên đây vừa đề cập khái niệm "chất thơ". Đây là một khái niệm hãy còn mờ mịt, nhất là đối với thi học phương Đông. Ngày nào đó, có thể chúng ta sẽ mô hình hóa các yếu tố của chất thơ trong một bài thơ được không? Chỉ có nắm bắt chất thơ một cách mạch lạc mới giúp chúng ta giải được *mã* của bài thơ đó! Xưa kia, các thế hệ thi nhân cổ điển có thú bình văn. Gặp những câu, đoạn hay bài thơ hay, các cụ khoái trá vỗ đùi hoặc khà một hớp rượu rồi ngâm nga mãi. Đấy là những phút giây các cụ đã "nhảy" vào chính cái "mã" của bài văn thơ. Ngày nay, thưởng thức văn học đòi hỏi những chuẩn mực rạch ròi để thẩm giá một tác phẩm; chúng ta khen "hay quá" nhưng còn phải nêu lên được tại sao hay, hay như thế nào dựa trên những thang giá trị như thế nào. Có thế văn học mới không là tán dông dài.

Trở lại chuyện chất thơ, hay "mã" của bài thơ, chúng ta có thể

dựa vào kinh nghiệm thưởng thức thi ca dân tộc làm điểm tựa thảo luận. Những câu ca dao nước nhà thường được chế tác theo thể loại thơ lục bát. Nhịp điệu cân đối (nhịp 2) khiến câu thơ uyển chuyển mềm dịu, và lời thơ (thường là lời tự tình) đậm đà hình ảnh nên có khả năng truyền cảm mạnh. Câu ca dao dưới đây có thể là một thí dụ ngẫu nhiên nhưng thể hiện rõ những đặc trưng nghệ thuật của nó:

Ai làm cho bướm lìa hoa
Con chim xanh nỡ bay qua vườn hồng
Ai đi muôn dặm non sông
Để ai chất gánh sầu đong vơi đầy.

Chất thơ của ca dao nằm ở sắc thái tự tình bằng hình ảnh ngoại giới được lồng trong nhịp cân phương của câu thơ lục bát; đó là cái mã của ca dao mà Tản Đà đã nắm bắt được khi chuyển dịch những bài quốc phong thi (ca dao Trung quốc do Khổng tử sao lục trong Kinh Thi) sang Việt ngữ. Người đọc Việt nam như lạc vào cơn mơ của Trang tử, không biết là mình đang đọc ca dao nước nhà hay đang đọc thơ dịch nữa. Đấy là một bực thầy trong nghề dịch thơ của ta vậy. Một trường hợp đáng bàn khác: những bài thơ dài viết ở thể song thất lục bát như bài CHINH PHỤ NGÂM dẫn ở trên kia có sắc thái chung nào?

Lịch sử phát triển của thể loại thi ca này cho phép ta khai quật tính cách chung của nó vào những nét sau đây: (1) những bài thơ song thất lục bát thường không gò bó số khổ thơ, có thể kéo dài từ một khổ (gồm hai câu 7 chữ và một cặp lục bát) kéo dài đến vô hạn; (2) nội dung những bài thơ song thất lục bát là *lời tự tình* về một tâm sự buồn của chính người sáng tác, cho dù tác giả có mượn hình ảnh nhân vật nào đó để thổ lộ nỗi lòng thì cũng chỉ là việc ký thác tâm sự dưới dạng quen thuộc trong văn học mà thôi; (3) vẻ đẹp của bài thơ song thất lục bát còn được chống đỡ rất nhiều dựa trên những tính cách chung của thơ cổ điển dân tộc: nhịp điệu cân đối, vần lưng và vần cuối tròng tréo chặt chẽ, hình ảnh gợi tả cao, và kết cấu lời ý đối xứng.

Những bài thơ song thất lục bát kiệt xuất trong văn học nước nhà còn lưu lại đến nay thường là hội đủ những tính cách nói trên. Ta xúc động bồi hồi khi đọc *Tỳ bà hành* hay *Chinh phụ ngâm* chính là vì đã tiếp cận được tâm sự kín đáo, thiết tha của chính tác giả bài thơ. Đó là cái mã khả ổn định của thể loại mà các nhà thơ chúng ta nắm bắt được và chuyển dịch những bài thơ chữ Hán có nội dung trùng lắp với tính cách nêu trên. Khi Phan huy Ích dịch bài Chinh phụ ngâm chữ Hán của Đặng trần Côn, ông cũng tiếp nối truyền thống của thể loại ngâm này một cách xuất sắc; khi Phan huy Thực dịch một Tỳ bà hành của Bạch cư Dị sang tiếng Việt, ông cũng

chứng tỏ một tài nghệ đồng cảm sâu sắc — do đó bắt được cái mã của bài *hành* chữ Hán mà chuyển sang thể *ngâm* Việt Nam. Và một lần nữa, phải nhắc lại trường hợp thành công của Tản Đà khi dịch Trường hận ca của Bạch cư Dị. Những trường hợp nói trên cho phép chúng ta khẳng định rằng mã của một bài thơ gốc là có thật, và nắm bắt được nó thì không thể bằng cứ trên cơ sở nào khác hơn là chất thơ của nó. Có thế mới nghĩ tiếp đến việc tái hiện chất thơ sang ngôn ngữ dịch. Cho đến nay, có thể ghi nhận ba khuynh hướng dịch thơ:

Chủ trương thứ nhất là nên *dịch thơ ra văn xuôi;* bởi vì các nhà thơ nghĩ rằng chẳng thể nào phiên chuyển toàn vẹn tình ý một bài thơ sang một ngôn ngữ khác mà không làm hại đến vẻ đẹp của bài thơ gốc. Tiếng Ấn-Âu chẳng hạn, bất lực trước việc dịch loại thơ tương truyền là của Hồ xuân Hương, nếu ai đó có tham vọng lột tả được những thủ pháp sử dụng ngôn từ ảo diệu hết sức tinh quái của "bà chúa thơ nôm" này. Khó có thể cùng lúc dịch được *nghĩa* và *ý* câu thơ hóm hỉnh nhờ lối chơi chữ (nói lái) này: *"Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo?"*. Cũng thế, đọc thơ Đường, chúng ta có thể tiếp nhận những tinh túy của hồn thơ phương Đông — vừa súc tích vừa giàu tính gợi tả. Phong cách lãng đãng của thơ Đường nằm gọn ở lời thơ gọn, ý thơ nặng gợi tả, khái quát hóa hơn là mô tả — nhất là loại kể việc. Khó có thể chuyển dịch trọn vẹn vẻ đẹp huyền ảo của bài thơ Đường loại này, vì đằng sau mỗi lời thơ là một cái "hồn" của một văn hóa, và đã thế thì đành kính nhi viễn chi và chỉ có thể dịch xuôi nghĩa được thôi. Biện pháp thông thường của lối "dịch xuôi nghĩa" này là chọn *từ ngữ tương tự,* trong đó ý nghĩa từ ngữ được xác định trong ngữ cảnh nhất định. Nói "từ ngữ" thật ra chưa xác đáng, vì ngoại trừ các thuật ngữ khoa học, các từ ngữ tương tự nhau ở cấp *từ* mà thường có khi là phải trên cấp từ (từ tổ); trong thực tế dịch thơ thường gặp tình huống bài thơ dịch phải diễn ý dài dòng, chính là vì hiện tượng không được tương đồng một đối một giữa hai ngôn ngữ như vừa nói ở trên.

Vì thế, có một số dịch giả chủ trương ngược lại, cần *dịch thơ của một nước bằng hình thức thơ khác* của ngôn ngữ dịch. Làm như thế có thể sẽ khắc phục được nhược điểm mà chủ trương — thứ nhất không làm được: dùng nhạc để chở nhạc. Các dịch giả theo chủ trương này lý luận rằng cốt lõi của một bài thơ là ở nhạc tính của nó (bao gồm nhịp điệu, vần, đối), cho nên có thể diễn đạt ý bài thơ dịch bằng nhạc điệu của hình thức thi ca. Ở VN, dịch văn thơ theo chủ trương này khá phổ biến, và phải thừa nhận là có rất nhiều thành tựu đáng kể. Rất nhiều bài thơ Đường chữ Hán được dịch theo nguyên thể sang chữ nôm hoặc thể lục bát. Ở trên cũng nhắc đến Tản đà với những dịch phẩm kinh Thi (đa số thơ 4 chữ)

sang thể lục bát vang vang âm hưởng ca dao. Tuy vậy, có một điều chưa thể khắc phục được là: dựa vào tiêu chuẩn nào để chọn một hình thức thơ này và loại bỏ một hình thức khác? Thơ ngũ ngôn Đường luật chẳng hạn có thể dịch sang thơ năm chữ hay thể lục bát? Vả chăng, hình thức thể loại thi ca các dân tộc không nhất thiết tương ứng với nhau một đối một: thơ Pháp không có thể thơ nào "tương ứng" với thể thơ song thất lục bát của VN; và ai cũng biết thể thơ Haikai của Nhật không có thể nào tương đối gần gũi ở các nước phương Đông khác. Vậy thì tiêu chuẩn cuối cùng chỉ là dựa vào tài nghệ riêng của người dịch? Trần Trọng Kim chẳng hạn đã không thành công khi dịch lại bài *Tỳ bà hành* bằng hình thức thơ lục bát, trong khi Tản Đà dịch rất tài hoa bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật "Hoàng Hạc Lâu" sang thể lục bát VN. Chúng tôi nghĩ rằng sự bén nhạy nắm bắt *mã* của bài thơ gốc đã giúp Tản Đà thành công nhiều hơn các dịch giả trước và cùng thời với ông.

Thủ pháp nghệ thuật dịch của chủ trương thứ nhì là chọn *từ ngữ và hình thức thể loại thơ tương đương*. Tuy vậy, có thể thấy ngay là qui luật ngữ nghĩa ít khi cho dịch giả một cơ may tìm gặp được hai từ ngữ tương đương một đối một ở hai ngôn ngữ khác nhau; thực tế là rất nhiều — khái niệm bao hàm trong các từ ngữ gọi là tương đương trong hai ngôn ngữ thật ra không hoàn toàn trùng khít nhau. Trong bảng dưới đây, những từ chỉ màu sắc ở hai ngôn ngữ đã tỏ ra không trùng khít với nhau (5):

Tiếng Anh	*Tiếng Galois*
Green	*Gwyoldd*
Blue	*Glas*
Grey	
Brown	*Ilwyd*

Những trở ngại về ngôn ngữ còn hiển hiện ở sự khác nhau giữa loại hình ngôn ngữ độc thể (langue isolante) và ngôn ngữ tiếp thể (langue flexionelle), cho nên thật là khó khi yêu cầu một sự sóng đôi tuyệt hảo giữa hai ngôn ngữ dịch. Làm sao vén mở được ý vị của một bài Haikai nếu cứ bận tâm chắp điệu ghép vần, trong khi đó chỉ gió thoảng, sương lãng đãng trong vài từ đơn sơ phóng túng?

Thế cho nên, một chủ trương thứ ba cho rằng dịch thơ cốt sao thể hiện càng nhiều càng tốt những ý vị của bài thơ nước ngoài bằng mọi thủ pháp; đây là chủ trương *phỏng dịch*. Phỏng dịch cho phép linh hoạt sử dụng cách diễn đạt sao cho có thể diễn đạt đến mức chính xác nhất có thể được ý nghĩa bài thơ nguyên tác. Trong

văn học cổ điển VN, Chinh phụ ngâm của Phan huy Ích có thể xem là mẫu mực về chủ trương dịch này. Người dịch chủ trương "nhập vai" tâm trạng tác giả để diễn đạt nỗi lòng ấy bằng ngôn ngữ dịch chứ không câu nệ vào câu chữ nguyên tác. Thủ pháp nghệ thuật của chủ trương này là không dịch sát nghĩa, mà cốt tìm *từ ngữ thỏa đáng* khả dĩ chuyên chở được ý nghĩa tiềm ẩn trong nguyên tác; nói cách khác, dịch giả phải bay lên ngôn từ để nắm bắt chất thơ trong cấu trúc một đoạn, thậm chí toàn khối bài thơ.

Trên đây là ba chủ trương dịch thơ hiện vẫn còn đang tồn tại trong giới dịch thuật VN. Chủ trương nào xác đáng hơn cả? Trên thực tế đều có thể tìm được những bằng chứng về những thành tựu và những hạn chế của cả ba lề lối dịch. Xét cho cùng, đánh giá một bài thơ dịch chủ yếu là thẩm định tài năng của người dịch trong việc tạo hiệu quả truyền cảm qua quá trình nắm bắt và chuyển mã bài thơ gốc sang ngôn ngữ dịch.

Vì cái chống đỡ cho giá trị một bài thơ là ở *chất thơ* tiềm tàng trong cấu trúc hình tượng, cho nên bài thơ dịch chủ yếu là diễn đạt chất thơ của bài thơ gốc sang ngôn ngữ dịch. Một bài thơ hay là một bài thơ giàu hình tượng, sẽ dễ dịch hay hơn là dịch một bài thơ dở. Đó là hệ luận thứ nhất. Một hệ luận khác nữa: nếu bài thơ chỉ "hay" với ngôn ngữ gốc mà khi dịch lại trở nên trơ lì, thiếu rung cảm thì bài thơ đó chẳng gọi là hay được theo nhãn quan nhà thi học. Phải chăng cái ranh mãnh trong thơ Hồ xuân Hương không phải cái hay thuộc phạm trù giá trị phổ quát? Gột bỏ chất sắc sảo của ngôn từ, nhiều bài thơ của bà chỉ còn là những câu tự sự của ngôn ngữ công cụ thông thường, không có bao nhiêu chất thơ. Đọc thơ Tú Xương, ta gặp ngay tấm lòng thơ của một nghệ sĩ toát ra từ hình tượng về một cuộc bể dâu (vọng âm của một tiếng gọi dò xa xôi giữa một cánh đồng trên khúc sông Lấp) (6). Người đọc nước ngoài sẽ chia sẻ dễ dàng, sẽ đồng cảm với chất thơ, bởi vì họ đã cảm thụ tác phẩm dịch thông qua cái ngôn ngữ phổ quát của thơ, cái ngữ pháp của thơ vậy.

*
* *

Công việc dịch thuật đòi hỏi lắm công phu, đòi hỏi chúng ta phải nắm vững cấu trúc hai ngôn ngữ và cả văn hóa hai dân tộc nữa. Dịch thơ cũng đòi hỏi những điều kiện riêng của nó: ngoài đòi hỏi nắm vững cấu trúc ngôn ngữ công cụ hai bên, người dịch còn phải nắm vững cấu trúc "ngữ pháp của thơ" nữa. Cho nên, rèn luyện việc dịch thơ cũng tương tự như một học sinh rèn luyện làm văn, như một nhà thơ sáng tác. Có thế bài thơ, dù là thơ dịch, mới không là bài vè.

Đoàn Xuân Kiên

(1) R.Jakobson, Essais e Linguistique Generale *Ed. Minuit, Paris, 1963, tr 244. Lối chơi chữ của Jakobson ở đây đã nói được khá nhiều về sự kỳ diệu của ngôn ngữ văn học.*

(2) Xem N. Chomsky, Reflections on Language. *Temple Smith, 1975, ch 1, 2 và 4.*

Joseph Greenberg, Universals of Language, *The Hague, Mouton, 1966.*

(3) Xem Ivan Fonagy, Problemes du Langage, *Gallimard, Paris, 1966, tr 113.*

(4) Trích theo Hoàng xuân Hãn, Chinh phụ ngâm bị khảo, *Nxb Minh Tân, Paris 1953, tr 135, 140 và 71.*

(5) L. Hjelmslev, Prolegomena to a theory of language. *Madison, 1961, tr 34.*

(6) Sông Lấp Nam Định

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

Đặng thị Quế Phượng

49, Đinh Tiên Hoàng, Ban mê thuột

Có một ô kính nhỏ
đã khép lại từ lâu
sương mù đang nhểu đọng
từng giọt lạnh âu sầu.

Có bụi hoa hồng trắng
dưới bờ hiên hờ hững
mới nở màu tuyết băng
vội chìm trong thinh lặng.

Có tiếng đàn ngân dài
trong hương chiều đang phai
mang mối sầu man dại
về gặm nhấm hồn ai.

Và người xưa

Người đâu chẳng thấy vân mồng
trời mưa nước ngập mênh mông sân chùa.

Ngu Yên

Tạp ghi về thơ

Lời toà soạn : *Ngu Yên là một nhà thơ quen thuộc của bạn đọc Văn Học. Trên số đặc biệt về Thơ này, Văn Học hân hạnh giới thiệu bài mạn đàm của Ngu Yên về những tìm kiếm cái mới của giới thi sĩ Hoa Kỳ hiện đại, đặc biệt là loại* ***thơ hoá pháp*** *(tạm dịch từ Poetry of Changes). Nếu điều kiện cho phép, sau đó Văn Học sẽ giới thiệu tiếp bài về* ***Thơ Hoá Ngữ*** *(Language Happenings).*

BUỔI BÌNH MINH TRÊN KÝ HIỆU CỦA THƠ
NHỮNG ĐƯỜNG CONG TRÊN TRÁI ĐÀO TƯƠI

Lần đầu tiên tôi thấy
Người đàn bà nằm sấp cuộn tròn
Như một trái đào trần trường mời mọc
Chiêu hồn đàn ông thèm khát trái ngon

Lần đầu tiên tôi hiểu
Trái cấm điển hình trong Thánh Kinh
Khi đường cong đường chẻ trên trái cây quyến rũ
Là những đường mơ trên thân thể trữ tình.

Lần đầu tiên tôi tưởng
Từ trái đào ra nhiều ảnh tượng xanh
Hóa ra lâu nay thấy đời không đẹp
Chỉ vì vô tâm không biết ngắm nhìn (1)
— Đây là bài thơ trình bày theo lối thơ phối nghệ.
Anh Đ.G. ngắm nghía tấm hình. Đọc bản thảo xong. Anh hỏi tôi.
— Tại sao anh gọi là thơ phối nghệ?
— Tôi nghĩ rằng, tất cả những nghệ thuật về mỹ thuật và văn

học đều có liên hệ với nhau. Những đều mà ngôn ngữ không diễn tả đối tượng và ý tưởng một cách rõ ràng hơn. Thật ra, đây chỉ là một khía cạnh của loại thơ Metapoetry. Hiện nay đang thịnh hành ở nhiều nơi trên thế giới. Nhất là ở Âu Châu và Hoa Kỳ.

— Tôi không được rõ về loại thơ Metapoetry cho lắm... Nhưng theo tôi, thơ là thơ. Thơ là nghệ thuật của ngôn ngữ. Ngôn ngữ tự nó có thể diễn đạt tâm ý của người viết. Nếu phải vay mượn những thứ khác, có lẽ vì tác giả không đủ tài năng để diễn tả điều mình muốn nói. Từ xưa đến nay, người ta đã phân biệt rõ ràng thế nào là thơ, thế nào là văn, thế nào là hội họa, thế nào là nhiếp ảnh. Tại sao nhà thơ lại phải vay mượn những kỹ thuật của các nghệ thuật khác. Đáng lẽ ra nhà thơ phải tìm tòi, khám phá thêm về ngôn ngữ, cú pháp để diễn tả vào thơ, mới có lý hơn.

— Tôi đồng ý với anh, nhà thơ phải tìm tòi để sử dụng tối đa khả năng của ngôn ngữ. Nhưng chính ngôn ngữ cũng có giới hạn của nó. Ví dụ như người ta khám phá ra được một cái gì mới lạ, phải có một thời gian khá lâu người ta mới đồng ý với nhau một danh từ đặt tên cho cái mới đó. Huống hồ gì trong đời sống phức tạp những ý tưởng, hình ảnh mới làm sao có thể diễn tả bằng ngôn ngữ cho đúng nghĩa khi người ta chưa đồng ý về một ký hiệu tượng trưng.

— Anh cho rằng ngôn ngữ ngày nay không đủ dùng à?

— Sự xuất hiện của một số từ ngữ mới cũng cần thiết nhưng điểm chính yếu là sự nhàm chán ý nghĩa của ngôn ngữ quen dùng. Tôi lấy một ví dụ nhỏ. Người Mỹ lúc nào cũng nói please hay excuse-me. Lòng thành khẩn tha thiết của ngày xưa khi nói please hay excuse-me đã chết ngắt. Ngày nay, họ nói như một thói quen. Nói như đệm cho có lịch sự, xã giao. Nó cũng có nghĩa "làm ơn" và "xin lỗi" nhưng họ nói với lòng rất lạnh lùng. Mỗi ngày họ nói biết bao nhiêu lần please. Mỗi lần tôi nghe họ nói excuse-me, tôi lại nhớ các tay du côn ở miền Nam hễ mở miệng là "Đ. M" làm như phải có tiếng đó dẫn đầu, lời nói mới trơn tru.

Tôi vẫn có tật nói nhiều. Thường khi là quá nhiều. Anh Đ.G có lẽ là người duy nhất chịu khó ngồi nghe. Anh mở thêm một lon bia mới. Chúng tôi vẫn thường bàn luận lăng nhăng về văn thơ. Nếu có kẻ thứ ba nào lén nghe, chắc họ sẽ tưởng chúng tôi là những nhà đại văn hóa vì những danh từ văn chương đao to búa lớn. Nhưng chúng tôi chẳng ngại gì. Cứ nói theo men bia vì hồi nào đến giờ cũng chỉ có hai đứa.

— Làm lon nữa đi. Theo ý tôi, nếu ngôn ngữ đã mất đi vai trò ký hiệu mà chỉ còn mang ý nghĩa chết thì thi sĩ là người có nhiệm vụ làm cho nó sống lại.

— Anh nói đúng. Chính vì vậy, những thi sĩ làm loại thơ

Metapoetry đã cố gắng dùng chữ cũ tạo nên chữ mới. Thay đổi văn phạm. Thay đổi cả cách nhìn vấn đề để những giá trị thật bị lãng quên được sống lại. Đúng ra, ban đầu ngôn ngữ chỉ là ký hiệu mà tư tưởng, tình cảm, hình ảnh, đồ vật do ký hiệu đại diện mới là chính yếu. Người ta qui định cho ngôn ngữ rồi người ta qui định thơ là ngôn ngữ. Những kẻ sinh sau đẻ muộn cứ đi theo con đường đã định. Tại sao thơ phải chỉ là ngôn ngữ.

Thao thao theo cơn hứng, có lẽ tôi bắt đầu nói to tiếng nên anh Đ.G vói tay khép cánh cửa phòng khách. Có lẽ anh sợ chị và con nhỏ anh thức giấc.

— Tôi lấy ví dụ thế này. Tôi vẽ hình con bò rồi viết ở dưới là "con chó". Khi nhìn vào anh sẽ hiểu theo hai cách. Nếu là người Việt, có nghĩa là tôi có ẩn ý. Ngược lại, nếu anh là người ngoại quốc không rành tiếng Việt, anh sẽ lầm tưởng chữ "con chó" là con bò. Chữ nghĩa có thể bị lầm lẫn. Hình tượng con bò đều biết là con bò. Tôi chưa nói đến những hình ảnh trừu tượng mà chúng ta có trong đầu óc. Nội một hình ảnh cụ thể mà đã có thể đưa đến nhiều sai lạc rồi. Thực chất của thơ là nghệ thuật. Ngôn ngữ cốt để diễn tả. Tại sao chúng ta không thể dùng những loại ký hiệu khác, miễn nó chuyên chở ý tưởng và tâm tình một cách hiệu quả.

Tôi ngừng lại uống một hơi bia. Đã khát thật. Cái thú vị của người nói nhiều không phải là lúc nói mà là lúc ngừng nghỉ. Cái khổ tâm của người ít nói là lúc im lặng vì họ sợ sắp đến phiên phải nói. Anh Đ.G là người nghe có bản lãnh. Anh vẫn im lặng một cách khiêu khích ngồi chờ tôi uống vài hớp bia. Đốt một điếu thuốc. Tôi đành phải tiếp tục như một chuyến tàu ngừng lại ở ga, không đón được một hành khất nào, đành phải huýt còi lên đường.

— Sự thật là Metapoetry... Metapoetry... Metapoetry

Bỗng nhiên tôi cảm thấy mình bỏ phí thời giờ và chữ nghĩa một cách lãng nhách. Nếu tôi muốn nói với độc giả, việc gì tôi phải gọi tắt là anh Đ.G. Mắc mớ gì tôi phải dựng nên một cuộc đàn thoại tranh luận. Dài dòng. Chưa chắc đã đi đến đâu. Nếu tôi muốn nhấn mạnh đến khía cạnh phối hợp các nghệ thuật vào thơ của loại thơ mới, Metapoetry, thì cứ việc trình bày thẳng thắn với độc giả. Đỡ mất thời giờ. Dễ hiểu.

CON ĐƯỜNG TẮT BĂNG NGANG CÕI THƠ

Theo quan niệm cổ điển,thi ca được xem như là một sự cân bằng giữa trí óc và tâm tình (poetry of the mind (2). Cho đến nửa thế kỷ 19 sang thế kỷ 20, thi ca bị ảnh hưởng nặng nề của các

trường phái như Tượng Trưng (Symbolism), Chủ Hình (Imagism), Ấn Tượng (Impressionnism), Siêu Thực (Surrealism) v.v... Thơ đắm sâu vào thế giới trừu tượng. Thơ trở thành một sản phẩm của vô thức và tiềm thức.

Trong khuynh hướng này, ngôn ngữ, hình ảnh và ý tứ thơ càng ngày càng trở nên mơ hồ khó hiểu.

Ví dụ:

Con đường nào làm chúng ta ly tán.
Anh đang đi với bàn tay tâm tưởng đưa ra
Mỗi đầu ngón tay viết một bông hoa
Cuối đường là đóa hoa đang cùng em sánh bước

Quel est ce chemin qui nous sépare
À travers lequel Je tends la main de ma penseé
Une fleur est écrite au bout de chaque doigt
et le bout du chemin est une fleur qui marche avec toi.
(Voie — Tristan Tzara (3)

Khi vô thức, tiềm thức đã trở thành căn bản và phương thức kết tạo ra thơ, đối tượng trong thơ văn lắm lúc bị thăng hoa một cách vô lý. Bí ẩn. Kỳ lạ hơn nữa, nhà thơ Tristan Tzara, người sáng lập trường phái Đa Đa (Dadaism) tại Âu Châu trong thời điểm 1916-1920, đã đề nghị một phương pháp làm thơ rất đặc biệt. Thi sĩ cắt rời các chữ từ một tờ báo. Bỏ chung vào một bao lớn. Xáo trộn đều lên rồi cứ may rủi bốc ra từng chữ sắp lại thành thơ (4) Tuy trường phái Đa Đa đã bị khai tử sau năm 1920, nhưng lại là cha đẻ của trường phái thơ siêu thực. Một phái có tầm ảnh hưởng bao trùm cả thế giới cho đến hiện nay.

Nhưng cũng trong quan niệm này, sự cảm nhận thơ bằng vô thức, tiềm thức hay trực giác thường gây ra nhiều mâu thuẫn. Đôi lúc thi sĩ giật mình vì những điều độc giả đã hiểu từ thơ của họ. "...thi sĩ là người hiểu biết hầu hết những ý tứ trong thơ của họ. Nhưng đôi lúc họ cũng ngạc nhiên và thích thú vì những điều do người khác khám phá —Những điều mà chính họ cũng chưa bao giờ nghĩ đến, chỉ biết được nhờ độc giả vạch ra..." (William Carpenter (5).

Đến thập niên 1950, một cuộc cách mạng thơ do phong trào Tân Hiện Sinh (Beat Movement) phát sinh từ làng Greenwich ở New York, Hoa Kỳ. Phong trào này đem thi ca trở về sát thật với đời sống hàng ngày. Thơ trở thành sản phẩm của rung cảm và xúc động (Poetry of the emotions).

Thơ không còn mang nhiệm vụ cao cả khám phá, ca tụng vũ trụ quan, khắc khoải về những vấn đề siêu hình, lãng mạn tơ tưởng

trong ảo ảnh. Thơ thật sự đã đi sâu vào xã hội, kinh tế, chính trị, nhân sinh quan. Thơ phản ảnh gần gũi những băn khoăn suy tư của ngoại và nội tâm. Thơ bộc diễn làm tái sinh khía cạnh của nghệ thuật. Tất cả các khuynh hướng trên thể hiện qua các trường phái Tân Hiện Thực, Tân Thiên Nhiên, Tân Xã Hội, Tân Thiền, Tân Siêu Thực, Tân Chủ Nghệ, Hắc Sơn. v.v... Những thay đổi này đã đem đến cho thi ca thế giới một luồng sinh khí. Trong tinh thần cách mạng về giá trị, giới hạn, phương pháp diễn đạt của thơ, các thi sĩ đã nỗ lực đưa ra nhiều loại thơ mới khác nhau. Được gọi chung là Metapoetry.

. METAPOETRY, MỘT ĐỊNH NGHĨA KHÔNG QUAN TRỌNG

Meta có nghĩa là thay đổi, biến hóa. Metapoetry, thơ mới. Chữ thơ mới ở đây được hiểu như thơ Tản Đà là thơ mới đối với thơ Nguyễn Du. Thơ Bùi Giáng là thơ mới đối với thơ Tản Đà.

Metapoetry có được định nghĩa hay không, điều này không quan trọng vì hai chữ thơ mới cũng đủ nói lên ý nghĩa của Metapoetry. Điểm quan trọng là bản chất và khả năng của loại thơ này.

Nói như vậy chỉ thỏa mãn những người có tính tình nghệ sĩ. Không thỏa mãn những đầu óc nghiên cứu phê bình nên George Quasha dựa trên vài đặc điểm chung đem đến một định nghĩa tổng quát.

Metapoetry là một biến động của ngôn ngữ nhằm:

1- Thể hiện những tinh yếu trong sự biến hóa của từ ngữ về cách cấu tạo, kết hợp và thành lập.

2- Vượt qua những ý tứ thông thường để làm tái sinh khả năng và công dụng của ngôn từ, xác định lại ý nghĩa của lời thơ.

3- Cách mạng về văn pháp, hình ảnh, vấn đề, cách diễn tả tâm tình về đối tượng trong thơ.

4- Khai phá những phương pháp mới hoặc cải cách lề lối sáng tạo thơ.

5- Phát triển biên giới thơ bằng cách giới thiệu những tiêu chuẩn phi-thẩm mỹ hoặc phối hợp những phương pháp thông đạt của nghệ thuật khác.

Ông kết luận, metapoetry đã đem vào thi ca một ý thức mới. Đem ra ánh sáng những dữ kiện mà từ lâu không được thừa nhận (6)

Metapoetry chia ra thành nhiều loại thơ khác nhau. Hai loại thơ quan trọng mang nhiều sắc thái tổng quát và mới lạ nhất là:

o Thơ Hóa Pháp (Poetry of changes)

o Thơ Hóa Ngữ (Language Happenings)

THƠ HÓA PHÁP (Poetry of Changes)

Trời mưa	*It rains*
Hãy viết bài thơ mưa	*write a rain poem*
Trời tạnh	*It stop*
Hãy viết bài thơ tạnh	*write a stop poem*
Đi cầu	*shit*
Hãy viết thơ cứt	*write a shit poem*
Yêu nhau	*I love you*
Hãy viết bài thơ tình	*write a love poem*

(It Rains — May Swenson (7)

Từ một nhãn quan mới, thi sĩ nhìn ngắm tận xương tủy của cuộc đời. Nói ra những gì họ đã cảm, đã thấy, đã nghe, đã nghĩ, dù sự thật có dơ dáy hay tục tĩu. Trình bày cái xấu cũng có ý nghĩa là làm đẹp cái tốt. Thi sĩ không tuyển chọn để chỉ ca ngợi chân, thiện, mỹ. Thi sĩ phê phán, phân tích hay trình bày những điều đã làm chân, thiện, mỹ mất đi tinh nghĩa lúc ban sơ. Thi sĩ không chỉ làm thơ để tiêu khiển mà khoái lạc lột xuống những mặt nạ giả trá đang bao trùm sự vật do đời sống mang lên. Sướng thì nói sướng. Khổ thì nói khổ. "Yêu ai cứ bảo là yêu. Ghét ai cứ bảo là ghét" (8). Thi sĩ tìm đến thơ như một người đói bụng tìm đến thức ăn và ngấu nghiến thơ cho đã thèm đã giận.

Mực chảy ròng ròng hai bên mép miệng
Không ai vui sướng hơn ta bây giờ
Vừa ăn một bữa no đầy thơ...

Ink runs from the corners of my mouth
Thre is no happiness like mine
I have been eating poetry

(Eating Poetry —Mark Strand) (9)

Thi sĩ ý thức được nỗi trơ trẽn khi nhiều sự việc, cả tốt lẫn xấu, được thăng hoa trở nên hào nhoáng bóng lộn trong tâm tưởng, trang điểm bằng văn chương. Bị một vết thương phun chảy máu tươi. Lẽ ra thi sĩ phải lo tìm cách băng bó cầm máu. Rên la, chửi thề nếu vết thương làm cho họ đau đớn. Ngày xưa, thi sĩ ngồi nhìn máu chảy. Sung sướng ca tụng sự đau thương. Kết quả, máu chảy hết. Chết.

Thực tế hơn, lì lợm hơn, thật thà hơn, thi sĩ trình bày những ý tưởng táo bạo, sử dụng những ngôn ngữ mà đa số cho là trắng trợn, không đáng xuất hiện trong thơ. Tại sao? Có lẽ vì người đọc quen nghĩ rằng thơ là nơi chứa đựng những cái đẹp, những điều nên thơ, những linh thiêng thành khẩn. Không. Thơ là nơi chứa

đựng tâm tình, cảm nghĩ, những gì gọi là sự thật. Dù những điều đó đã được mỹ thuật hóa nhưng không có nghĩa là bóp méo tâm ý để vẽ ác quỉ thành thiên thần

Anh đã tặng em hai ngàn tinh trùng
Có một con đi lạc
nên em không thụ thai
Sau này anh mới biết
một ngàn chín trăm chín mươi chín con kia
đã oan uổng chết ngộp
vì buồng trứng đã cột...
"Nguyễn Thế Hùng"(10)

Thơ Hóa Pháp đến như cuộc cách mạng của thơ. Thay đổi từ tinh thần, nội dung và hình thức:

o Đối tượng của thơ được lột trần ra xem xét.

o Bản chất của thơ là mỹ thuật một cách chân thật.

o Nội dung của thơ chứa đựng những quan điểm thích thú.

o Kết cấu của thơ biến hóa bất ngờ.

o Thuật của thơ vượt ra những lề lối thông thường. Có khi giống như phi nghệ thuật để tạo thành một nghệ thuật mới.

o Mở rộng giới hạn của ký hiệu thơ. Phối hợp với các nghệ thuật khác để trình bày thơ một cách cụ thể hơn. Ví dụ như sử dụng những kỹ thuật của âm nhạc, hội họa, tranh ảnh, kịch nghệ, diễn thuyết v.v...

Nếu nhìn trên quan niệm Thần và Thuật như học giả Lâm Ngữ Đường trong tác phẩm "Sống Đẹp", Thần của thơ Hóa Pháp là thần cách mạng, thần lột xác. Thuật là thuật dị hóa. Chữ Hóa Pháp ở đây được hiểu như sự biến đổi những cách pháp sáng tạo nên thơ. Khác với sự biến đổi của từ ngữ trong tiến trình cấu tạo thơ của Thơ Hóa Ngữ mà chúng ta sẽ có dịp so sánh về sau.

Một bài thơ được cấu tạo bởi Hồn, ý tứ, lời và thể. Tất cả các yếu tố này hòa hợp để thông đạt tâm ý và cá tính của thi sĩ. Trong thực chất, chúng chỉ là một. Thơ là thơ. Trên phiếm diện phân tích để tìm hiểu, cũng đành tạm tách rời những yếu tố để xem xét.

o Hồn của Thơ Hóa Pháp cũng là hồn thơ của thi sĩ thường được rung động từ những đối tượng gần gũi trong đời sống. Ví dụ:

Water
Waves on the water
A boat on the waves
On the boat -deck, a woman
On the woman, a man

(Poem — Paul Klee/Anselm Hollo (11)

Phóng dịch:

Nước
Trên nước sóng gợn triền miên
Trên sóng lờ lững con thuyền nhẫn nha
Trên thuyền ngộ nghĩnh đàn bà
Trên đàn bà nhấp nhô là đàn ông

Hoặc giả là những sự vật chung đụng hàng ngày: con chó, con mèo, tiệm thuốc, ông hàng xóm, cái bàn, bình hoa, rau cải, trái dưa hấu v.v...

Green Budhas
On the fruit stand
We are the smile
And spit out the teeth
(Watermelons —Charles Simic (12)

Dưa xanh như Di Lặc
Trên kệ trái cây ăn
Ta nhai nụ cười Phật
Nhả hạt như phun răng

Sự rung động thường mang những cường độ mãnh liệt, thường thể hiện qua những ngôn ngữ làm người đọc tá hỏa tam tinh. Ví dụ như khi tức giận, thông thường con người la hét chửi thề mới đã. Bực tức mà nói chuyện văn hoa nghe thấy dở hơi, dáng dỏm. Khi đam mê đến cùng cực, thi sĩ bảo rằng:

Anh yêu những bông hoa
Bông hoa cũng yêu anh

Yêu. Yêu. Yêu. Yêu. Yêu. Nghe xong thấy hời hợt. Chữ yêu đã nhàm chán, nhan nhản thấy mọi nơi. Lòng đam mê hoa của thi sĩ đã bị cùi trong chữ yêu. Vì vậy, thi sĩ la to:

I want to fuck flowers
Flowers want to suck me
(Flowers Passion — Tuli Kupferberg (13)

Ý tứ của thơ Hóa Pháp rất đa dạng vô bờ bến. Có khi là

những hình ảnh, hành động cụ thể. Có khi là những tưởng tượng. Có khi chỉ là màu sắc. Có khi chỉ là âm thanh. Bởi thi sĩ nghe và thấy những điều mà người xung quanh không nghe không thấy. Hoặc nếu họ có nghe thấy cũng không cảm được thực chất của đối tượng.

Many seek and never see
any one can tell them why
O they weep and O they cry
and never take until they try...
(The Eye Alteing Alters All — Allen Ginsberg (14)

Nhiều kẻ nhìn nhưng không bao giờ thấy
Nếu có người nói với họ tại sao
Ôi họ sụt sùi ôi họ khóc lóc
Nhưng không cố tâm nên chẳng hiểu chút nào...

Ví dụ như cái nĩa dùng để ăn thịt. Lạ lùng thay, đối với thi sĩ không phải là cái nĩa. Cái chân chim chuyên bóp chết sự sống. Con người là thực khách sử dụng cái chân quái điểu ăn uống một cách hoan hỉ

This strange thing must have crept
Right out of hell
It resembles a bird's foot
Worn around the Cannibal's neck

As you hold it in your hand
As you stab with it into a piece of meat
It is possible to imagine the rest of the bird:
Its head which like your fist
Is large, bald, beakless and blind
Fork —Charles Simic (15)

Vật gì trông quái đản
từ địa ngục chui lên
giống như chân ác điểu
đeo ở cổ những tên
chuyên đi bắt người ăn thịt
Khi tay cầm chân chim
Ghim sâu vào miếng thịt
Khó mà tưởng tượng ra
Phần con chim còn lại

Cái đầu như nắm tay
To lớn và trọc lóc
Cụt mỏ và mù lòa

Lời thơ của Hóa Pháp chỉ chú trọng về cách mạng cú pháp khai phá những lối hành văn mới cho thi ca

You give yourself such funny
Looks
when you
Look
in the mirror, you're
looking
at yourself, but you're not
looking.
at yourself
looking..
(Look — May Swenson (1)

Anh tự khinh khỉnh
nhìn
Khi anh
nhìn
vào gương. Anh đang
nhìn
ngắm mình. Nhưng anh lại không
nhìn
thấy anh đang
nhìn...
(Looks — May Swenson (16)

Thể của thơ Hóa Pháp xuất hiện trong nhiều hình thức khác nhau. Có khi vần, có khi không. Đa số là thơ tự do. Đặc biệt là các thể thơ được kết câu mới lạ hoặc bố cục rất bất ngờ

Ví dụ:

Wake up	*Thức dậy*
Smoke pot	*Hút thuốc lào*
See the cat	*nựng con mèo*
love my wife	*nựng vợ*
think of Frank	*nghĩ đến Frank*
eat lunch	*ăn trưa*
make noise	*làm ồn*

sing songs	*hát lăng nhăng*
go out	*đi ra đường*
dig the streets	*lang thang*
read books	*đọc sách*
see my friend	*gặp bạn bè*
get pissed -off	*bực mình*
have a pepsi	*uống lon nước ngọt*
dis appear	*biến mất*

(10 things I Do Every Day — Ted Berrigan (17)

Trên những con đường khai phá, thơ Hóa Pháp và thơ Hóa Ngữ có đồng quan điểm về phối hợp những nghệ thuật khác và thơ. Những nghệ thuật có tầm quan trọng là những nghệ thuật ảnh hưởng đến thị giác và thính giác.

Thị giác và thính giác là hai giác quan trọng yếu của thi sĩ. Thấy để cảm thức hình ảnh và màu sắc. Nghe để cảm thức âm thanh và vần điệu. Có quan sát mới có phân tích và tổng hợp sâu sắc. Có lắng nghe mới có hòa âm thiên nhiên hay nhân tạo. Nói chung, ngũ quan của thi sĩ có làm việc tích cực để thu thập chất liệu thì trực giác mới tuyển chọn được những hình ảnh chính xác, từ ngữ hợp âm vào đúng chỗ. Theo John Holmes trong tác phẩm Writing Poetry, thi sĩ cũng như mọi người thường đều tiếp xúc cuộc sống bằng ngũ quan. Thi sĩ khác hơn người thường ở chỗ, khi thi sĩ làm thơ, các giác quan hoạt động mạnh hơn gấp đôi hoặc gấp ba lần khả năng lúc bình thường (18).

Nếu thi sĩ có thể trình bày được những hình ảnh của đối tượng trong thơ như họ đã thấy hoặc đã cấu tạo trong tư tưởng một cách cụ thể như bức tranh hay bức họa, người đọc sẽ cơ hội thưởng ngoạn rõ ràng hơn. Sự rung cảm của đôi bên sẽ gần gũi hơn.

Ví dụ như bài thơ "Đôi Tình Nhân" của James Laughlin. Chỉ cần ngôn ngữ trong bài thơ cũng đủ diễn đạt tâm ý của thi sĩ. Điều bàn luận ở đây là sự khác nhau của ảnh tượng trong trí tưởng của mỗi người đọc. Chắn chắc là không giống như hình ảnh mà thi sĩ trông thấy. Do đó, có thể phát sinh nhiều ngộ nhận. Cùng thưởng ngoạn chung một đối tượng, rung cảm chia sẻ dễ dàng hơn. Thi sĩ James Laughlin đã trình bày bức họa của Họa sĩ Magrette bên trên bài thơ

Xem tranh "Đôi Tình Nhân" của Magrette
Vẽ đàn ông và đàn bà hôn nhau
Làm sao họ cảm được khoái trá
Khi không thấy nhau vì khăn phủ che đầu

Tôi biết có một đôi tình nhân
Không nhìn hiểu nhau thật một lần
Cho dù có hôn nhau mải miết
Cũng chẳng có người yêu trao thân

Thật ra là người trong tưởng tượng
Giả trá làm cho họ khổ đau
Nhưng chẳng biết làm sao dừng lại
Tiếp tục lừa mình họ dối nhau
(Les Amants James Laughlin (19)

Courtesy of the Zeizler Collection, New York.

Hoặc là bài thơ, ngôn ngữ với hình ảnh "Thought Poem # 7 của Daniela Gioseffi (20)

Hoặc nghệ thuật ngôn ngữ và nghệ thuật hội họa kết hợp trình bày bài thơ "Everything's Fuzzy" của Charles Bordin như một bức tranh (21)

BIRD FLIES IN SKY

FISH SWIMS

IN WATER

BIRD EATS FISH OUT OF WATER

FISH FLIES IN SKY

Về phương diện thính giác, thi sĩ có thói quen nghĩ và viết. It khi đọc lại bài thơ bằng miệng. Độc giả có thói quen đọc thơ bằng mắt. Mặc dù chữ nghĩa và tư tưởng tự nó đã có âm thanh, vần điệu nhưng chỉ là loại âm điệu trong kinh nghiệm hay vô tình. Lẽ ra thơ phải được đọc lớn tiếng. Có nghe được âm thanh trầm bổng, tiết điệu ngắn dài, vần hòa vần chỏi, mới có thể thưởng thức đúng mức tinh thần bài thơ và tài năng của thi sĩ. Ví dụ như một đoạn thơ của Quang Dũng trong bài "Tây Tiến"

Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc
Da xanh màu núi dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà nội dáng kiều thơm

Ba câu đầu cùng sẽ đọc ở nhịp mạnh và ngắn như nhịp 2/4. Câu sau cùng sẽ đọc ở nhịp rải 3/4. Chính âm thanh cũng góp phần quan trọng cùng với hình ảnh và ý nghĩa để gây cho người đọc cảm xúc.

Có nhiều bài thơ trong loại thơ Hóa Pháp đã được ghi chú

bằng kỹ thuật âm nhạc. Có nhiều thi sĩ đã trình diễn đọc thơ theo kỹ thuật nhạc soul hay nhạc rock

Phổ thơ vào nhạc không phải là điều lạ lùng. Chúng ta đã có hàng trăm bài như "Ngậm Ngùi" của Huy Cận, "Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng" của Phạm Thiên Thư v.v... Đặc điểm ở đây là chính thi sĩ ký định âm thanh không phải để cho thơ thành nhạc mà để thơ được chuẩn độ âm điệu phát huy tinh thần thơ.

Ví dụ, một đoạn thơ của Dương Bá Trạc trong bài "Hồ Trường"

Võ gươm mà thét
Nghiêng bầu mà hỏi
Trời đất mang mang ai người tri kỷ
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường

Đoạn thơ này có thể đọc, có thể ngâm tao đàn, sa mạc hay theo lối ngâm Bình Trị Thiên. Gặp người tài hoa ai cũng có thể hát cải lương hay hát bộ. Tùy vào mỗi cách trình diễn, người thưởng ngoạn cảm nhận tinh thần và sự rung động của thi sĩ khác biệt. Để tránh những trường hợp lệch lạc, thi sĩ qui định âm thanh và tiết điệu của bài thơ theo ý họ *(22)*

March: Thoughts Sitting Breathing

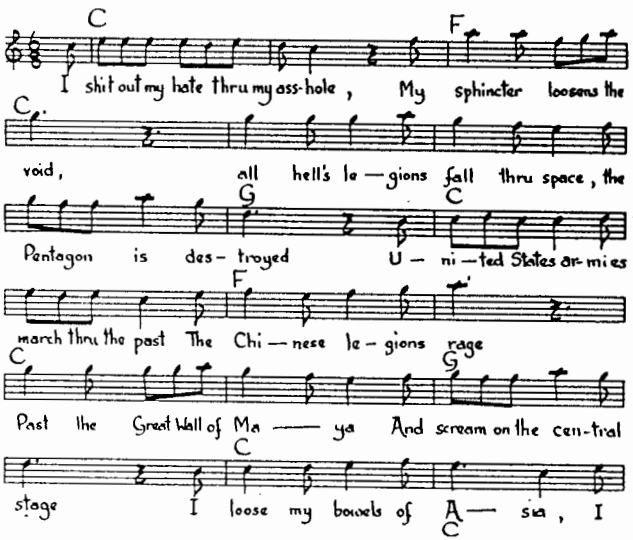

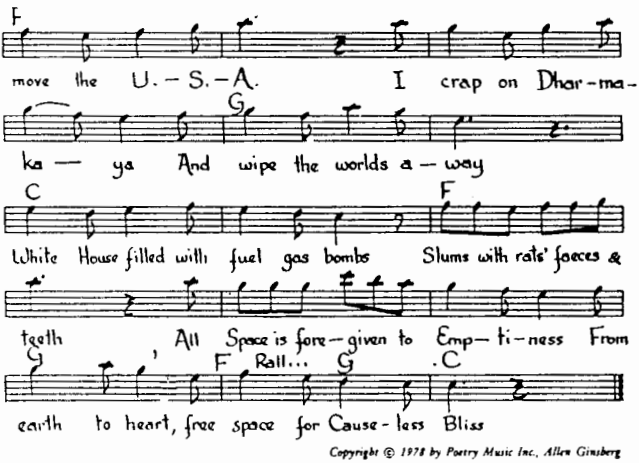

Quan yếu hơn hết là sự bất lực của ngôn ngữ. Khả năng ghi nhận của ngôn ngữ có giới hạn. Trong trường hợp có những âm thanh đặc biệt đã làm cho thi sĩ rung động nhưng không thể ghi xuống bằng từ ngữ, thì sự phối hợp âm thanh của thiên nhiên hay âm nhạc sẽ giúp cho tác giả diễn tả tâm tình dễ dàng hơn. Người thưởng ngoạn có cơ hội thông cảm hơn.

Như vậy sự phối hợp các nghệ thuật khác nhau vào thơ không phải là những vay mượn hời hợt hay sáng tác cầu kỳ, khi nhu cầu đòi hỏi mà ngôn ngữ tự nó không thể diễn hết tâm tình của thi sĩ, hay chỉ thông đạt một cách mù mờ khó hiểu.

Thơ hoá pháp không phải là một trường hợp đặc biệt xảy ra trong thi ca Âu châu hay Hoa Kỳ. Trong bất cứ một nền thi ca nào, bất cứ một thời điểm nào, luôn luôn có những thi sĩ đem tâm huyết đi tìm một cái gì mới lạ cho thơ. Bản chất của Thơ là Sáng tạo. Nhất là khi thi ca bị kềm chế bởi một loại thơ nào đó đã đến độ nhàm chán thì nhất định phải có một luồng thơ mới nổi lên. Đây chỉ là một tiến trình tự nhiên trong lịch sử thi ca.

Ngu Yên

GHI CHÚ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Man Ray, "The Great Photographers", publisher : Prentice-Hall, Inc, New Jersey, "The Peach", 1931.

(2) Lewis Putnam Turco, "Visions and Revisions of American Poetry", publisher: The University of Kansas Press, 1986, trang 21.

(3) Paul Auster, "Book of Twentieth Century French Poetry", publisher: The Random House, New York, 1984, trang 169.

(4) Mack. Knox. Mc Galliard. Pasinetti. Hugo. Spacks. Wellek.

Douglas. Lawall, "The Norton Anthology of World Masterpieces", publisher : W. W Norton & Co Inc. USA. 1985 trang 1367.
(5) Paul B. Janecko, "Poetsteak in Their Work, about Their Work", publisher: Bradburry Press, Inc, New York, 1983 trang 107.
(6) Ronald Gross & George Quasha, "Open Poetry", publisher: Simon & Schuster, Inc, New York, 1973, trang 6 và 7.
(7) May Swenson, "Iconographs", publisher: Charles Scribner' s son , New York, 1970, trang 33.
(8) Trăm hoa đua nở trên đất Bắc, thơ Phùng Quán, trang 121.
(9) Al Lee, "The Major Young Poet", publisher: The World Publishing Co. Canada, 1971, trang 110.
(10) Trích trong tập thơ "Tựa Đề Ở Bên Trong" chưa xuất bản.
(11) Ronald Gross & George Quasha, "Open Poetry", trang 265.
(12) Charles Simic, "Selected Poems, 1963-1983", publisher: George Braziller, Inc, New York, trang 53.
(13) Walter Lowengels, "In a Time of Revolution", publisher: The Random House, Inc, New York, 1969, trang 68.
(14) Allen Ginsberg, "Collected Poems 1947-1980", publisher : Harper & Row, New York, 1984, trang7.
(15) Charles Simic, 'Selected Poems", trang 29.
(16) May Swenson, "New and Selected Thing Taking Place", publisher: Little, Brown & Co, Boston, 1978, trang 31.
(17) Anne Waldman, "The World Anthology", publisher : The Bobbs-Merrill, Co, New York, 1969, trang 5.
(18) John Holmes, "Writing Poetry", publisher: The Writer, Inc, Boston, 1960, trang 4 và 5.
(19) The Paris Review, No 98, Winter 1985, trang 123.
(20) Jean Malley and Haté Tokay, "Contemporaries 28 New American Poets", The Viking Press, New York, 1972, trang 164.
(21) như trên, trang 159.
(22) Allen Ginsberg, "Collected Poems 1947-1980", trang 590.

Cáo lỗi : *Vì có nhiều bài vở thuộc chủ đề Thi ca, nên Văn Học số này xin hoãn lại các bài sau đây sang số 18 ra tháng 7.1987. Trân trọng cáo lỗi cùng các tác giả :*

* *Truyện ngắn Cảnh Tượng của Lê Tâm.*
* *Truyện ngắn Bóng chiều tàn của Huyền Châu.*
* *Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Võ Phiến , của Nguyễn Mộng Giác.*

Nghiêm Xuân Hồng

Say vào Hoa tạng

Xưa kia Lý Bạch sầu vô lượng
Hát khúc trầm kha theo Khuất Nguyên,
Trăng hồng chênh chếch trời mã não
Đáy nước mò trăng có ảo huyền ?

Xót người mặt phấn duyên đòi đoạn
Hay thấy kiếp người luống nhọc công,
Thấy lòng phiền muộn không bờ bến
Lại gặp trăng gầy úa sắc-không ?

Họ Lý ngang tàng vang một thuở
Nhưng chưa hề hiểu mộng "Cuồng Ngây",
Si ngây ôm mộng nghiêng trời biển
Mà vẫn thung dung nửa tỉnh say...

Đáy thẳm không-hư còn lồng lộng
Nghiệp-dĩ ngàn xưa mây trắng bay,
Xá chi một mảnh trăng phiền muộn
Mà phải ngậm ngùi mấy kiếp say...

Chẳng thấy Trang Châu người áo vải
Đêm thu lất phất hạt thu bay,
Co tay đổ giấc mơ làm bướm
Cùng với trăng thanh lờ lững say!

Hãy học gương "Cuồng" người Đồng-tử
Si ngây ngồi lặng ngắm trùng dương,
Trùng dương bất tận tràn hư-ảnh
Mà chẳng giăng sầu lụy vấn vương !

Học người Đồng-tử miền Hoa tạng
Túy-lúy-càn-khôn một lỗ lông,
Thấy Sái-cam-lồ bừng chiếu sáng
Hào quang muôn trượng...dạ thong dong !

Đáy nước mò trăng trăng nào thấy
Chỉ thấy muôn vàn đóm lửa yêu,
Hãy mò Tâm-để quang lồng lộng
Một điểm Không-hư vạn kiếp đầy...

Vũ Thùy Hạnh

Mùa Xuân, trong vườn.

Này ta hỏi cỏ non
Dáng ngoan, hồn vô tội
Có nghe những mạch thầm
Rạt rào lòng đất tối.

Này gió thiết tha cây
Lay cành, xin rất nhẹ
Kẻo ta lá đã vàng
Có rơi, xin rất khẽ.

Niềm riêng, ta sương mai
Nỗi người như nắng sớm
Dường như nắng đã phai
Sương mai còn ngủ muộn.

Này những búp còn xanh
Hãy tin nụ sẽ hồng
Có chi mà bối rối
Xa rồi lũ gió đông.

Này ta hỏi vườn Xuân
Xôn xao cành lá mới
Có nghe những mạch thầm
Nghẹn ngào lòng đất cội ?

Như Chi

Giữ giùm em.

Những bài thơ trên giấy xanh non
Như điệu hát con tim lỡ nhịp
Anh đừng giở những trang chuyển tiếp
Để tình em còn e ấp nghìn thu.

Vẽ giùm em khung cửa ngục tù
Giam giữ mãi những hân hoan ngày cũ
Khi ngày tháng theo nhau tàn rũ
Mà yêu thương cứ mãi mới tinh nguyên.

Thương nhau rồi còn gọi mãi tên
Anh có sợ tình yêu quên nỗi nhớ ?
Những dòng chữ ngủ yên trong sách vở
Em gói lòng mình ép lại thành thơ.

Đừng mở ra...! Hãy dành những bất ngờ
Như quà tặng chẳng bao giờ có được
Nhưng thuộc về ta như hằng mơ ước
Chút hương nồng thơm tóc thuở ban sơ.

Cất giữ hộ em xúc động tình cờ
Một tiếng nói, một tiếng cười bỡ ngỡ
Chút bối rối của lần đầu gặp gỡ
Chút xót xa lần giã biệt nhau.

Buồn làm chi về hai chữ mai sau
Một giây phút đủ dài bất tận
Quá khứ tương lai thu vào hiện tại
Mùa Xuân qua mùa Xuân lại trở về.

Lắng lòng ta sáo khúc buổi chiều quê
Kiếp vô hạn giữa tình yêu vĩnh cửu
Trang thơ xanh mắt tâm hồn khép mở
Xin giữ giùm em tình miên mật nghìn thu...

Hàn Song Tường

Lưu đầy.

Cơn bão tố đã nuôi em lớn dậy
Nơi quê hương mù mịt ánh bình minh
Em đã lớn với nỗi lòng cô quạnh
Lửa một góc trời quyện bước chân anh.

Cơn gió bão nằm trong tim anh đó
Hạnh phúc nào tuyệt vọng giữa cơn mơ
Em vẫn biết tấm lòng anh xa lạ
Nên mùa Xuân qua biền biệt chưa về.

Em đã lớn bên bão đời cuồn cuộn
Nhìn thời gian trôi theo ngọn cuồng lưu
Anh như cánh chim trời nghiêng cánh mỏi
Mà đường đời dài nghìn dặm hoang liêu.

Cơn bão lửa còn ngút trời thăm thẳm
Chiều phong ba xoay mất hướng anh đi
Em vẫn gửi niềm dấu yêu ngờ vực

Lưu đầy theo dòng định mệnh vô bờ.

Bùi Vĩnh Phúc

Tôi là bọt sóng là bọt sóng là bọt sóng...

*T*ôi thích ngồi một mình, yên lặng một mình, vào những buổi đầu ngày, trước khi để mình dấn thân vào một ngày mới... Hãy tìm một chỗ yên lặng nào đó đủ để có mình với mình. Nhắm mắt lại. Và buông thả hết mọi sự.

Tôi thích sống lại những giấc mơ đã qua của đêm hôm trước, từ đó, kéo theo những suy nghĩ về những ước mơ hết sức thơ ngây, thơ mộng, thơ dại hoặc đầy nét huyền bí, huyền hoặc, huyền ảo của tôi, với sự tham dự đầy đủ của ý thức mình. Đời sống thường được tạo ra và kéo dài từ những giấc mơ. Những giấc mơ khi ta tỉnh thức và những giấc mơ trong đêm khi ta để mình bị treo lơ lửng trên sợi dây của tiềm thức và vô thức. Một sợi dây trong suốt đu đưa từ quá khứ sang hiện tại và tương lai.

Tôi thích sống lại những giấc mơ trong những buổi đầu ngày như thế, vì thường chỉ vào lúc đó, người ta mới có thể có được những ký ức cảm giác. Hầu hết ký ức của con người đều chỉ là những ký ức hình ảnh. Người ta, qua hồi ức, có thể nhìn thấy lại được những mảnh sống đã sống đã qua của mình, nhưng thật ít khi người ta bắt gặp lại được những cảm giác chân thật liên hệ với những hình ảnh mà người ta đã có. Những cảm giác ấy như một màn sương tan đi rất mau khi ánh sáng của mặt-trời-ý-thức-người-ta soi trên nó. Chỉ vào buổi đầu ngày, khi cả không gian bên ngoài lẫn không gian bên trong của người ta đều còn giữ nguyên được trạng thái tinh tuyền, tĩnh lặng của chúng — cái tĩnh lặng và tinh tuyền của buổi đầu Sáng Thế Ký —, người ta mới dễ có cơ hội

có được những hồi-ức-cảm-giác kia.

Tôi sẽ ngồi yên như thế vào buổi đầu ngày và, có thể, sẽ để chảy lại trong trái tim mình một giọt lệ nào đó cho một hay những hình ảnh nào đó mà tôi đã có trong đời, hay trong giấc mơ đêm hôm trước. Tôi để giọt lệ ấy chảy thoải mái trong trái tim mình. Tôi nhìn thấy nó chảy dài, loang ra, và len lách vào những nơi chốn sâu thẳm nhất của hồn mình không một tiếng vang. Vào lúc đó, tôi chính là giọt nước mắt ấy đang chảy trôi vào đời sống mình, rửa tan hết mọi bụi bậm tôi đã hứng chịu, mang lấy trên người. Giọt nước mắt không đau đớn, không xấu hổ, không mệt mỏi hay chán chường thất vọng. Nó chỉ là một giọt trong khỏe khoắn, thoải mái chảy ra chảy vào từ trái tim tôi và đi qua tất cả những nơi chốn bụi bậm của tâm hồn, của con người tôi. Tôi sẽ để cho nó cứ ứa ra và tuôn chảy len lách tự nhiên ngất ngây như thế.

Có khi, tôi để lòng mình vỡ tung một tiếng cười. Một tiếng cười không phải bóp thắt, gìn giữ như những tiếng cười tôi đã có trong đời sống hàng ngày. Tiếng cười vỡ bọt trên đầu sóng và đẩy tôi lênh đênh mất hút vào những cõi chìm nổi của cuộc đời. Tiếng cười vỡ ra từ trong giấc mơ và bốc tôi bay lên cao như những bọt nước của con sóng kia sau khi đã tự để mình đập tan thân vào ghềnh đá. Không tự vệ, không gìn giữ. Tôi tự đập vỡ hình hài ra để nhìn thấy mình trong từng mảnh vụn như thế. Những mảnh-vụn-tôi ấy khác hẳn với con-người-đã-được-lắp-ráp của tôi mỗi ngày. Tôi thích đập vỡ mình ra như thế để nhận thấy mình buồn cười, cạn cợt, mệt mỏi, nhỏ bé, ham muốn, hèn nhát, đáng thương, đáng ghét, đáng khinh bỉ, lười biếng, kiêu ngạo, kiêu căng, ngu dốt, bạo động, hư thân, mất nết, mất dạy, mất quê hương, mất đời sống, mất tất-cả-những-gì-thân-quý-nhất-đời-mình..., hay là để thấy mình ngây thơ, hồn nhiên, đáng yêu, dễ thương, khiêm tốn, thông minh, chăm chỉ, sáng sủa, thật thà, cao thượng, gan dạ, phấn khởi, buông xả, bất chấp, bất cẩn, bất cần, bất khả hoán chuyển, bất khả kham, bất bạo động v.v... Tôi sẽ để ý nhìn hàng trăm, hàng ngàn mảnh vụn của mình ánh lên qua chúng tất cả những thể thái của những hình dung từ kể trên, và hàng trăm hàng ngàn hình dung từ khác nữa. Khuôn mặt mình, tôi sẽ giữ cho nó trầm tĩnh. Tôi lột bỏ không thương tiếc tất cả mọi thứ mặt nạ mà tôi đã từng mang trong đời sống để có thể sống còn như một con-người-trong-đời. Tôi chỉ có tôi trong những buổi sáng đầu ngày như thế.

Những buổi đầu ngày, tôi muốn bỏ và buông tất cả. Để chỉ nắm lại những gì thật sự của mình. Tôi để cho ánh sáng của ý thức soi chiếu những vùng mờ tối, bụi bậm hoặc thui chột của tâm hồn mình. Ánh sáng soi chiếu đồng thời xóa sạch mọi thứ không phải là của tôi mà là của trần gian bám vào trên tôi. Tất cả những chỗ

sơn mạ đẹp đẽ hay những góc bụi bậm, tối tăm do cuộc đời sơn phết phủ bám lên tôi, tôi sẽ để cho ánh sáng rửa sạch. Tôi sẽ trần truồng, lồi lõm như là con người tôi vốn vậy. Tôi sẽ nhìn vào cái thực tại lồi lõm, trần truồng ấy với sự ngạc nhiên, có thể, nhưng với hết tấm lòng tha thiết của mình.

Tôi có thể là một con thuyền. Tôi có thể thả trôi lòng mình cho những con sóng ý thức vùi dập. Tôi sẽ sống những cảm giác của con thuyền bé nhỏ kia, nếu tôi muốn. Tôi sẽ bị hàng ngàn con sóng đánh đập cho tan nát, bị vùi dập, và bị hất tung vào những khoảng không vô định nào đó trong cuộc lữ tàn khốc kia. Có thể tôi sẽ sống cảm giác của con thuyền bé nhỏ ấy để thấy mình quằn quại, vật vã, tan tác, và rồi, cuối cùng, vỡ nát ra từng mảnh nhỏ bập bềnh và bị cuốn hút mất tăm vào những con xoáy tàn bạo của dòng ý thức.

Có thể tôi sẽ không chọn làm con thuyền ấy. Có thể tôi chọn sự nhìn ngắm của lý trí hơn là chọn cảm giác của kinh nghiệm hay kinh nghiệm của cảm giác. Tôi sẽ ngồi yên, mở hết lòng và hết ý thức mình ra để nhìn chính tôi là con thuyền kia đang bị chính dòng ý thức tách đôi của tôi dồn đẩy. Một nửa ý thức tôi tách ra làm ngọn đèn chiếu xuống lấp loáng trên nửa ý thức kia là dòng nước cuốn xoáy đẩy tôi vào trận. Tôi sẽ nhìn xem mình lăn lộn, vật vã, quằn quại, tan nát ra sao. Tôi sẽ ngồi lặng lẽ và nhìn cả một đại dương nổi sóng chụp xuống hồn mình.

Tôi sẽ ngồi lặng yên nhìn mình tan biến và mất hút đi như thế. Và tôi sẽ nhìn thấy mình trở lại một cách vô hình tích, vô thể tướng, thênh thang như những hơi nước li ti mát lạnh của những bọt nước vô tư kia. Tôi sẽ trở về (ai biết?) và lại bước vào trần gian làm những cuộc du hành ngộ nghĩnh và tàn khốc khác. Và rồi tôi sẽ lại ra đi.

Tôi có thể chọn lựa. Như thế, vào mỗi buổi đầu ngày. Sau đó, tôi lăn vào đời để sống. Tôi sẽ sống như thế nào? Ngày mai, đầu ngày mai, tôi sẽ nhìn lại tôi như thế. Tôi sẽ là con thuyền, hay tôi là người ngồi nhìn thuyền, ngày mai, đầu ngày mai, tôi sẽ làm lại cuộc chọn lựa trân trọng này.

5/17/87
Bùi Vĩnh Phúc

Thường Quán

Xưa thơ

Xưa thơ niềm bình dị nắng trời cổ lục
Màu gió xanh câu hát níu câu hò
Chảy mãi suối nguồn núi sông uốn khúc
Nước đưa người qua bến nắng thơm tho.

Hương mực thắm giữa lòng giấy mới
Cánh thuyền đi mang những tình thơ nép búp sen hồng
Cánh sen vươn đường cong thương nhịp sống
Chậm từng mùa hé nụ để chờ mong.

Nở những mắt sớm mai mầu trời tự tại
Núi thương đời hát mãi điệu mùa Xuân
Cánh cò lã trên rừng xanh trái
Nghiêng vai em ngàn ruộng biếc reo ngân.

Trời đất rộng cho tôi vỡ vào trong nắng
Đường em đi yếm thắm nón quai thao
Chỗ trú của thơ là nơi nào trong tóc bỏ đuôi gà kia, thầm lặng
Nắng thả rơi lên một lá trúc đào.

Hồng đôi cánh môi người quan họ
Cười sau cánh quạt thơ đề
Tôi cưỡi ngựa ô qua ngõ lý
Vỗ trống quân mở hội chờ em về.

Nắng reo vang lá non trưa lụa nõn
Rừng tre suối chảy có gập ghềnh
Tôi làm anh tiều phu ngồi chon von trên núi
Thổi khúc tiêu cho nhẹ đường lên.

Hoa lụa rơi đầy em vui muốn khóc
Câu thơ lục bát thành thất ngôn
Tám câu không nói hết nỗi niềm tôi làm anh học trò giả say đặt bài hát nói
Kể chuyện rượu Hoàng hoa ở Hạnh hoa thôn.

Đường trẩy hội chưa lên nửa núi
Mây trong mắt biếc đã long lanh sương
Tôi làm kẻ ẩn sĩ ngồi câu bóng khói
Chờ lòng giếng sâu hiện mắt ngọc Nghê thường.

Em là giai nhân muôn kiếp cũ
Từ trong nghìn cõi bước ra
Những Giáng Kiều thời phương sử
Tôi làm người vẽ tranh thắp nến chờ hàng đêm.

Những Tiên Dung thương mây trời sông nước
Lang thang ao biển chẳng buồn về
Tôi làm anh nhà nghèo họ Chữ
Giấu mình trong cát nỗi đam mê.

Những Mỵ nương yêu âm vô hạn
Tường thành không bít được tiếng lòng
Tôi làm người xóm Chài thổi sáo
Khối tình hoá ngọc mãi không tan.

Những Mỵ châu yêu luôn người-giặc-dữ
Đời nhẹ vời bay như cánh lông thiên nga
Thả xuống nước non những mảnh hồng loang máu
Tôi xếp dáo gươm cung nỏ tự bấy giờ.

Những Thúy Kiều vì cảnh nhà đem thân bán
Những Đạm Tiên mờ mả tiêu sơ
Tri kỷ đôi tấm lòng cô quạnh
Một Từ Hải chết không ngờ.

Tôi ngơ ngác bỏ đi lên núi
Theo chân người thi sĩ hát mua vui
Đời mấy nhịp trống canh chìm nổi
Vẫn kết làm sao đừng ngậm ngùi.

Cho bình dị người thiên lương trở về vườn cũ
Nâng ly trà ngang mày mời lại người ngày xưa
Sống tang thương dập vùi biển dữ
Tình vẫn vẹn nguyên hương đằm ngát tóc tơ.

Lọn tóc thề nối dài ra thành sông nước
Màu mắt xanh trong chén uống sen hồng
Hương trà đậm đà hồn muôn hương trước
Tôi làm người nhen lửa đun ấm nồng
Thổi nắng trời vào bếp trà xưa thơ gửi nụ.

Ngô Nguyên Dũng

Câu chuyện của Thầy Hương Quản

Thầy hương quản Thừa dõi mắt ngó mảnh vườn nhỏ xinh xắn còn phủ tuyết lổ chổ bên ngoài lớp cửa kính. Bây giờ là cuối mùa đông. Trời vẫn còn lạnh. Mỗi sáng sớm, trước khi giở mền bước xuống giường, thò chưn vô đôi dép nỉ xám, thầy vẫn phải với tay chụp vội vàng cái khăn quàng cổ bằng len màu nâu sẫm, lâu ngày không giặt thành thử đổi màu mốc mốc, xam xám tương tự đất sình những ngày mưa nơi quê cũ hay ngộ nghĩnh hơn, có lẽ giống màu cái mu con rùa thần mà thầy đã nghe dân làng kể lại, thấy được ngoài cửa sông Hàm Luông.

*
* *

Trời, dễ chừng có hơn bốn mươi năm rồi chớ không phải chuyện giả ngộ đâu nghen. Thuở đó thầy chưa được tấn chức, ngày ngày còn đóng bộ áo dài the đen quần vải trắng, xỏ đôi giày hàm ếch, đầu búi tó, cuốc bộ ra dinh quan lớn cách nhà gần hai cây số đường. Thầy nhớ rành rành, như thể chuyện vừa mới xảy ra hôm qua đây.

Ngày hôm đó cuối mùa mưa, mấy bữa trước trời nổi bão, trong làng bảy căn nhà mái lá cũ tróc nóc; nghe báo lại ngoài cửa biển có hai chiếc ghe đánh cá của tư nhân mất tích. Khi nghe tiếng nhốn nháo, giọng đàn ông quềnh quang như tiếng ếch cầu mưa, giọng đàn bà léo nhéo chua lè trước cửa dinh, thầy mới dợm chưn bước ra nghe ngóng sự tình. Một đám đâu độ hai chục người, đàn ông đàn bà lố nhố, lấp ló dưới chưn họ còn có hai ba đứa nhỏ lóc cái đầu cạo trơn trùi, to cỡ trái dừa lửa lột sạch vỏ, lõ hai mắt đen như hột mắng cầu len lén ngó, mũi rớt lòng thòng hai vệt nước màu ngà

đặc sệt vừa chảy mấp mé mí môi liền được chúng hít vô lại ống mũi nghe cái rột, lanh lợi và tài tình như cặp cá thòi lòi lấp ló ngoài hang, nghe động vội vàng thụt vô lẹ như một lằng chớp. Cái cảnh tượng thân mật, gần gũi đó có bao giờ thầy hương quản Thừa quên được. Nó xảy ra hà rầm, thường như cơm bữa. Ở miệt Mỏ Cày này, một làng nhỏ ven sông Hàm Luông, xảy ra chuyện gì ngỗ ngộ hay không biết giải quyết ra sao, dân làng rủ nhau tới dinh quan lớn trình bày sự việc để còn thỉnh ý.

Hôm đó, vừa bước ra sân, chưa kịp hỏi thì chị Năm Tươi đã vọt miệng tài khôn:

— Bẩm thầy thông phán (dân làng kêu tưng vậy chớ lúc đó thầy mới chỉ là hạng tương tợ thơ ký quèn, có thông ngôn phán xét chuyện gì được đâu), miệt ngoài vừa mới tắp vô bờ một con **gùa** thật bự, to bằng mặt bàn ăn cơm đa!

Mới chỉ so sánh có vậy là bao nhiêu giọng cất lên, mọi người một ý:

— Đâu gì dữ vậy, cỡ cái mẹt sàn gạo thôi chị Năm ơi!

— Ý, coi vậy chớ lớn hơn mặt trống chầu chớ không phải giỡn đâu nghen bà con!

Rồi giọng ồm ồm của ai đó chen vô phóng đại hơi quá lố:

— Dám bự bằng cái lò hầm than đước à nghen.

Nghe lời so sánh quá trớn, mọi người đều cười khì. Mà thầy Thừa từ nãy giờ còn ngơ ngơ, ngáo ngáo, chuyện xảy ra thầy chưa thấu đáo thì đã nghe đầy hai lỗ tai lời thiên hạ bàn tán đủ kiểu. Chuyện Tam Quốc Chí chưa rành thì ai dám diễn nghĩa. Bởi vậy thầy mới từ tốn hỏi cho rõ đầu đuôi ngọn ngành:

— Việc đâu còn có đó, quý bà con đừng hốp tốp, hãy thơi thả kể lại tui nghe để tui còn vô trình lại quan lớn rồi liệu bề giải quyết.

Cách ăn nói hơi kiểu cọ nhưng rất lịch sự ấy bao giờ cũng có hiệu lực. Đám đông đang ồn ào chợt im bặt, ví như lũ hải điểu rộn ràng nương theo ghe lưới cá vô bờ chực chờ mẻ cá con, đâu ngờ hôm đó quăng lưới nào hụt lưới đó, chẳng thấy cá đâu lũ chim biển vội vàng tản mác, một vùng trời mới đó còn rầm rì quang quác tiếng gọi chào, chợt im lặng soi mói.

Rồi không ai bảo ai, mọi ánh mắt dồn về phía tía thằng Trọn. Người đàn ông đó tuổi ngoài sáu mươi, có bộ dáng nho nhã, quắc thước, là kẻ có ăn học, biết viết chữ Nho, thuộc nằm lòng thơ Lục Vân Tiên, còn hay vịnh thơ Tàu, viết liễn, ra câu đối cho dân làng mua vui những ngày tết. Vì vậy, dù mọi chuyện bắt đầu từ năm một ngàn tám trăm oảnh-tẹt nào, đầu có Ngô mình có Sở tới đâu, mỗi khi cần trình bày cặn kẽ, thêm nhưn thất tuội mà có mặt tía thằng Trọn là y như rằng, ông ta phải nói.

Tía thằng Trọn vẹt đám người đứng chen phía trước, cúi đầu

chào thầy Thừa rồi cất giọng:

— Trình thầy thông phán để thầy bẩm lại với quan lớn chuyện này. Đầu đuôi như vầy, sáng sớm qua khi thấy bão tạnh, mấy đứa nhỏ trong làng rủ nhau ra bãi bắt ốc, vớt củi, lượm bần mới khám phá một vật lạ. Nghe kể lại, thoạt đầu chúng tưởng đó là thân của chiếc ghe đánh cá mất tích hổm rày theo sóng tấp vô bờ, nhưng ngó kỹ thì cái vật nằm chong ngóc lại biết cử động. Chạy lại xúm nhìn thì ra đó là một con rùa khổng lồ, có lẽ vì biển động nên mất phương hướng, bơi lạc rồi giạt vô bờ nằm... nghỉ mệt. Mà kể cũng ngộ, "ông rùa" vô bờ giữa lúc mưa bão, trời tạnh biển êm rồi thì đáng lẽ ổng phải tìm lại ra biển đi... dìa nhà, đằng này ổng cứ bò lẩn quẩn vùng cát sình, lấy chưn cày ngang, bửa dọc bãi biển. Cả làng mình ai cũng cho là điềm lạ nên rủ nhau ra coi ông rùa rần rần. Mà thật vậy, ông rùa hình dáng dị hợm thiệt khó coi. Cái mai của ổng, nói không ngoa, nếu căn rộng bề mặt ra dám hai người ôm không hết. Trên đó ốc hến bám đầy, sần sùi xấu xí nhưng nếu tinh mắt cũng có thể nhận ra, giữa mảnh hình lục giác ngay đỉnh mu có vết hằn chẳng chịt tương tợ chữ "cổ" trong Hán tự (có tiếng mọi người xì xồ bàn tán). Lẽ dĩ nhiên, ai biết được nguyên nhơn tại sao lại có hiện tượng kỳ quái đó. Trong làng ai nấy đều xôn xao. Người thì cho đó là điềm lành. Kẻ thì nói mạt vận cận kề. Chín người mười ý. Riêng tui thì nghĩ rằng, ấy cũng là chuyện thường tình, ông rùa gặp bão, ghé ngang bãi biển làng mình trốn, tỷ như người đi đường gặp mưa tạt vô quán trọ núp vậy mà...

Lý luận của tía thằng Trọn coi bộ không vừa lòng số đông. Tiếng ồn áo đang nhỏ chợt bể lớn ra. Một người xen vô hỏi, rồi hai ba người phụ họa:

— Còn cái chữ "cổ" trên mu ổng, ông già cắt nghĩa làm sao đây!

— Ờ, tía thằng Trọn giải thích nghe chơi!

—...Mà nghe cho trơn hai cái lỗ tai à nghen.

Thầy Thừa thấy không cần phải hỏi thêm, im lặng để tía thằng Trọn tằng hắng lấy giọng, bắt đầu diễn nghĩa:

— Tối qua tui dìa nằm vắt tay lên trán, những vết cứa trên mu ông rùa coi như chữ "cổ" đó cứ lởn vởn trong đầu óc. Tui suy nghĩ miết rồi cũng đoán được lờ mờ vài lý do sau đây kể đặng thầy thông phán và bà con chòm xóm nghe chơi: Nếu giải nghĩa theo tinh thần mới, đầu óc tân tiến kiểu mấy thanh niên có đi "hược" (làng xóm thời đó ai cũng nói "học" thành "hược" vì Học là tên quan lớn) thì có thể những đường kẻ ngang dọc đó xuất khởi từ một trận ác chiến kinh hồn xảy ra dưới biển sâu giữa ông rùa với cá kình, cá đao, cá mập hay một loài hải ngư ác ôn nào khác. Ông rùa gặp biến vội vàng co đầu rút cẳng ẩn trong mai cứng. Địch thủ

không táp được, đành gặm, cắn, ngoạm, nói chung là dùng răng nhọn cào rách mu ổng. Những vết sướt đó ông trời dung rủi làm sao giống nét vẽ chữ "cổ", chỉ vậy thôi...

Thầy Thừa để ý quan sát đám đông. Lúc tía thằng Trọn thao thao bất tuyệt, không những người lớn mà lũ con nít cũng trơ mắt ếch, vểnh tai trâu nghe ngóng. Chúng dạn dĩ thấy rõ, mới vừa đây chúng còn ôm chưn mấy người lớn, chỉ dám ló cái đầu to tướng, cạo trọc lóc để ngừa chí rận ghẻ tàu ra dòm, bây giờ thấy bầu không khí hưởn đãi, không còn sượng ngắt như lúc ban đầu chúng bước hẳn ra đứng tiên phong, bày biện trước mặt thầy Thừa một bức tranh đồng quê vừa sống động vừa khôi hài. Đứa mặc áo ngắn xủn, chó táp mười ngày không tới, không quần, để lộ cái bụng lớn như đàn bà chửa bảy tháng, rún lồi tựa trái cau non, quần quện vết dơ trên làn da rám nắng đen mốc. Đứa thì có quần lại không áo, phơi vuông ngực xẹp lép, ba sườn lòi ra đếm được mấy khớp, ốm o như con trâu già chỉ còn được dùng đạp lúa ở nhà, sau mùa gặt. Dù có bận quần hay bận áo, cái bụng và cái đầu lũ con nít là hai bộ phận đáng chú ý hơn hết. Cả hai đều lớn một cách sổ sàng, thiếu cân đối. Mà làm sao cân đối được ở cái xứ tận cùng thế giới nằm ven biển cuối dòng Tiền Giang này, nguyên năm chỉ có sáu tháng nước ngọt, khoảng thời gian còn lại đồng chua nước lợ chỉ có khu rừng đước, bụi dừa nước, hàng bần chua, bần ổi ven sông, vườn dừa xiêm, dừa lửa, dừa bị háo hức thôi, còn lại cỏ cây cũng như người đều giấu mình vào cái vỏ quạnh quẽ u tịch, chờ mùa nước ngọt.

Nhưng đứa nào đứa nấy đều có cặp mắt đen thui lui. Thầy Thừa hình như chưa thấy trẻ con vùng nào có màu mắt như vậy, y hệt hột mắng cầu. Đen và lanh lợi, như hai chấm mực tàu còn ướt long lanh quệt lên những khuôn mặt gầy ốm, như viên thuốc tễ nằm trong bọc sáp in chữ tàu đỏ hực, lắc nghe sệu sạo, mở lớp sáp ra, màu trắng vỏ bọc làm viên thuốc tròn vo càng thêm đen, thêm huyền bí. Lúc này đây, những hột mắng cầu như bị câu chuyện kể của tía thằng Trọn thôi miên ì ra một chỗ. Những viên thuốc tễ không còn lúc lắc. Người lớn và con nít chăm chú lắng nghe giả thuyết đầu tiên của tía thằng Trọn.

Tía thằng Trọn còn đang ngập ngừng thì chị Năm Tươi hết còn kiên nhẫn, sấn tới hỏi huych toẹt:

— Chuyện cá mập ác chiến với ông gùa (chị Năm Tươi vốn người thất học, không uốn lưỡi phát âm được vần r, thành thử đọc "rùa" trại ra thành "gùa") dưới thủy cung là chuyện tỷ dụ nói theo mấy nhà bác vật ăn hược theo tây tà, tụi tui chỉ muốn biết việc ông gùa tắp vô bãi miệt này có linh ứng điều chi chăng? Điềm lành hay dữ vậy tía thằng Trọn?

Giọng chị Năm Tươi dẻo nhẹo, đồng đảnh như đào hát bội làm mọi người cười rộ. Thầy Thừa cũng không nín được, nhếch mép khì một tiếng. Tía thằng Trọn vẫn điềm nhiên. Ngó kỹ, bộ vó ông y hệt mấy ông thầy thiên thông địa lý hay ít ra cũng tựa tựa như mấy quan văn của triều đình Huế thời trước gởi vô đàng trong xem xét tình hình.

Ông vuốt chòm râu muối tiêu, thơi thả cất tiếng:

—...Còn tỷ như điều tui vừa ước đoán theo khoa học không đúng thì có lẽ chỉ có thể dựa vô thần linh mà cắt nghĩa.

Mọi người cùng "ồ" lên một tiếng. Mấy đứa nhỏ im thin thít. Những hột mắng cầu đứng chựng lại, ngó tía thằng Trọn chăm bẩm.

— Thời xưa, xưa lắm, ở đàng ngoài cổ nhơn ta thuật lại chuyện thần rùa dưng cho vua Lê Thái Tổ khi mới khởi nghĩa thanh kiếm quý nhân một chuyến dạo thuyền trên hồ giữa kinh đô Thăng Long, Hà nội bây giờ. Sau khi khởi nghĩa thành công, lên làm vua, ra chơi lại hồ, thấy có con rùa đón đầu thuyền, vua mới lấy gươm cũ trả lại ông rùa. Từ đó người đời mới đặt tên là hồ Hoàn Kiếm. Hoàn giống như "huờn" ở trong ta, tức là trả lại, đưa lại. Thời nay, không dưng ông rùa đeo nặng chữ "cổ" trên lưng giạt vô đất miền Nam mình thiết nghĩ chắc cũng có ăn nhậu gì tới chuyện xưa tích cũ. Nhưng hồ là hồ, biển là biển. Tui suy nghĩ hoài, giở bản đồ tây ra coi lại, đọc thêm sách địa lý mà cũng không thấy có nói tới chuyện hồ Hoàn Kiếm miệt ngoài ăn thông với biển Trung Hoa. Tui cũng không rành chuyện rùa,chuyện rắn, không hiểu giống rùa ấy quen ở vùng nước ngọt có chịu được nước mặn xứ mình? Mà thôi, bề gì nếu ông rùa sống lâu tới vậy, đã tu luyện mấy ngàn năm rồi thì chắc hẳn không còn đặc tính thông thường nữa. Có nghĩa là ổng đã thành thần, hóa thánh, đục đất tìm đường ra biển để vô Nam, chọn nơi đất lành tìm chỗ dung thân, vì vậy mà mưa bão đã tạnh, ổng cũng không trở lại biển,dùng dằng nán lại chốn quê mình. Còn nếu bà con hỏi tui, đó là điềm lành hay dữ thì tui chịu thua, tui có phải thầy bói toán, thầy bói sờ mu rùa đâu để đoán điều lắc léo. Dù gì đi nữa, bà con trong làng rán chờ thêm một thời gian, coi mùa màng, thời tiết, chuyện tình hình đất bảo hộ suy suyển ra sao, từ đó mà suy ra.

Đám đông coi bộ không bằng lòng với lối suy diễn của tía thằng Trọn. Họ muốn nghe câu trả lời rõ ràng kia, trắng ra trắng, đen ra đen, chớ chuyện thần rùa dưng kiếm trao vua thuở nào xưa lơ xưa lắc tuy nghe hấp dẫn thiệt, nhưng đã thuộc về quá khứ. Còn chuyện hôm nay, tự dưng có ông rùa tổ chảng bò vô nằm miết trong bờ, phải có điềm linh ứng nào chớ. Thắc mắc giữ trong bụng mà chơi chớ không ai mở miệng hỏi, vì ai cũng thầm kính nể tầm

hiểu biết rộng rãi của tía thằng Trọn.

Mọi người thấy câu chuyện đã được trình bày rành rẽ, mới lên tiếng thỉnh ý quan lớn nhờ thầy Thừa vô trình lại, coi nên giải quyết ra sao. Có người đề nghị xây miếu thờ thần rùa để cầu cho mưa thuận gió hòa, tương tợ miếu thờ cá voi những vùng miệt biển. Nhưng dạo đó, nhà nước bảo hộ đang phát động chiến dịch ngăn ngừa hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan nên sau khi thầy Thừa vô thuật lại cho quan lớn nghe, thầy được chỉ định đi cùng với đồng bào ra bãi quan sát thực hư rồi lựa lời trấn an dân chúng.

Thầy Thừa vừa bước ra khoảng sân rộng, đủng đỉnh đi tới đám đông kẻ đứng người ngồi, vẫn còn lao xao bàn tán, bàn chuyện ba xú ba đế, trên trời dưới đất có liên quan tới hiện tượng rùa tấp bãi này, thì từ ngoài cửa có thằng con nít trạc đâu mười tuổi, đầu để ba vá, mình trần, quần xà lỏn xám mốc sỉn hớt hơ hớt hải chạy vô. Nó dừng lại trước đám người đang chau mày ngó lom lom. Nó lắp bắp, vừa nói vừa giơ tay chỉ về hướng biển:

— Con gùa... ý quên,...ông gùa...ông gùa...

Như người táo bón, nó rặn hoài mà vẫn không thốt ra chữ muốn nói. Một người mất kiên nhẫn, la lên:

— Bớ ba hồn chín vía thằng Dõng, nói gì thì nói phứt ra cho rồi!

Vậy mà linh, thằng nhỏ tên Dõng chợt hoàn hồn, kể trót lọt:

— Ông gùa xuống biển mất rồi cô dì chú thím ơi!

Mọi người hoảng hốt, có tiếng ai hỏi như hét:

— Hồi nào?

— Mới đây chớ đâu. Tụi tui còn đang bao vây ông gùa, ngó bộ dáng dị hợm của ổng bò cà rịch cà tang trên cát thì không hiểu tại...bà hú hay sao mờ ổng đổi chiều, bò ngon lành dìa hướng biển. Chậm rì hà. Tụi tui còn cố níu chưn ổng, trèo lên ngồi trên lưng ổng, tưởng đè nặng ổng sẽ hết cục cựa. Vậy mà ổng cứ tiến thẳng một mạch xuống biển... Cản không được mà. Ổng đi gồi, tui mới ba chưn bốn cẳng chạy dìa đây báo cho cô dì chú thím hay...chơi!

Thằng Dõng kể một hơi, xuống giọng ở chữ "chơi" rồi hé môi cười giả lả, khoe hàm răng siết ăn đen xì.

Giờ đây, đã hơn bốn mươi năm rồi, cuộc đời thầy gắn bó với cái tên hương quản Thừa kể từ khi được tấn chức. Cái tên ấy như vết thương chưa lành, nhắc nhở thầy nhớ hoài hủy câu chuyện ông thần rùa dạo nào. Lời tía thằng Trọn cứ bám lấy thầy hoài, cả những khuôn mặt quê mùa chất phác, vui tươi hồn nhiên của chị Năm Tươi, thằng Dõng vẫn còn rõ nét trong tâm tưởng thầy. Cái điềm ông thần rùa trốn bão theo dự đoán của tía thằng Trọn có lẽ đã tới, bắt đầu từ hôm thầy lên máy bay sang đây tị nạn, đoàn tụ với con cái. Ơ, mấy điều tía thằng Trọn nói, ngẫm nghĩ lại vậy mà

phù hợp với hoàn cảnh đất nước quê hương mình. Biết đâu chừng chính cái ông thần rùa ngậm kiếm dưng vua thuở xa xưa nào đã...đào đất từ hồ Hoàn Kiếm ra Thái Bình Dương tìm đường vô nam năm 1954, khi đất nước mình chia đôi. Những năm ngắn ngủi sống trong Nam ví như mấy ngày ông rùa tấp vào bãi cửa sông Hàm Luông để tránh thời tiết xấu, hoặc ví von sâu xa hơn, đó chẳng qua là quãng đời từ năm 1954 tới năm 1975 mà dân miền Nam còn được hưởng không khí tự do. Cuộc chiến tranh tương tàn, khốc liệt đúng là những đường chân vẽ ngoằn ngoèo, ngờ nghệch, ngang dọc chằng chịt của ông rùa trên cát, một điềm linh ứng vô vọng, không lối thoát. Rồi hôm ông rùa lặng lẽ tìm trở ra biển có phải là điềm báo trước viễn ảnh cuộc vượt biên tìm tự do của dân Việt những năm qua?

Trời ơi, những điểm tương đồng sao ăn khớp quá vậy nè. Thầy hương quản Thừa giựt mình, tim đập thình thịch. Tía thằng Trọn không biết có bị bà đồng, ông cốt nào nhập không mà sao nói trúng phong phóc. Thầy hương quản Thừa cảm thấy buồn vui lẫn lộn. Mừng vì tìm được giải đáp tương đối chấp nhận được cho câu chuyện cũ. Buồn vì kiếp sống tha hương ty nạn nơi xứ người không biết tới bao giờ.

Kể từ hôm thầy hương quản Thừa khám phá ra mối tương quan hay ho giữa câu chuyện ông rùa với tình hình chính trị của đất nước, đi tới đâu thầy cũng kể cho bà con cô bác nghe. Dần dà những người quen không còn gọi thầy bằng cái tên cũ nữa, mà là thầy Hương Quản Rùa.

Ngô Nguyên Dũng

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI :

NGƯỜI CĂM THÙ RUỒI

tập truyện ngắn của nhà văn
NGUYỄN XUÂN QUANG
do Người Việt xuất bản
14841 Moran Street
westminster CA 92683 USA
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

Tuấn Huy

Quán tưởng

Như giọt sương đầu núi
Đọng giữa ngàn mây bay
Ta nhìn ta vời vợi
Qua năm tháng hao gầy.

Như hạt cát trên vịnh
Cuốn xô giạt biển chiều
Ta ôm ta khắc khoải
Với định mệnh đìu hiu.

Như sợi hương khói mộng
Lãng đãng phủ hư vô
Ta nâng ta êm ả
Sau rời rã thờ ơ...

An nhiên và tự tại
Như nắng đổi ngôi khuya
Lênh đênh đời vô định
Ta cuồng nộ u mê.

Trong thinh không bát ngát
Ta quán tưởng men đời
Trong dư âm hạnh phúc
Ta lăn lóc ngậm ngùi

Đời sắc không dâu biển
Ta rong ruổi tư duy
Nỗi vô thường ẩn hiện
U tịch tiếng xuân đi...

Ta gục đầu cô quạnh
Nghe buồn lên không gian
Trầm tư trên triền dốc
Ta thèm giấc yêu thương.

Tình xưa loang tiềm thức
Âm vang đoạn kinh hồng
Ruỗi tay hờn quần quại
Thao thức về mênh mông...

Nguyễn Tất Nhiên

Một nụ vô thường

hôn em, một nụ hôn hồng
bỗng nghe trong nắng sớm hong chiều vàng !
hôn em, một nụ hôn liều
bỗng nghe trong dấu yêu nhiều tiếc thương !
hôn em, một nụ chưa từng
bỗng nghe thánh thót tim ngưng nhịp người !
hôn em, một nụ hôn đời
thấy trăm đau khổ đã mời mọc nhau !
hôn em, một nụ hôn đầu
thấy trong thiên cổ ngàn sau cũng ngắn
ấy thôi - một nụ ân cần
ấy thôi - sương khóc trên từng xác hoa...

Như là hôm qua.

Cám ơn em phục hồi chàng
dăm câu thơ nhỏ đôi hàng nhớ nhung
cám ơn sợ sợ mừng mừng
nghe tim nhau đập qua dòng viễn liên
cám ơn thở nhẹ cười hiền
thứ tha hôm ấy lỗi phiền đến nay
cám ơn ai, cám ơn đời
cám ơn đau khổ vun bồi yêu thương
cám ơn ngăn cách nghìn trùng
nói thưa vẫn ấm không gian hai người
cám ơn đời, cám ơn ai
nhắc chàng nghe mắt chim cười vô thanh
cám ơn phản ứng không đành
cám ơn tâm đất trời lành theo em
cám ơn mi động, hờn, hiền
hờ thu chút gió gợn mềm âm ba
cám ơn trong vắt thiệt thà
ơn em này vẫn như là hôm qua.

Ngu Yên

Đề nghị tái lập thời Địa đàng.

Nếu có thể hát / bất cứ chuyện gì
Xin hãy hát / thay vì phải nói
Đời hằng ngày / ca hát thú vị hơn
Nhịp chuyển hoá / khiến tâm tình / sống thật
Nhạc mở ra / nhiều ẩn khúc ngôn từ
Hơn thế nữa / khi con người / càng gần gũi nghệ thuật
Càng hồn nhiên / càng sung sướng / vô tư.

Cứ thử nghĩ / khi giận hờn la hét
Hát một bài / ấm ức sẽ tiêu tan
Khi tình tự / nhỏ to theo điệu nhạc
Lòng yêu thương / tức khắc sẽ đậm đà
Cứ thử nghĩ / mỗi lần đi xin việc
Xuống giọng trầm / bàng bạc nhịp buông lơi
Bị từ chối / khỏi nghe nhiều sáo ngữ
Vì chủ nhân / hát rớm lệ trả lời
Cứ thử nghĩ / khi bất đồng cãi vã
Tiếng xuống lên / phải diễn ý theo bè
Ai có thể / đành lòng nổi nóng
Khi người kia / đang tận lực hát ca
Cứ thử nghĩ / khi lê la nói xấu
Nhạc và lời / theo nghệ thuật thanh cao
Nói xấu mười / hát xong chỉ còn một
Thoả mãn lòng / hiệu quả chẳng ra sao.

Nếu có thể hát
Xin mọi người đừng nói
Cả trần gian / vang tiếng nhạc hoà âm
Như vũ trụ / hoà âm cùng vạn vật
Tự nhiên đời / sẽ không có chiến tranh
không có thù hận
không có hiểu lầm
không cần quân đội
không cần chính trị
Tất cả người / đều là nhạc sĩ
thi sĩ
Cùng hát ca / thời nguyên thủy Địa đàng.

Nguyễn Mạnh Trinh

Ở Tân Thủy, 1980.

hồn tôi chiếc lá mơ hồ
sương trầm luân rủ giấc mơ chưa về
hàng cây bình bát nắng se
bờ nước đục, ý chợt nghe lạnh đầy.

hồn tôi mưa giọt vẫn bay
mênh mang cỏ lác đọa đầy nỗi riêng
đước gầy rũ hạt mưa xiên
rễ trơ mấy nhánh rủa nguyền rựa ai.

hồn tôi lục biếc dặm dài
mái tranh tốc gió lạc loài hoang sơ
nước phèn con cá lặng lờ
liếp thơm bồi lở vẫn vơ thủy cùng.

hồn tôi úa ngọn rau rừng
thẩn thơ ngọn choại đếm từng lá tươi
cũng đành chua chát miệng lời
hạt cơm nào lỡ một đời hung hăng.

hồn tôi địa phủ mấy tầng
xuống con nước cạn tần ngần nỗi đau
kinh Tân Thủy chảy về đâu
run tay tôi tưởng trái sầu em trao.

Nguyễn Hiền Thảo

Giữa trưa, những bông hoa.

Chưa tới mùa hè mà trời đã nóng quá, nóng kinh khủng. Thằng Ngân bị nổi sảy gãi đến đỏ rần người, còn mếu máo đòi về. Má nổi giận la luôn cả ba đứa. Anh Minh sùng lắm. Thằng quỷ, tự nhiên mà làm người ta bị la lây. Không biết nó ăn nhằm cái gì mà khó chịu dữ. Tôi với anh Minh cũng đồng ý dẹp nó qua một bên. Đồ thứ nhỏng nhẻo như con gái, mới nóng có một chút mà đã la bài bải. Bà ngoại nói bây giờ mà nhằm nhò gì. Bọn bây chờ thêm ít tháng nữa rồi coi Nha Trang nó nóng.

Mà nghĩ cũng tội. Lâu lâu tôi làm như vô tình ngó về chỗ nó ngồi bên ngạch cửa thấy nó có vẻ khổ sở thật. Tôi cũng thấy ngứa ngáy khó chịu ghê gớm nhưng cứ phải làm bộ như không có gì. Tôi làm bộ tại vì má nói mặc dù tôi nhỏ hơn anh Minh nhưng tôi giỏi hơn anh nhiều. Má nói thằng Minh chỉ được có tài phá phách giỗn cợt, không cái gì ra cái gì hết. Cũng tại tính anh Minh không bao giờ má nói một lời mà ảnh nghe. Lúc nào cũng đợi cho tới khi má la ảnh mới chịu làm. Giống như bữa hổm con Bi nó đi đâu mất tiêu, má biểu ảnh đi tìm mà năm lần bảy lượt ảnh vẫn không đi, cứ "dà dà" rồi ngồi đó cho tới lúc má xách chổi lông gà ảnh mới chạy. Lần đó ảnh còn làm tôi bị đòn lây. Ảnh đi kiếm gì mà đi luôn tuồn làm má sợ phải sai tôi đi kiếm ảnh. Trời đất. Cái khu này ngó nhỏ nhỏ vậy chớ kiếm ảnh biết kiếm ở đâu cho ra. Nội cái trường học bên kia đường đã không biết bao nhiêu là chỗ ảnh có thể trốn chơi bắn bi với bầy con ông Cai, một mình tôi chưa chắc đi cả ngày đã hết. Đó là chưa nói tới cái chợ ở ngoài góc đường. Tôi đi lòng vòng từ trưa cho tới chiều mồ hôi mồ kê đổ ướt hết áo vẫn không tìm ra, vậy mà mới mò về thì đã gặp ảnh cũng đi vô. Má tưởng tôi ham đi chơi với anh Minh nên về trễ mới đè hai đứa ra đánh một trận. Lớn đầu rồi chớ nhỏ nhít gì. Đi đâu cũng phải nhớ mà về chớ ai biết đi đâu đâu mà tìm. Má đánh mỗi đứa mấy roi rồi má cũng ngồi khóc

làm thằng Ngân sợ quá cũng mếu máo theo. Anh Minh nói tự nhiên biểu đi kiếm con Bi rồi lại về ăn đòn nữa. Còn em thì sao? Anh đi đâu thì đi tự nhiên mà vác xác về cùng lúc với người ta làm người ta bị đòn lây. Anh Minh sừng sộ:

"Mày đi đâu thì mặc kệ mày. Ai biết lúc nào mày về mà tránh. Bộ mày tưởng tao đi kiếm con Bi sướng lắm hả?"

"Cũng còn sướng hơn tui đi kiếm anh,"

"Thôi cho tao can tụi bây. Chỉ có con chó không mà cả nhà làm như có ai chết không bằng..."

Ông ngoại vừa nói bị bà ngoại cắt ngang: "Ông ơi, miệng ăn mắm ăn muối đừng có nói tầm bậy." Rồi bà ngoại chắc lưỡi. "Chậc, chó mà, nó đi rong chút nữa về bây giờ".

Chút nữa gì mà hai ba ngày, con Bi vẫn biệt tích. Con Bông thì cứ nhong nhóng ở cửa chực chạy ra ngoài đường. Bà ngoại đề nghị tốt hơn hết là nhốt con Bông ra đằng sau chờ coi thử ra sao.

"Ra sao nữa. Chắc giờ này con Bi đã bị làm thịt rồi chớ còn đâu nữa mà thử." Chị Tánh tuyên bố. "Thời buổi này mà... ông trời ổng đui rồi."

Chị Tánh là con nuôi của ông bà ngoại. Anh Tánh hồi xưa là lính lái xe Jeep nhà binh chở ba rồi chở luôn anh Minh với tôi đi học. Hôm sắp dọn nhà về Nha Trang, chị Tánh năn nỉ má cho chị đi theo. Tôi nằm trong phòng đang ngủ không được còn nghe chị khóc lóc. "Cô làm ơn làm phước mà cô. Chồng con bị bắt rồi. Còn con bụng mang dạ chửa, biết làm gì mà sống bây giờ... Cô thương con cho con đi theo ra ngoải sống với ông bà cho con chờ chồng con... Thương giùm con đi cô ơi..." Giọng chị lắp bắp đứt quãng như vừa chạy đi đâu về. Giọng má thì nhỏ xíu nên tôi nghe không rõ, chỉ biết má cũng khụt khịt mũi như chị Tánh. Rồi chị lại tiếp tục: "Con lạy cô trăm lạy, cô cho con ở với ông bà con không lấy đồng xu cắc bạc nào hết trơn hết trọi. Cô chỉ cho con chỗ ăn chỗ ở thôi... Con lạy cô ngàn lạy... Dạ, con xin thề với trời đất..." Giọng chị bị đứt ngang trong tiếng nấc nghe như bị ai bịt miệng. Sau đó chỉ có tiếng thút thít vẫn vang lên chập chập cho đến khi tôi ngủ thiếp đi lúc nào cũng không hay.

Hồi chị Tánh mới về đây, ngày nào chị cũng bị ông ngoại la: "Trước mặt bọn nhỏ mày đừng có thề bậy thề bạ. Nhứt là đừng đem trời đất ra mà thề, mang tội chết nghe chưa." Nhưng nói gì thì nói, chị cứ vẫn mở miệng câu trước câu sau đã réo ông trời mà thề. Riết rồi ông ngoại cũng mệt hết nói luôn. Bây giờ thì chị không còn như vậy nữa, mà chỉ hay tuyên bố: "Ông trời ổng đui rồi mà." Ông trời ổng đui? Thằng Ngân thắc mắc hỏi: "Ông trời ổng đui mất rồi làm sao ổng thấy đường hả chị?"

"Thấy chi nữa hả em? Ổng thấy thì ổng đâu có bắt chồng chị đi mất tiêu mất tích vậy? Còn tụi em nữa..."

Gặp má, má lật đật bịt miệng chị lại. Tui lạy chị mà. Chị cứ nói cái kiểu đó bọn nhỏ nó in trí lỡ có chuyện gì sanh nguy hiểm cho cả nhà nữa."

"Con xin lỗi cô..." Chị Tánh mặt mày buồn xo. "Mà cô nghĩ coi... Chồng con ăn ở hiền lành can chi mà họ bắt đi biệt tăm biệt tích hả cô?"

"Trời, tui lạy chị mà. Chị nói vậy có ích lợi gì đâu?"

Má nói vậy rồi má lại bắt đầu thút thít. Anh Minh sợ thằng Ngân khóc theo nên lật đật dắt nó lên nhà trên. Tôi đứng nán lại một chút rồi cũng bỏ đi. Mỗi lần má khóc tôi cứ thấy làm sao... nó khó chịu ghê gớm. Tôi nhớ má nói má ghét khóc lắm. Nhất là con trai. Con trai không khóc. Người lớn cũng không khóc. Má muốn cho tôi làm con trai, làm người lớn, nên tôi cố không khóc tại vì tôi thương má và tôi muốn nghe lời má cho má vui. Hồi còn trên Đà Lạt má thường hay hỏi: "Con có thương má không?" để tôi được dịp nhỏng nhẻo với má. Bây giờ thì hết rồi. Thỉnh thoảng tôi cũng muốn nhỏng nhẻo với má nhưng tôi biết má không thích nữa. Không phải má không thương tôi nữa nhưng má nói má muốn tụi con phải tập cho ra người lớn. Lỡ như má có chuyện gì thì phải có ai lo cho ông bà ngoại, cho thằng Ngân, cho con Bông con Bi nữa chớ.

Bây giờ thì mất con Bi rồi. Ông ngoại ngó bộ cũng sợ con chó còn lại bỏ đi luôn nên buổi trưa hôm sau, vừa ăn cơm xong, ông tuyên bố: "Mình phải thiến con Bông."

"Ba cứ nói." Má cằn nhằn. Thời buổi bây giờ ai cũng để dành tiền mua gạo mua mắm chớ dư đâu mà dắt chó với mèo đi bác sĩ."

"Úi chà, khó gì. Bọn bây cứ để yên đó cho tao."

Ông ngoại tuyên bố chắc nịch. Bà ngoại nãy giờ ngồi quạt phành phạch trên phản bỗng dừng tay lên tiếng.

Ờ, để yên đó cho ông. Ông mà đòi thiến thì chó sống cũng thành chó chết."

"Bà cứ nói chuyện tào lao không hà."

"Tào lao cái chỗ nào? Chớ bộ ông không nhớ hồi ông thiến gà hay sao? Tự nhiên mà đè cổ con người ta ra mổ tới mổ lui cho bắt chết đi."

"Ông ngoại thiến gà làm sao hở bà ngoại?" Anh Minh đang cởi trần nằm lăn dưới sàn xi-măng nhỏm dậy hỏi tới.

"Ờ, thì nhà hồi đó nuôi mấy con gà. Có con gà trống cứ bảnh mắt ra là gáy ỏm tỏi làm ông ngoại tụi bây bực mình. Sẵn nghe đâu người ta nói gà thiến thì hết gáy ổng mới đè cổ con gà ra ổng thiến."

Tôi thắc mắc:

"Mà thiến là làm sao hở bà ngoại?"

"Bây hỏi ông ngoại bây đó. Nghề của ổng mà..."

Nói xong bà ngoại nhìn má cười hắc hắc. Tôi quay lại phía

ông ngoại. Ông đưa tay gãi gãi sau cổ ngập ngừng trả lời:

"Ờ... Thì thiến là... làm cho con gà trống hết là... gà trống đó mà."

Thằng Ngân níu áo ông ngoại hấp tấp hỏi:

"Ông ngoại làm con gà hết thành con gà hả ông ngoại? Làm được hả ông ngoại? Thành con gì hả ông ngoại?"

Anh Minh nhăn mặt.

"Nói bậy mày, làm sao mà con gà hết thành con gà được. Ông ngoại chỉ làm cho nó hết gáy buổi sáng thôi, biết chưa?"

"Mà ông ngoại làm sao hở bà ngoại?" Tôi lại lặp câu hỏi của anh Minh hồi nãy.

"Ờ... Thì ông ngoại cắt... hòn dái nó đi chớ gì đâu."

Giọng ông ngoại chưa ngừng thì bà ngoại đã chen vô:

"Thiên địa quỷ thần ơi. Ông mà cắt hòn dái nó đi cũng đỡ. Đàng này miệng thì cứ bô bô cái gì mà hòn dái phải có đôi có cặp, rồi cái gì mà nhỏ nhỏ cỡ trái tim... Nói thì hay lắm. Ai dè đâu, dái thì không thiến, nhè trái tim con gà mà thiến thì thôi chớ biểu nó sống làm sao được."

Ông ngoại chống chế:

"Bà cứ nói... Tại hồi đó tôi có thiến gà hồi nào đâu mà biết. Với lại bà cứ một bên tai mà la om xòm xòm thì ai mà không lo ra. Hễ vừa kéo cái gì ra là bà đã la lên: "Hổng phải đâu ông ơi, cái mề đó, cái bao tử đó, cái diều đó. Hỏi vậy mà ai không cắt lộn."

"Ông thì lúc nào cũng giỏi đổ thừa. Ờ, tại tôi hết đó. Ở nhà này cái chuyện gì ông cũng cho là tại tui. Con gái bị chồng bỏ, bầy nhỏ mất cha. Tui hỏi ông nghen, ai trong nhà này hồi giờ vẫn ăn ở thất nhơn thất đức? Nội cái tội sát sanh của ông không thôi cũng đủ cho thiên hạ thấy cái đức của ông rồi."

Nhưng nói gì thì nói, ông ngoại vẫn quyết định thiến con Bông. Con chó bị cột cổ ngồi ở bên hiên ngay chỗ cả nhà ăn cơm. Hai ba ngày liền, ông ngoại chỉ cho nó toàn cơm trắng chan nước canh mặn. Nó có vẻ nuốt không muốn trôi. Mỗi bữa cơm, nó ngồi giương hai con mắt nghệch ngạc nhìn hết người này qua người khác. Mấy lần thấy tội mẹ định cho thêm chút thịt cá vô dĩa cơm là bị ông ngoại gạt phắt đi liền. Ông cấm không ai được phép cho con Bông ăn cái gì hết. Xương còn dư cứ đem cất để dành. Con Bông chỉ được ăn phần cơm trắng. Anh Minh mới hỏi ông ngoại:

"Bộ ông ngoại định cho con Bông ăn chay hãm mình trước khi đem đi tế lễ hở?"

Ông ngoại trợn mắt.

"Ăn nói bậy bạ mày. Tao làm đúng theo phương pháp khoa học đó chớ. Rồi bây coi, mai mốt tao như chút thịt là nó chúi mũi vô ăn. Lúc đó tao mới rảnh tay thiến nó được chớ."

Anh Minh nhíu mày suy nghĩ.

"Bộ ông ngoại định mổ nó trong lúc nó đang ăn cơm hay sao?"

"Cứ từ từ thủng thẳng rồi bây coi."

Tôi quay lại nhìn con chó đang ngồi dưới gầm bàn. Hai con mắt lờ đờ như đang cầu cứu tôi một chuyện gì. Tội nghiệp nó quá. Hồi mới nuôi nó còn nhỏ xíu, nó với con Bi. Cả hai con chó lông trắng lỗ chỗ đen như bị ai lấy mực phết hoa phết lá lên người. Mới đó mà đã hơn cả năm trời. Bây giờ thì con Bi đã bị bắt mất, chỉ còn độc mỗi mình con Bông. Chắc nó buồn dữ lắm. Tôi đoán vậy vì ngó thấy má cũng có vẻ buồn buồn, mặc dù má không nói ra. Tôi để ý dạo này má hay khóc mấy cái chuyện gì đâu đâu không. Chẳng hạn bữa hôm nghe phong thanh đâu anh Tánh sắp được thả về, tự nhiên má bật khóc làm chị Tánh đang mừng đâm ra lính quính. "Cô đừng khóc nữa. Cậu chắc không sao đâu." Chị Tánh nói vậy lại làm cho má khóc to lên. "Cậu không sao đâu mà. Cô nghĩ coi, dù sao vậy cũng còn đỡ hơn ở là đây. Ở đây thì sống chỗ nào cũng như sống trong tù vậy thôi. Chồng con được thả rồi con cũng chả biết làm gì để sống nữa." Chị nói đến đó thì cũng mủi lòng bật khóc hu hu.

Tuy vậy tôi thấy chị cũng có vẻ vui hơn lên. Chị đã bớt trù ẻo ông trời đui mắt và chị hay xoa xoa cái bụng càng ngày càng lớn của chị.

"Thằng Tánh con ở trỏng đó em." Chị lấy tay chỉ vô bụng rồi cười nói với tôi như vậy.

— Bộ chị biết nó là con trai hả chị?"

Chị Tánh trợn mắt.

"Đâu có em." Rồi chị thở dài. "Mà chị cũng không biết nữa. Có con trai để nối giòng anh Tánh... Mà cũng khổ lắm em ơi. Như bọn em vậy... Ít lâu nữa cũng phải đi em à, chớ ở đây làm sao mà sống nổi."

Tôi nhăn mặt.

"Chị nói đi là đi đâu?"

"Ở, thì đi như ba em vậy đó."

Tôi lắc đầu ngoày ngoạy.

"Ai đi thì đi chớ em không đi đâu. Em đâu có bỏ má với anh Minh với thằng Ngân được."

Chị Tánh kéo tôi vô lòng.

"Anh Minh lớn rồi, trước sau gì anh cũng phải đi. Em còn nhỏ cũng chưa sao. Mà em giỏi quá. Đúng rồi, em còn phải ở với mẹ, với em Ngân, với con Bông nữa phải không?"

Dà, với con bông nữa, thiệt tội nghiệp nó quá. Mấy hôm nay thấy nó vẫn khổ sở nhai nuốt phần cơm một cách miễn cưỡng làm tôi cũng hết muốn ăn. Ngày nào dĩa cũng còn cơm cho tới tối khuya. Chắc lúc nào đói bụng quá nó mới mò mẩm ăn hết. Và đúng như lời tiên đoán. Hôm ông ngoại cho chút thịt vô dĩa cơm,

nó đỉnh đuôi, chúi mỏ vô dĩa táp lấy táp để quên phứt hết mọi chuyện xung quanh. Trong lúc đó, ông ngoại đã sẵn sàng một sợi dây thung quấn lại năm bảy vòng quanh mấy ngón tay, đang từ từ để vô hai hòn dái lòng thòng. Lúc ông ngoại vừa thả tay ra, con vật đáng thương kêu "ẳng" một tiếng thiệt to, văng tung tóe miếng cơm trong mõm chưa kịp nuốt. Cả thân hình to lớn như giương phồng lên ngó bắt sợ. Tôi hoảng hồn leo đại lên bàn ăn. Thằng Ngân theo sau lưng tôi, luống cuống làm sao té xuống đất làm tôi phải leo xuống đỡ nó dậy. Nó quíu quá vừa khóc vừa... đái xón trong quần. Hai tay nó níu tôi chặt cứng làm tôi cũng muốn quỳ theo nó luôn. Tuy vậy tôi không bực chút nào; tôi cũng đang run lập cập. Sao yên lặng dữ vậy kìa? Tôi dòm quanh quất. Trong góc tường, dĩa cơm bị đạp đổ nằm chỏng gọng. Sợi dây cột cổ đã bị đứt phăng, rớt lòng thòng ở một bên cột. Còn con Bông thì đã mất hút từ lúc nào.

Suốt cả ngày hôm đó, con chó trốn đâu mất tiêu trong xóm chả thấy tăm hơi. Bà ngoại lại được dịp nói ông ngoại.

"Không chết trước thì cũng chết sau mà... Kỳ này con Bông không bị làm độc mà chết thì cũng bị người ta bắt làm thịt chớ chạy đi đâu cho khỏi."

"Thôi má à." Má sợ ông ngoại buồn lật đật dỗ bà ngoại. "Cũng số phần hết mà. Mình chỉ cố sao cho hết sức thôi."

Chị Tánh đang ngồi chồm hổm rửa chén bên giếng cũng lên tiếng, giọng có vẻ phân trần:

"Cô cứ nói. Số phần sao cô? Sao con thấy mình làm gì thì làm, cái số xấu nó cũng vẫn là phần của mình cô à."

"Chị cứ nói vậy. Người xưa hay nói ở hiền gặp lành đó kìa."

"Cô nói vậy không lẽ hồi nào tới giờ con ăn ở thất đức lắm sao?"

Thấy má ngập ngừng, ông ngoại nãy giờ đang im vì chuyện con Bông mới xen vô:

"Tánh à, Trời Phật đang thử lòng mình đó, con biết không?"

"Trời Phật. Ông ơi, nếu Trời Phật cứ thử lòng con từ hồi nào tới giờ, từ đời má con đến đời con mà vẫn chưa xong thì biết lúc nào mới xong hả ông?"

"Thì... đó là chuyện bí mật của trời mà, mình đâu được phép thắc mắc như vậy."

"Ông nói vậy thì con xin chịu. Cái gì cũng là chuyện bí mật. Chỉ có cái mình nghèo, cái mình khổ là nó cứ thù lù ra đó không biết giấu đâu cho hết."

Chị Tánh vừa nói vừa cúi gằm mặt xuống đất. Ngó chị như đang bị cái bụng nặng quá kéo xuống vậy. Hôm đó là lần cuối cùng tôi thấy chị. Sáng sớm hôm sau chị trở lên Đà Lạt vì có tin anh Tánh đã được thả và từ đó tôi không bao giờ nghe nói về chị nữa.

Câu chuyện của chị làm tôi suy nghĩ nhiều, và tôi hơi sợ. Trong hơi nóng buổi trưa hôm sau, tôi trốn trong phòng ngủ, một mình quỳ cầu nguyện xin Chúa ban phước lành cho tất cả mọi người trong gia đình, rồi gia đình chị Tánh, và sau cùng là cho con Bông mò về nhà. Xong xuôi thì tôi lại đâm sợ hơn nữa. Lỡ may con Bông không về nữa thì sao?

May quá, chiều hôm đó, con chó lại mò về nằm ở ngoài cửa. Má đang ngồi lặt rau lật đật bỏ đi xới dĩa cơm cho nó. Chắc là nó đã đói lắm. Má mới để dĩa cơm xuống đất nó đã đánh hơi mò lại. Nhưng rồi như sực nhớ ra chuyện gì, cả người nó tự nhiên run bắn lên, bốn cẳng chùn lại, mắt ngó láo liên xung quanh. Nó còn rên hừ hừ trong cổ họng rồi len lét cúp đuôi chui lọt xuống dưới gầm phản gỗ. Thấy tôi đang đứng xớ rớ, má chỉ tay.

"Tấn, đem cơm lại đút vô trỏng cho nó ăn đi. Tội nghiệp..."

Tôi nhìn má rồi lại nhìn con chó. Hai con mắt nó đỏ ngầu cứ nhìn chằm chập dĩa cơm làm tôi cũng run. tôi ngại ngùng cầu cứu anh Minh:

"Hay là mình đem cơm lại cho nó đi anh Minh."

Không biết vì cũng đang tò mò muốn coi tình trạng của con Bông tới đâu rồi hay là vì thương hại tôi mà anh Minh bằng lòng.

Tối hôm đó, ba anh em nằm chung một giường, tôi hỏi anh:

"Sao cái đó của nó sưng vù lên đỏ lòm ngó ghê quá."

"Ừ."

"Chắc nó đau lắm anh hả?"

Anh Minh không trả lời mà chỉ hỏi ngược lại tôi:

"Vậy chớ ai bóp cổ mày, mày có đau không?"

Thằng Ngân nãy giờ nằm im cũng phát biểu:

"Ông ngoại ác quá anh hả."

"Chỉ tổ nói bậy. Thôi ngủ đi."

Tôi ngạc nhiên khi nghe giọng nói của anh Minh nghiêm trang dễ sợ, không giống giọng anh thường ngày chút nào. Tôi nằm yên lặng một lúc nhưng không thể ngủ được. Tôi cố gắng không nghĩ tới chuyện chị Tánh nói về anh Minh thành người lớn, rồi tôi nữa, mà cũng không được. Đầu óc cứ lan man như được đà, không có gì có thể kìm hãm lại được nữa. Tôi phải mở lớn mắt cố làm bộ nhìn kỹ một cái gì trên đỉnh mùng, bất cứ cái gì. Cuối cùng tôi mới thấy một vệt ánh sáng lờ mờ gần như sắp tan mất trong bóng tối.

"Anh Tấn, tại sao mình phải thiến con Bông vậy?"

Thằng Ngân chợt hỏi. tôi trả lời cộc lốc:

"Để nó khỏi đi nữa."

Không phải... Tôi cũng không biết nữa. Tại sao mình phải thiến con Bông há ? Thằng Ngân dường như không thắc mắc gì về câu trả lời của tôi, nó chỉ hỏi tiếp:

"Vậy sao mình không thiến con Bi đi, để cho nó đi mất đi?"

Thấy tôi im lặng làm thinh, anh Minh phải giải thích giùm: "Tại con Bi là con cái."

"Bộ thiến con cái không được sao? Sao con đực thiến được mà con cái thiến không được?"

"Mày hay hỏi chuyện tầm bậy tầm bạ không hà."

Tôi nằm cố giương mắt theo dõi mới khám phá ra vệt ánh sáng đó từ ngoài đường dọi vô chạy dọc theo đỉnh mùng rồi mất hút trong một góc tối thui. Ánh sáng lờ mờ như đang chết đuối.

"Nhưng mà sao em thấy tội nghiệp con Bông quá à." Thằng Ngân dằng dai không chịu yên. "Mình không thiến nó không được sao? Bộ không thiến là nó bỏ đi liền hay sao?"

"Không phải. Không thiến thì không chắc gì nó đã bỏ đi, nhưng thiến rồi thì chắc nó không đi nữa."

"Vậy sao ông ngoại không thiến ba đi, để ba đi với mấy cái ông gì thấy ghê thấy mồ."

"Mày chỉ được có cái miệng là tổ nói bậy. Đời nào người ta lại thiến người bao giờ. Thiến là thiến chó thiến heo thôi, biết chưa? Với lại ba đi là đi trốn để khỏi bị bắt đi cải tạo chớ có ai đâu muốn đi? Thôi ngủ đi, khuya rồi, không nói nữa."

"Ba đi để khỏi bị bắt thì má buồn. Còn con Bông bị thiến để khỏi đi mà sao má cũng buồn?"

"Ai biết." Giọng anh Minh bực bội. "Mai sáng mày hỏi bả đó. Mà má dặn không được nói chuyện ba nữa bộ mày không nhớ hay sao?"

Thằng Ngân nín khe. Không muốn nghe cãi cọ nữa, tôi làm bộ trở mình như đang mơ màng sắp thiếp đi, mặc dù đầu óc tôi vẫn còn tỉnh táo. Tôi hí hí mắt nhìn quãng ánh sáng lung linh trên đỉnh mùng, mờ mờ, như vẫn còn đang chống cự lại cả cái bóng tối mênh mông, mịt mùng.

Một tháng sau, khi chỗ da đã teo khô lại — đúng như lời ông ngoại tiên đoán: Chó liền da, gà liền xương — ông ngoại thi hành giai đoạn cuối cùng. Lần này, ông ngồi ôm con Bông để cho anh Minh làm "bác sĩ". Hình như con Bông đã quên mất chính bàn tay ông ngoại đã gây cho nó không biết bao nhiêu đau đớn. Khi anh Minh nhấp kéo, nó chỉ rên nho nhỏ và cạp nhẹ nhẹ bàn tay của ông ngoại làm như đang cố gắng trấn át cơn đau nhưng vẫn sợ làm thương tổn đến người ơn.

Và đúng như lời tiên đoán, con bông chẳng hề còn ý muốn chạy rong ngoài đường nữa. Nó cứ ở trong nhà suốt đêm. Nằm ngay ngưỡng cửa, nó nghếch mỏ lên hai chân trước, đưa cặp mắt lờ đờ nhìn ra ngoài ngõ như đang chăm chú theo dõi cái gì, mà cũng vừa như không còn màng gì chuyện thiên hạ nữa. Má cũng vậy, mỗi trưa, trong cái nóng mịt mùng, má lại ngồi bên cửa nhìn

đăm đăm vô ngõ đi vô chợ như đang đợi ai đi đâu về. Một người, một vật, hai thế giới riêng biệt, nhưng chắc cùng mang một tâm trạng của một phần thân thể mình đã bị tách lìa nơi đâu.

NGUYỄN HIỀN THẢO

BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF OBSTETRICS & GYNECOLOGY
F . A . C . O . G

* *Fellow of American College of Obstetrics and Gynecology*
* *Văn bằng chuyên môn sản phụ khoa Hoa Kỳ*
* *Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu đại học sản phụ khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và USC Women Hospital , Los Angeles.*
* *Bác sĩ chuyên môn sản phụ khoa hành nghề tư đầu tiên tại California.*
* *Giảng huấn viên tại UCI Medical Center, Khu sản phụ khoa.*

Với sự cộng tác đặc biệt của nữ bác sĩ :
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
Diplomate American Board of Family Practice
Tốt nghiệp chuyên môn Y khoa Gia đình tại UCI

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

Thăm thai và đỡ đẻ. Bệnh đàn bà. Huyết trắng. Kế hoạch hoá gia đình : Cột hoặc đốt ống dẫn trứng. Kinh nguyệt bất thường. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn. Giải phẫu bệnh phụ nữ. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Truy tầm và chữa trị ung thư cổ tử cung...

Phòng mạch tại :
14536 Brookhurst Street, Phòng 101
(Góc Brookhurst và Hazard)
Westminster, CA 92683

ĐIỆN THOẠI : (714) 531 5505

Giờ khám bệnh : Thứ hai đến thứ sáu : 10.00 đến 6.00
Thứ bảy : 9.30 đến 2.00 PM
Nghỉ thứ tư và Chủ nhật . Xin vui lòng lấy hẹn

Tạ Chí Đại Trường

Vấn đề loạn luân của họ Trần và một hướng giải thích.

(tiếp theo bài đã đăng trên Văn Học số 16)

Trong liên hệ tình dục và những cách thức tạo lập gia đình qua hôn phối, các tập đoàn người thường đề ra những hạn chế co dãn thực hiện giữa những người có chung huyết thống mà sự vi phạm được từ ngữ xã hội học gọi là *inceste*, còn chữ ta thường dùng là *loạn luân*. Mang nội dung xã hội, nên inceste còn tùy thuộc vào quy định trong xã hội ấy về sự thân thuộc nữa, và do đó loạn luân có đặt thêm mối liên hệ gia đình sau hôn nhân bị bắt buộc phải tuân theo. Ở phạm vi rộng hay hẹp gì, tính cách hôn phối của họ Trần đối với xã hội Việt Nam thấm nhuần nho giáo -- và vào thời xa xưa, đối với nho sĩ, vẫn bị coi là loạn luân.

Họ Trần, theo những giải thích thông thường, không những ý thức được vị thế độc tôn của mình trong xã hội Đại Việt đương thời, lại còn muốn củng cố vị thế đó về lâu về dài, nên đã thực hiện những cuộc phối hợp nội hôn, không thấy ở nơi họ xuất phát -- Trung Quốc, cũng chẳng từng thực hiện ở các triều vua Đại Việt trước và sau họ. Nhưng một sinh hoạt đột khởi, riêng biệt như thế -- ít ra là từ những chứng cớ được ghi chép, tuy phát xuất từ một lí do chính đáng giải thích được theo ý hướng tự kỉ nhưng thực ra cũng không thể tách rời hẳn khung cảnh xã hội mà họ sinh sống, trong đó có những tập đoàn họ phải chung đụng, thuộc về một thời

đại nhất định. Khung cảnh đó, trong đổi thay, tiến triển sẽ đem lại những uốn nắn , điều chỉnh để xóa nhòa sự riêng biệt đó. Từ trong phổ hệ lập nên, qua các sự kiện chính sử để lại, ta sẽ đánh tan những thiên kiến của người sau, thuộc một ý thức hệ khác, để thấy được *lí do bình thường* – cả trong những sự kiện được coi là đột biến, của chế độ nội hôn trong dòng họ Trần.

1. Biến động đầu tiên lúc nào cũng dễ gây nên kinh ngạc bàng hoàng đến nỗi sử thần phải dùng cả chữ 'thói chó lợn' /7/ : Trần thị, vợ Lí Huệ Tông, sau khi ông này bị giết, được gả về cho Trần Thủ Độ, chú họ Trần Cảnh, người nắm thực quyền đương thời. Các tên Trần Lí, Trần Tự Khánh, Trần Thừa một bên, Trần An Quốc, Trần Thủ Độ một bên đều xuất hiện đồng thời trong biến động khiến ta nghĩ rằng họ cùng ngang hàng nhau ở một đời. Huệ hậu với Thủ Độ có lẽ là anh em chú bác ruột. Tại sao sự việc này xảy ra?

Ta không phủ nhận vai trò quyết định của Thủ Độ trong việc này. Họ Trần ngay từ đầu mà ta biết được cũng có dấu vết ngoại hôn bình thường: Tô Trung Từ (Tự — theo Hồ Nguyên Trừng) em vợ Trần Lí là một chứng cớ, mẹ Trần Cảnh họ Lê là một chứng cớ khác. Khi Lí Huệ Tông chết đi, Huệ hậu trở lại là con gái họ Trần, vẫn còn danh vị bà mẹ vợ vua. Sự ràng buộc riêng, chung ấy không làm hại triều mới mà còn có ý nghĩa củng cố nó thêm. Việc lấy cơ nghiệp họ Lí đã có Trần Cảnh thực hiện rồi. Thanh toán vợ vua triều cũ bằng cách cột chặt vào một ông chồng mới là điều có thì càng tốt, không thì chẳng sao. Thế mà trong tính toán của Trần Thủ Độ rõ ràng có một ý định không muốn để một sơ hở nào hết trong việc thanh toán triều cũ. Trần Thủ Độ đã hành động theo ý thức tự kiêu của mình. Sử ghi lại tên nhiều người khác của họ Trần, nhưng lúc này chỉ còn Trần Thừa là anh ruột Huệ hậu và Trần Thủ Độ đang quyết liệt trong mưu tính giành ngôi họ Lí : cháu lấy con thì chú lấy mẹ.

Có điều sự việc không gây khích động ngay cả ở những người đương cuộc như những lời phê phán về sau có thể gợi ý. Trong cuộc sống tiếp nối, mọi xử sự của Thiên Cực công chúa/ Linh Từ quốc mẫu – cựu Huệ hậu, đều diễn tiến hết sức bình thường: một bà vợ cậy thế chồng, một bậc trưởng thượng mà uy tín không mang tì vết /30, 33-34/. Cái tội 'thất tiết' nói về mình, cái tội 'thông dâm với hoàng hậu' nói về chồng chỉ là phê phán của nho sĩ về sau, không làm ngượng ngùng cựu hoàng hậu.

Việc Trần thị cung phục cho họ Trần hợp với sinh hoạt đoàn kết trong họ mà sử quan không ngớt lời khen /23, 37/. Điều này không thể chỉ mới xuất hiện khi dòng họ có người làm vua mà phải là thói quen có từ trước.

Tất nhiên không thể tìm được chứng cớ về cuộc sống gia đình họ trong lúc tộc Trần còn ở vào tình trạng mờ mịt của một nhóm dân thường hay một lãnh tụ địa phương. Nhưng cứ lấy những chứng cớ ngay từ lúc họ bắt đầu xuất hiện trên chính trường, làm chủ đất nước, thời đại bản lề mà thói tục mới chưa xóa dấu vết cũ sẽ giúp ta suy đoán về tính chất riêng biệt của tộc Trần với những cách ứng xử có vẻ kì quặc của họ.

Đã nói, yêu cầu đổi thay triều đại khiến cho trường hợp cuộc hôn nhân Trần Thủ Độ — Huệ hậu có vẻ như một trường hợp tuy hợp lí mà bất thường. Gần gần như thế là các cuộc hôn nhân Trần Liễu — Lí Thuận Thiên, Trần Cảnh — Lí Chiêu Hoàng, cả hai cặp đều là anh em cô cậu ruột. Đó là do yêu cầu chính trị (như trường hợp Trịnh — Nguyễn sau này) mà cũng có thể là do phong tục từ Trung Quốc đưa sang: Trần Toại, con rể Thái Tông là cháu kêu ông bằng cậu /ANCL.,236/. Nhưng chuyện Trần Toại như thế lại cho ta biết một điều khác: Thái Tông Trần Cảnh có cô em (hay chị) đã gả cho một người họ Trần. Lại thêm việc dự tính thông gia giữa Thái Tông và Nhân Đạo vương có phần chắc là anh em ruột với nhau (xem sau). Anh em chú bác ruột lấy nhau là điều cấm kị của kiểu mẫu gia đình phụ hệ. *Các vụ lấy nhau ấy khuất lấp đối với lịch sử làm nổi bật tính chất bình thường của chúng lên* như một tục lệ không có gì đáng phải lưu tâm lắm.

Sự gắn bó trong gia tộc có lẽ là một phần do nguồn gốc di cư của họ (mới đến đất Việt khoảng hơn một thế kỉ), khiến họ ở vào thế cô lập, cách biệt tuy không tránh khỏi được một số tác động của chung quanh. Mặt khác, sinh hoạt sông nước lại làm nới rộng một số khuôn khổ đạo đức bình thường, một số nguyên tắc hành xử không kìm hãm được dù khi sau này họ phải tuân theo để tương xứng với địa vị của họ. Khi họ đã có người làm vua mà con trai vua còn lấy việc đánh nhau tay không với dân giả, lấy việc ăn cướp một mình làm dũng cảm: đó là trường hợp Vũ Thành Vương Trần Duy, con Trần Thái Tông năm 1254/24/

Lê Tắc /ANCL.,240/ cho biết công chúa Thụy Tư (chị Trần Cảnh) có chồng là nho sĩ, bị chồng bắt theo lễ nên 'vợ chồng bất hòa' và người chồng lép về đành bỏ đi làm đạo sĩ (một cách bỏ nhà!). Trần Liễu hiếp cung phi nhà Lí vào mùa nước lụt, ngay lúc ban ngày (1236) /13/, bị tố cáo, bị giáng chức, thế mà nơi xảy ra sự việc lại được đổi là cung *Thưởng Xuân*, cái tên mang ý nghĩa mỉa mai đối với kẻ bại trận nhưng lại lộ vẻ bao che, từ sự thích thú trong sinh hoạt *thành nếp* của kẻ đương quyền. Địa vị tột bực của dòng họ khiến các nhân vật trên ha hồ buông thả trong hành động, tuy nhiên họ cũng đã không ghìm được trong sự đối xử với ngay trong nhà.

BẢNG IX
DẤU VẾT NỘI HÔN TRONG THẾ HỆ THỨ HAI CỦA NHÀ TRẦN

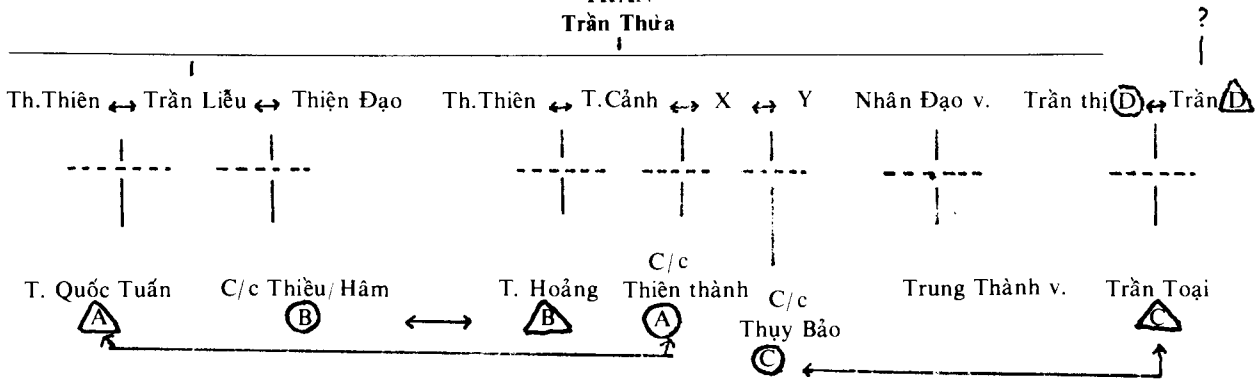

Ghi chú:

↔ *Liên hệ vợ chồng*

△ *trai*

○ *gái*

Vị thứ của Nhân Đạo vương, Trần thị (D) chỉ là giả định, X, Y là 2 người riêng biệt cũng là giả định

Phóng túng trong một phạm vi sinh hoạt xã hội chật hẹp tất đã là đầu mối của sự phóng túng tình dục bên trong dòng họ. Như đã nói ở trên, những sự kiện đã xảy ra, được ghi nhận, dù mãi về sau, khi họ Trần đã nắm quyền chủ tể, phải chịu những ràng buộc khác vì những nguyên cớ cấp thời khác, nhưng tất cả đều biểu lộ một mầm mống, một di chứng của sự phóng túng ấy vốn là đặc điểm của dòng họ. Trần Quốc Tuấn liều lĩnh cướp gái đã hứa hôn; công chúa Thiên Thụy đã được gả cho Trần (Quốc) Nghiễn -- con trai Trần Quốc Tuấn và cũng là danh tướng, thế mà vẫn thông dâm với Trần Khánh Dư; vợ Phế Đế, quên mất vị thế cựu hoàng hậu của mình (dù là vợ một ông vua bị bỏ, (1389) vẫn (đủ tự do) đi tìm người tình, và cái cách khu xử của ông thượng hoàng đương quyền (Nghệ Tông) cũng thật là lạ (dù là trong cơn tức giận muốn thi thố quyền uy): ông đem gả cho chính em ruột của người tình hoàng hậu.

Ta cũng nên lưu ý rằng những điều ta biết là do các sử quan đương thời ghi lại, có nghĩa là người đương thời cũng không thắc mắc nhiều như các người đời sau. Rõ rệt nhất là Lê Tắc đã không một lời thắc mắc về chế độ nội hôn của nhà Trần dù rằng ông có kể lể về tình trạng gia đình ông quen biết, yêu kính, và ông làm việc ấy trong một nước Trung Hoa gay gắt quyền phụ hệ.

Cho nên việc Thủ Độ lấy Huệ hậu dù có xảy ra trong một thời điểm đặc biệt có yêu cầu đặc biệt (cướp ngôi nhà Lí), và là bởi sự việc 'loạn dâm' đầu tiên này dễ gây ra nhận xét đây là khuôn mẫu, tiền lệ cho các sự việc cùng tính chất nối tiếp về sau, nhưng rõ ràng đây không phải là một sự việc đột khởi, một 'sáng kiến' của Trần Thủ Độ. Đây chỉ là sự tiếp nối mà nhờ tình thế đặc biệt đã được công khai hóa ở mức độ rộng lớn hơn (ở tầm mức quốc gia) của một sinh hoạt đã từng tiến hành riêng biệt trong một gia đình, một khu vực.

Trong tương quan xã hội rộng lớn hơn, ta còn thấy có lẽ một tính chất đương thời nếu không xúi giục tạo lập thì cũng đóng vai trò biện minh cho thế độ nội -- loạn hôn này.

2. Sự việc xảy ra khác cặp Trần Thủ Độ -- Huệ hậu là cặp Trần Cảnh -- Thuận Thiên. Thuận Thiên là chị Chiêu Thánh, nếu không có chồng mà thuộc về Trần Cảnh theo lối hoa thơm đánh cả cụm thì đối với xã hội Việt (ít ra trong thời đại gần đây) cũng là chuyện bình thường -- huống nữa mối liên hệ anh em cô cậu không đặt ra với Chiêu Thánh thì cũng không thành vấn đề với Thuận Thiên. Nhưng Thuận Thiên lại là vợ Trần Liễu, chị dâu Trần Cảnh. Đây là một vụ loạn luân vì vi phạm ước thúc kết tập gia đình: chị dâu lấy em rể khi anh còn sống (nếu chết thì đã có tục lévirat biện minh).

Cho nên đây là một vấn đề mới của họ Trần. Sự việc lại động đến cá nhân ở mức độ không thể lấy ước thúc xã hội, yêu cầu chính trị ra bàn cãi: đây là một vụ cướp vợ. Nên phản ứng xảy ra rất dữ dội. Và dằng dai.

Trần Cảnh bỏ ngôi -- phản ứng của lương tâm, nhìn ở góc cạnh nào cũng không thể tránh khỏi xác định này. Trần Liễu làm loạn, tuy cô thế không phải chỉ vì Trần Thủ Độ nắm giữ binh quyền mà vì cả giòng họ nhìn thấy ích lợi chung của sự việc gây nên, đã không hưởng ứng. Nỗi uất ức đó kéo dài đến cả lúc lâm chung. (Sự việc làm nổi bật thái độ thuận thảo, bình thường của Huệ hậu như đã nói).

Thuận Thiên có với Trần Liễu một người con được ghi trong sử sách là Vũ Thành vương Doãn /26/ và có thể là cả Thượng sĩ Tuệ Trung, Trần Quốc Tuấn, chưa kể Trần Quốc Khang rõ rệt mà bà mang trong bụng khi về với Trần Cảnh. Kết quả là Trần Liễu dặn Quốc Tuấn trả thù nhà /80,81/ để cho cả vua tôi nhà Trần phải lo sợ viên tướng này, ngay cả lúc tình thế nguy ngập nhất /53,54/. Quốc Tuấn chỉ có thể nhân dịp 'báo thù' mà làm thoả mãn cá nhân bằng cách cướp con gái Nhân Tông hay gây xung đột với một người con khác của Thái Tông, người em cùng mẹ: Trần Quang Khải. Nhưng Vũ Thành vương Doãn trốn đi (1256) không thành. Và con Quốc Khang, Trần Kiện thì hàng quân Nguyên. Ảnh hưởng cuộc ép uổng năm 1237 kéo dài đến 50 năm có thể trầm trọng hơn nữa nếu không có những biện pháp hòa giải làm bớt đi.

Cách giải thích thông thường về sự việc này là nhìn vào việc Chiêu Thánh có một người con trai sinh ra rồi chết ngay (1233) /12/-- có lẽ vì cả cha lẫn mẹ chỉ mới 15 tuổi mà đã có con. Bốn năm sau, Chiêu Thánh vẫn không có con tiếp nên bị phế bỏ và Thuận Thiên được thay vào – chắc chắn hơn vì đã có con và đang có mang. Ý muốn kiếm cho ra người nối nghiệp thể hiện ở chỗ người nối ngôi là Trần Hoảng chứ không phải là Quốc Khang. Tất nhiên hành động của Thủ Độ cũng có sai sót về mặt 'kỹ thuật', vì 11 năm sau đó, Chiêu Thánh được gả về cho Lê Tần (Phụ Trần) và có hai con với người này /28,43/.

Nhưng việc củng cố triều đại là việc cấp bách và không thể làm khác được nên Trần Thủ Độ đã làm một việc gây bất mãn ở cả hai bên liên hệ. Ở đây, sự loạn dâm sinh ra bởi nhu cầu chính trị là chủ yếu: yêu cầu cấp thiết tới nỗi nếu không có sự phóng túng của dòng họ, sự việc vẫn có thể xảy ra. Người ta có thể nghĩ rằng sự bất thường này đã được thực hiện thì dưới mắt người trong họ, những điều xảy ra sau này đã có tiền lệ và không có gì ngạc nhiên nữa. Thật ra, một số khuôn khổ đạo đức bình thường nào đó có thể bị phá vỡ thêm, nhưng bớt tính chất chính trị đặc biệt của cuộc hôn

nhân này mà nó không thể làm khuôn mẫu cho đời sau được. Cuộc hôn nhân Thuận Thiên — Trần Cảnh là độc nhất.

Điều đáng chú ý khác lại nổi bật trong biến cố này. Thuận Thiên về với Trần Cảnh không phải chỉ bởi quyết định của Trần Thủ Độ mà còn có sự xúi bẩy của bà mẹ hai bà chúa cuối cùng của họ Lí /30,42/ Việc Thái Tông che chở cho Trần Liễu thành công, nhờ đó ta được nghe câu trả lời của Trần Thủ Độ: 'Ta chỉ là con chó săn thôi, biết đâu anh em nhà ngươi thuận nghịch như thế nào' /15/ Như vậy, quyền ông vua đứng đầu nước chưa được xác định mà ở đây lại sáng tỏ quyền của tông tộc, của người nắm thực quyền tông tộc.

3. Cuộc khủng hoảng tiếp diễn với những cố gắng dàn xếp, nhưng cũng do lần dàn xếp đầu tiên mà ta thấy tính bình thường của chế độ nội hôn trong họ Trần. Đó là việc Trần Quốc Tuấn cướp giật công chúa Thiên Thành, con Thái Tông, trong lúc người này đã được hứa gả nơi khác.

Thái Tông định gả Thiên Thành cho Trung Thành vương, con Nhân Đạo vương. Sử không nói rõ liên hệ bà con của những người này với Thái Tông như thế nào. Nhưng xét những cuộc phong vương lẻ tẻ (Trần Nhật Hạo 1228, Bà Liệt 1232) và qui định phong vương, hầu cho các con Thái Tông năm 1241 -- và từ đó thành 'chế độ vĩnh viễn', thì Nhân Đạo vương là em ruột của Thái Tông, con Trần Thừa. Trần Thừa chưa từng làm vua, nhưng được gọi là thượng hoàng, người con tư sinh mới thừa nhận được phong là Hoài Đức vương, trong khi ông em họ Thủ Độ quyền uy trùm trời lại không được tước vương nào cả, trừ khi chết đi. Như vậy, chế độ nội hôn của họ Trần là điều khá bình thường vì sự việc gả bán này xảy ra trong trường hợp bình thường, và cũng bởi tính chất bình thường ấy mà tuy là trường hợp độc nhất được ghi lại của buổi đầu, sự minh chứng lại càng nổi bật hơn lên.

Trần Quốc Tuấn bị hấp dẫn bởi công chúa Thiên Thành hẳn cũng nằm trong sinh hoạt bình thường đó. Có điều đáng chú ý là đối tượng của Quốc Tuấn lại là con gái Thái Tông nên có thể ngờ rằng ý thức trả thù theo lời dặn của cha chắc có chen vào hành động đó.

Sử quan đã thuật khá nhiều về sự gay gắt xảy ra giữa Quốc Tuấn một bên, Thái Tông và con cái một bên /53,54,72/. Nhưng ngay chính trong những đoạn văn khen Quốc Tuấn, ta thấy ảnh hưởng những lời dặn của Trần Liễu không phải không có ở người con đặc biệt này: trong lời dọ ý các gia nô (Yết Kiêu, Dã Tượng) và một người con trai (Hưng Vũ vương), ông đều gặp phản đối và chỉ thấy một người con tán đồng (Quốc Tảng). Điều đó chứng tỏ ý định thầm kín nghe theo lời cha vẫn còn trong tâm trí ông, nhưng

một mặt vì đã có mối liên hệ với Thái Tông (qua Thiên Thành), có thể với Nhân Tông (rể) lúc câu chuyện xảy ra, mặt khác phe phản đối ngay trong vây cánh lại là đa số, nên ông mới dứt khoát từ bỏ ý định cướp ngôi, và vì đã lộ ý hỏi dò thì phải tỏ ra phản đối mạnh mẽ nên có chuyện đòi giết Quốc Tảng, tuyệt tình đến khi chết.

Thiên Thành không thể là con Thuận Thiên, vì nếu vậy năm sinh sớm nhất là 1243 (sau Quang Khải 1242) so với năm 1251 gả chồng, bị cướp, công chúa vẫn còn quá nhỏ. Có lẽ nàng là con một thứ phi nào đó. Như vậy giữa Quốc Tuấn và Thiên Thành chỉ có mối liên hệ anh em chú bác.

Con gái Trần Liễu lấy Thánh Tông cũng cùng liên quan huyết thống như thế, tuy có khác với cặp Quốc Tuấn — Thiên Thành, đây là việc giữa hai chị em chú bác. Nhưng trường hợp này có phần chắc là do ý muốn thu xếp, muốn gây sự hòa hoãn của nội bộ gia tộc, trong khuôn khổ của chế độ nội hôn.

4. Hai người con gái của Trần Quốc Tuấn lấy Nhân Tông thì cách biệt đã xa hơn một bực nếu đứng về phía nội. Về phía ngoại, ta không rõ các bà sau này là Khâm Từ, Tuyên Từ có phải là con chúa Thiên Thành (1) (cô ruột Nhân Tông) hay không. Dù sao thì ý đồ hòa giải vẫn như còn dấu vết bởi vì Thánh Tông có thể lấy dâu chính từ dòng của Trần Quang Khải, người có uy tín trong tộc, có con là Đạo Tái, một người rất được Nhân Tông và bà Tuyên Từ yêu quí cách riêng hơn các anh em khác. Còn sau đó, Anh Tông lấy con gái Quốc Tảng sao lại không vì câu chuyện Quốc Tảng đồng ý với ông nội muốn cha cướp ngôi của dòng chính thống?

5. Sử quan cũng không ngạc nhiên và không tỏ thái độ gay gắt từ lúc Thánh Tông lấy con gái Trần Liễu. Sự việc càng bình thường hơn đối với các đời về sau dù rằng sự tăng tiến của Nho học và triết lí đạo đức kèm theo đã có thể làm tăng sự phê phán chế độ nội hôn. Nhưng điều đó không xảy ra nữa. Đằng khác, sự phê phán chống đối cũng loãng đi vì tính chất cung đình phụ hệ. Các vua chỉ cần giữ một người họ Trần làm đích là đủ, còn thì có thể lấy thứ phi ở các hộ khác, kể cả hạng 'gia thần' như Phạm Ngũ Lão (xem chuyện Phạm Ngũ Lão bị bắt buộc phải đối xử thế nào với Minh Hiến vương Uất / 100, 101/ dù đã là cha vợ vua). Nên có người cha vợ (đích) của cả hai ông vua (Hiến Tông, Dụ Tông), thế mà sử chỉ ghi tước và tên (tên lại không thường đi với tước), không cho rõ gốc gác, con cháu nhân vật nào

Tuy nhiên vẫn có khuynh hướng chọn người thông gia kề sát với dòng vua, ví dụ Minh Tông lấy con gái Quốc Chẩn, tức là cháu

---

(1)Ngô đức Thọ (bđd ,27) cho Khâm từ có thể là con gái trưởng của Trần quốc Tuấn, tên Phong.

nội Nhân Tông, nghĩa là tương quan hôn phối là giữa anh em chú bác ruột. Có điều từ Anh Tông trở đi đã có hiện tượng các bà hoàng hậu gốc họ Trần muộn con. Minh Tông là con bà thứ và ông vua này cũng muộn con (trai đích) nên mới có việc giết Quốc Chẩn. Không biết có ảnh hưởng của qui luật sinh học chen vào đấy không. Tuy nhiên, có thể nói rằng đời Minh Tông là bắt đầu sự đổ vỡ của mưu tính từ Trần Thủ Độ: ông vua này có vợ họ Trần nhưng chính thực thuộc dòng dõi Lê Hoàn (phía mẹ) và tính cách bảo vệ sự độc tôn của tông tộc đã mất hẳn với trường hợp Dương Nhật Lễ trước khi xảy ra trường hợp những ông vua có mẹ dòng họ Lê Hồ dẫn đến việc đổi thay triều đại.

6. Như vậy, trong ý định giữ ngôi cho họ Trần thuần giống, việc gả bán chính thức cũng nằm trong một mức độ giới hạn: anh em chú bác ruột là gần nhất. Sử quan đã quen với tục lệ, nên sau một giai đoạn dài chỉ phản ứng lần nữa với trường hợp Dụ Tông và công chúa Thiên Ninh. Hẳn là trong quá khứ, dù là tư thông cũng không có chuyện giữa anh chị em ruột với nhau. Nhưng ở đây, loạn dâm xảy ra vì lời khuyên của ông thầy thuốc Trâu Canh, để chữa bệnh liệt dương cho Dụ Tông. Trường hợp quan trọng vì không phải chỉ bởi ước vọng của ông vua đương quyền mà vì ý thức bảo vệ dòng họ.

Phải giết một người còn trai lấy mật làm thuốc, công chúa Thiên Ninh đã lớn -- chắc lớn hơn Dụ Tông nhiều, lại có chồng rồi mà phải đem mình chữa bệnh cho cậu em hoàng đế lúc lên ngôi mới có 9 tuổi và có lẽ lúc chuyện xảy ra mới có 15 tuổi / 138/. Tính tình cứng rắn của Thiên Ninh tỏ lộ về sau trong biến cố của dòng họ khiến ta chắc rằng hành động trên đã được đương sự thi hành một cách có cân nhắc. Dù sao, đây cũng không phải là hôn nhân chính thức.

7. Tất cả những nhận định trên, dù không nói ra, cũng là đứng trên quan điểm của một xã hộ phụ hệ và một gia đình phụ hệ. Yêu cầu chính trị khiến cho nhiều vương triều trên thế giới mở rộng cấm kị trong hôn nhân, nhưng vẫn giữ cấm kị trong khuôn khổ phụ hệ. Làm như họ Trần có lẽ chỉ thấy nơi một số vương triều thời cổ đại mà thôi. Nhưng có những điều trong lịch sử Đại Việt trước và sau đó khiến ta ngờ rằng không phải chỉ có quan điểm phụ hệ hay yêu cầu chính trị đã quyết định sự kiện inceste của họ Trần.

Đọc sử, nếu chú ý, ta sẽ thấy vai trò to lớn trong việc truyền tộc của người mẹ ở ngay tầng lớp lãnh đạo các triều Ngô, Đinh, Lê và ở một mức độ thấp hơn, nơi triều Lí. Hai thế kỉ trôi qua dưới triều Lí trong đó Nho học xâm nhập vì cần thiết cho cơ cấu tổ chức chính quyền, khiến gia đình phụ hệ trở thành mẫu mực duy nhất --

ít ra là theo những gì căn cứ để lại ở tầng lớp trên.

Thế mà *dị tục vẫn còn*. Lí Huệ Tông có hai người con gái, một gả cho Trần Liễu, một gả cho Trần Cảnh, ai cũng thuộc về họ Trần. Loạn cát cứ đã chấm dứt, quyền lực đã tập trung, cớ sao Chiêu Thánh không con, người ta lại bắt người chị dâu đang có mang -- dấu hiệu chắc chắn có con -- về để kiếm người nói dõi cho ông vua sợ bị tuyệt tự? ở dòng chính? Sao không thể cất nhắc người khác lên thay thế ngôi vị hoàng hậu (mẹ) hay hoàng thái tử (con)? Chỉ có một giải thích: người ta cần có một người làm vua mang dòng máu họ Lí – triều trước, để cho việc kế thừa có lí do chính đáng theo quan niệm còn lưu giữ đến đầu thế kỉ XIII.

Lại gần hai thế kỉ nữa trôi qua với các ông vua Trần nên người ta không để ý đến chi tiết mà lí giải ra thì có vẻ nghịch thường, vô lí ấy. Nhưng hãy nhìn vào trường hợp chuyển tiếp Trần -- Hồ (Lê).

Quí Li có con trưởng là Nguyên Trừng, con thứ là Hán Thương. Chuyện xảy ra giống trường hợp Đinh Liễu – Hạng Lang với kết cục êm xuôi hơn. Đinh Liễu là con lớn, uy quyền được xác nhận trong, ngoài (Tống phong làm Nam Việt vương) -- chức còn lớn hơn cả các vua Lí, Trần sau này), tưởng ngôi vua không còn vào tay ai khác. Thế mà người được chỉ định lại là Hạng Lang, có phần chắc là con của một bà họ Dương, cái họ mang truyền thống nắm quyền xuyên suốt hai phần ba thế kỉ X, nấp đằng sau các họ Ngô, Đinh, Lê ở mặt nổi của xã hội. Hạng Lang không phải là tên vì có nghĩa là *Chàng lớn*, đúng với danh vị mà sau này các tay nho học mượn ngôn từ phương Bắc văn hoa gọi là *Hoàng thái tử* Hồ Hán Thương cũng vậy, 'cậu bé' này là con của một bà họ Trần, công chúa Huy Ninh, con gái Minh Tông, vợ cũ Trần Nhân Vinh bị Dương Nhật Lễ giết chết, được Nghệ Tông gả cho Lê Quí Li /162, 209, 210/. Chị của Hán Thương, Thánh Ngẫu, lấy Thuận Tông. *(1)*

Khôn ngoan hơn Đinh Tiên Hoàng -- sự khôn ngoan cũng do thời thế đã đổi khác, ta thấy Quí Li muốn dọ ý người con lớn nên ra câu đối để trình bày dự tính của mình: 'Hòn đá bằng nắm tay này, gặp dịp sẽ làm mây, làm mưa để thấm nhuần dân chúng'. Thế lực của Nguyên Trừng cũng không phải như Đinh Liễn nên hiểu ý cha, và trả lời thuận thảo qua câu đáp: 'Cây tùng nhỏ ba tấc ấy, sau này sẽ làm rường làm cột để chống đỡ xã tắc'. Thế là việc xảy ra êm đẹp và năm 1400, Hán Thương được phong làm thái tử /207, 208/. Rõ ràng là Hán Thương được lên ngôi chỉ vì là con của một người

---

(1) Chú ý: Thái Tông được Thủ Độ gọi là Nhị Lang /I, 310/, và tự xưng là Trai Lang /17/.

họ Trần, vì một chút vướng víu cần thiết chắc vẫn còn là quan trọng để đòi hỏi Quí Li làm sao cho việc nối tiếp quyền lực được có tính cách chính thức. Năm 1354, một người tên Tề chống đối ở vùng Nam Sách, xưng là *cháu ngoại* Hưng Đạo vương, sao không là để khai thác thuận lợi của truyền thống *(1)* Tất nhiên với thời thế đã đổi, mối liên hệ Trần Hồ lại được giải thích xuôi chiều theo ưu thế phụ hệ: sớ nhà Hồ sang phân trần với nhà Minh rằng họ Trần đã tuyệt tự nên cháu ngoại phải lên thay /210/.

Lại có những sự kiện khác khiến ta thấy thói tục đương thời có điểm liên quan đến xã hội mẫu hệ mà về sau sẽ mờ nhạt hoặc biến mất. Ví dụ vai trò người vú nuôi. Sử về nhà Lí ghi lại hai lần chuyện vú nuôi nhà vua chết khiến cho Ngô Sĩ Liên phải ngạc nhiên /I, 270, 271/. Đoàn Thượng, một người tranh chấp quyền bính cuối đời Lí cũng là con vú nuôi của vua /I, 340/. Thế rồi, trong việc phong chức nắm quyền quân sự năm 1378 lại có tên một người cùng vú nuôi của Phế Đế là Nguyễn Bát Sách và đây là một trong những người muốn lấy quân lực cưỡng lại ý của Nghệ Tông định giết chết Phế Đế /174, 183, 184/. Mối liên hệ cùng vú nuôi đã đưa những người này nổi bật trong xã hội đương thời hẳn không phải chỉ là liên hệ tình cảm mà còn là của phong tục: ta thấy trong quan niệm mẫu hệ Ê Đê, có khoản cấm con cùng một vú nuôi không được lấy nhau *(trường ca Ê Đê — Đam Kten Mlan,* Hà Nội, 1983, 79/, vì đó là những anh em qua huyết thống của người cho bú.

Trong khi ta có bằng cớ về quan niệm mẫu hệ nằm trên thượng tầng xã hội như thế, thì cũng nên chú ý rằng họ Trần, trước khi lên ngôi, lại không xuất thân từ cung đình. Khả năng phù trợ nhà Lí trong hồi nguy khốn chứng tỏ họ Trần là một hào tộc địa phương.

Từ 'quan gia' vẫn dùng để gọi vua Trần, được một trí thức trong dòng họ, Trần Đạo Tái, mượn lời đối đáp trong triều Tần

(1) Trong lễ tế Giao đầu tiên, ghi lại năm 1403 - đầu tiên trong các triều Đại Việt, nên mới có chuyện vua run tay làm đổ rượu - Hồ Hán Thương dẫn theo các bà có mũ áo 'nếu bản thân là quí hiển thì không kém chồng'. Ngô Thì Sĩ của thế kỷ XVIII, nhân quan điểm trung trinh của Nho giáo, đã chê trách họ Hồ dốt nát đem lễ tế ở Bắc giao vào Nam giao. Phan huy Chú, bênh vực ông ngoại, cũng cho rằng việc đem cung phi, công chúa và vợ các quan nhất định phải là của lễ Thân tàm của Trung quốc (thực hiện phía Bắc kinh thành, mở mùa tằm), nhưng không thấy rằng sử chỉ nói đến lễ tế Giao với các bà đi theo hành lễ, không có chuyện tằm dâu gì cả : các bà đi theo vì địa vị được công nhận của các bà trong xã hội, thế thôi. (Xem Phan huy Chú : Lịch triều hiến chương loại chí, II. Quan chức chí- Lễ nghi chí, *Hà nội, 1961, 121-122).*

chú thích thêm trang 32 bản thảo

Thủy Hoàng (1) để giải thích cho Thánh Tông nghe /43/, nhưng ta có thể ngờ rằng người trong tộc họ vẫn nhìn ông vua theo một cách khác. Thánh Tông lên ngôi năm 1258, câu chuyện trên được đặt vào năm 1277 (nhưng là một đề tài nhắc lại chuyện cũ) và từ 'quan gia' có mặt 1274/72/ vẫn được dùng đến đời Trần Anh Tông (1293-1314), đời Nghệ Tông lúc giết Phế Đế (1389), cả đến triều Hồ qua lời gàn bướng không sợ cường quyền của một người 'học trò', chắc là học sinh Quốc tử giám. Có lẽ qua hơn một thế kỉ sử dụng, sự xưng hô này đã từ cung đình phổ biến ra bên ngoài. Nhưng từ 1250, Thái tông đã ra chiếu bắt gọi vua là 'quốc gia' (2), nên cũng ngờ rằng *ngay từ đầu* trong nội bộ tộc họ, người ta đã gọi vua là *quan gia*.

Tuy sử quan đương thời hay về sau không có lời chê trách, nhưng ta thấy Lê Văn Hưu đem thuyết chính danh ra mà chê sự việc tương tự dưới đời Lí, thời gian thuộc phần việc đã giao cho ông: Lê Văn Hưu khi chê vua Lí xưng hô không đúng 'qui định' (gọi vua là 'triều đình', 'vạn thặng', Phật), đã chỉ các từ hợp thế cách: trẫm, dư nhất nhân, bệ hạ... chẳng có từ nào là 'quốc gia' cả /I,210/ (ông cũng không nói đến từ quan gia). Rõ ràng là một lối 'nói ý' để chê trách các ông vua đang điều khiển ông. Các từ *quan gia, quốc gia* tuy được mượn từ phương Bắc nhưng vẫn mang chất riêng biệt của họ Trần.

Từ *quốc gia* (có ở sách Mạnh Tử) mang ý nghĩa *lãnh vực, đất đai* từ lớn (quốc: ấp của chư hầu) đến nhỏ (gia: ấp của đại phu) nhưng đem đất để gọi người, để tính ưu tiên cho đất, thì rõ là tâm lí của một anh chủ ruộng lớn còn ẩn núp sau cái áo bào hoàng đế vậy. Sử dụng từ *quan gia*, hẳn họ Trần đã biết đến ý nghĩa quan là 'vua' của thời Ngụy, Tấn, Lục Triều (đến đầu thế kỉ VII) cùng với nghĩa bao quát hơn là: 'công' (căn cứ để Trần Đạo Tái giải thích cho Thánh Tông) và khi chú ý đến nghĩa thứ hai, người ta mới dịch 'quan điền' là 'công điền' mà không chú ý đến nghĩa thứ nhất. Thực ra, quan điền của họ Trần không mang ý nghĩa chung chung 'vương thổ' như thế mà cụ thể là 'ruộng tư' của vua Trần – ít ra cũng ở một bộ phận trong một lần được sử nhắc đến năm 1254/24/.

(1) Câu ghi ở Toàn thư *là lấy nguyên văn của* Thái bình Quảng Kí *(977). Không rõ Đạo Tái đã đọc trong sách này của Lí Phưởng (925-996) hay các sử quan sau này đã lấy câu ấy qua* Danh Nghĩa Khảo *của Chu Kì, đời Minh.*

(2) Trong bản dịch mới (Đại Việt Sử Kí Toàn Thư, *II, 1985, 20, chú 3), ông Hà Văn Tấn ngờ rằng 'bản in nhầm' vì 'chưa có sách nào gọi vua là quốc gia', nên sửa lại là quan gia. Thực ra, từ thấy 'chưa có...' mà bảo không có là võ đoán. Họ Trần rất có ý thức về vai trò độc tôn của dòng họ* (Hịch Tướng Sĩ *nổi bật tinh thần đó), nên bắt dân gọi vua khác với tộc họ gọi thì cũng là chuyện dễ hiểu.*

Các sử gia chính thống trong nước ngày nay mang tính yêu ghét bệnh hoạn nói chung, đối với các nhân vật lịch sử nói riêng, nên tuy ngạc nhiên vì giá bán ruộng quá rẻ mà không giải thích được nguyên nhân (và tính chất loại ruộng) vì bị cản trở bởi thói quen thần thánh hóa nhân vật hợp ý, ưa thích (Trần là một đại biểu chống và thắng xâm lăng). Đứng ở góc độ con người -- muốn nói là con người nặng đầu óc tư hữu cũng được, ta hiểu hành động hợp lí của Trần Thái Tông: năm 1253, Hốt Tất Liệt chiếm kinh đô Đại Lí, đuổi vua Đoàn Trí Hưng bỏ chạy, tất Thái Tông phải biết sự kiện đó ở đất Vân Nam kế cận, và có phản ứng: *Việc bán ruộng với giá rẻ như thế chỉ có thể giải thích là một sự tẩu tán tài sản* -- nói theo lối bây giờ, *trước biến động mà thôi.* Và đó là ruộng tư (của vua).

Vậy thì hào tộc Trần khi có người làm vua đã gọi người ấy là *quan gia,* và năm 1250, Thái tông bắt dân gọi là *quốc gia* -- vì từ 'quan' còn có nghĩa là một tầng lớp thừa hành, không phải là chủ tể ? Nhưng trong tông tộc từ *quan gia* đã trở thành phổ biến và được ghi lại trong sử sách kèm theo với các nhân vật lịch sử (thái thượng hoàng, quan triều tôn thất) nên còn lưu lại, trong khi từ *quốc gia* tan biến theo dân chúng vô danh. Nhưng gọi là gì đi nữa thì tâm lí và sinh hoạt của anh chủ đất hào tộc vẫn còn.

Trở lại vấn đề hôn nhân, nếu họ vua còn đầy quan niệm trọng dòng mẹ như thế thì hẳn là quan, hào tộc còn sống trong một khung cảnh mờ nhạt tinh thần nho học, văn hóa phương Bắc đậm tính phụ hệ hơn. Họ Trần vào một nước tuy đã qua một thời gian dài tổ chức theo quan niệm phụ hệ càng vững chắc, nhưng dòng này sống ở đây cả hơn thế kỉ, hẳn không thể thấy được và không chịu ảnh hưởng những thói tục diễn ra chung quanh.

Từ sự thấm nhuần vô ý thức, ta ngờ rằng trong khung cảnh ảnh hưởng quan niệm chắc còn đậm hơn trong tầng lớp dưới họ nhà vua, *họ Trần hào tộc có thể coi là bình thường việc con chú con bác lấy nhau* mà những dấu vết đầu đời lộ ra minh chứng như ta đã phân tích. Và khi họ lên làm vua, ở tầng lớp mà tổ chức phụ hệ không thể lay chuyển, họ thực hiện chế độ nội hôn là theo chiều hướng phụ hệ đó, để bảo vệ sự tinh thuần của dòng họ đang trị vì, gộp con gái họ Trần (cần thiết cho dòng chính) về mình, họ cũng đã bị thúc đẩy bởi ý tưởng không thể để cái di tục truyền theo dòng mẹ -- đậm nhạt như thế nào không thể biết được ở tầng lớp thần dân đông đảo dưới quyền họ buộc họ phải quan tâm tới, không thể để nó làm suy yếu tính chính thống của những người cầm đầu đất nước.

Tóm lại, trong sự kiện inceste -- loạn dâm của họ Trần, ta gặp một khung cảnh xã hội còn rơi rớt quan niệm mẫu hệ (rõ rệt ở các thế kỉ trước), trong đó, điều kiện sinh hoạt riêng rẻ của họ này bị sự

thúc đẩy của tình thế dẫn dắt họ lên nắm quyền, đã khiến cho một lề lối hôn nhân bình thường nhưng khuất lấp trở thành chính thức hóa, thể chế hóa, để gây nên sự kinh ngạc, nỗi tức giận, khinh bỉ của người sau -- không cùng quan niệm vì thời đại đã đổi thay thật to lớn khiến ta phải nhận rằng những biến cố của thời thuộc Minh cộng với cuộc chiến tranh giành độc lập của Lê Lợi (1417-1427), tuy chỉ trải dài một thế hệ, nhưng đã gây ra những đảo lộn dữ dội để rồi một thời kì nữa dành cho việc sắp xếp, thích ứng -- thông qua những thanh toán tranh giành quyền bính -- phần cuối thế kỉ XV của Đại Việt hiện ra với một khuôn mặt có hướng tiến mới, gần gũi với các thế kỉ về sau hơn là với các thế kỉ về trước.(1)-/-

(1) Nhưng cũng nên lưu ý rằng quá khứ vẫn còn tác động đến các luật lệ về sau khiến cho phụ nữ được hưởng một số quyền lợi làm ngạc nhiên những người cứ tưởng các bà không thể nào có trong một xã hội với các quan niệm phụ hệ khắt khe . Theo luật năm 1517 (Lê Chiêu tông, Quang Thiệu 2), con gái trưởng được hưởng hương hoả thay con trai trưởng không có. Luật cũng lưu tâm đến quyền lợi của cháu gái trong trường hợp không có dòng nam (Quốc triều hình luật, Lưỡng Thần Cao Nãi Quang dịch, Sài gòn, 1956, 159, 161)

Một nữ du khách Anh, đầu thế kỷ XX đến Việt Nam cũng công nhận rằng "địa vị xã hội của phụ nữ An Nam rất cao" (Gabrielle M. Vassal, *Mes trois ans d ' Annam, Paris, sd, 162,173)*

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL
MEDECINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA
BỆNH PHỔI
* *Bệnh nội khoa : Tiểu đường- Máu cao.v.v..*
* *Bệnh phổi : Ho- Suyễn- Đau ngực- Lao- Khó thở*
NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM
Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường: 9- 12 AM & 1- 6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM ***Tel : (714) 641. 0263***
2720 S. Bristol St Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Nguyễn Xuân Quang

Có nàng Tô Thị *(tiếp theo kỳ trước)*

Nguyễn kinh ngạc nhìn người đàn bà rồi cố dương mắt nhìn cái biều chứa thức ăn của con gà, chàng chỉ thấy đám thức ăn nhão nhoẹt màu nâu nâu.

Người đàn bà chửi rủa thậm tệ một lúc chẳng khác gì những câu chửi chàng đã nghe ở bến xe Hà Nội, ở trên xe dọc đường, ở bất cứ cái xó xỉnh nào của cái xã hội chủ nghĩa này, chửi rủa chán nàng rũ ra cười.

— Ông Ấm ngố ơi, nó nhìn thấy mặt ông búng ra sữa, nó lừa ông... tội nghiệp.

Nguyễn chẳng hiểu gì cả. Bực bội. Lại thấy tội nghiệp mình đúng như lời người bạn gái nói.

Một lúc sau nàng chìa cái biều gà lấy tay nặn ra một cục thức ăn chưa tiêu:

— Anh thấy chưa, cái miếng bánh đúc còn nguyên đây này. Nó đã nhồi, đã nhét, đã tọng đầy bánh đúc cho con gà rồi mới đem cân bán cho anh... ngụy ngố.

Sững sờ một thoáng nhận ra những điều người đàn bà nói là đúng, con gà đã bị bội thực cứ khờ ra không kêu, không cựa quậy được, rồi bị đau bụng, đi tiêu chảy, cứ chốc chốc lại xổ toẹt ra một bãi to tướng dính cả quần áo chàng. Bây giờ chàng mới hiểu người bán gà đưa mấy cái bánh đúc cho người thanh niên, lúc đó chàng cứ tưởng bà ta trả công bắt gà cho đám trai trẻ.

— Có phải lần đầu bị lừa gạt đâu, kể từ ngày thống nhất đất nước... nhưng rồi dần dà cũng quen đi...

— Nhân nghĩa nhỉ! Nó bán được một trăm bạc một cân bánh đúc!

Chàng thấy nóng mặt.

— Đã bảo là quên chuyện gà qué đi, nếu tiếc tiền thì đã chả thèm mua con gà làm gì. Thêm một kí thịt nữa thì cũng thế thôi.

– Không phải em bằn tiện, cái xã hội này nó như thế đấy nhưng tức một cái nó đã biết anh mua cho em mà nó còn nhẫn tâm lừa anh như thế. Nó còn tính làm thông gia với em nữa đấy.

- Lúc bán bà ta đâu có ngờ là em biết, bà ta cũng kiêng nể em đấy, cũng chột dạ nên mới sai một cậu bé chạy đuổi theo anh dặn anh giấu hộ, tất cả chỉ tại cái chân con gà khoèo. Quên đi, quên hết đi, ngoan ngoãn như cái cô chiêu lì ngày trước xem nào.

— Anh, mấy chục năm trời vẫn thế.

Nàng thở dài.

– Vẫn thế là sao ?

— Hồi xưa thằng Cún chó con vẫn lừa bịp cướp giật đồ của anh mà anh vẫn chơi với nó, vẫn tha thứ cho nó.

Nguyễn liếc mắt nhìn đứa con gái đang pha thịt gà chỉ sợ nó hiểu chuyện hai người đang nói về cha nó, người đàn bà lắc đầu ra dấu bảo nó không biết đâu.

— Giờ lão Cún ra sao ?

— Nhờ giời từ lúc có chinh chiến với giặc Bắc phương, hay đúng ra là nhờ ơn Bác linh thiêng phù hộ mới đem đến đây cái cuộc chiến thù nghịch hiện tại, nên nó mới ăn nên làm ra, chức cao hàm nhớn, lúc trước ở cái biên ải này nghèo lỗ ra như những dân đóng khố. Nó vẫn thế. Nó vẫn còn căm thù anh lắm.

— Sao vậy ?

Người đàn bà trả lời chàng bằng nụ cười heo héo.

— Xong rồi đấy đẻ.

— Bác làm gì thì để bác làm, con bắc nồi nấu cháo đi, rồi ra vườn nhặt ít rau răm.

— Chắc thiếu một vài vị.

– Anh cần gì ?

— Để xem nào, cần trứng, dầu để rán, hành, hẹ, tiêu, chanh, muối, bột... còn một hai thứ nữa nhưng chắc chắn có, đó là bánh mì vụn với bơ nhạt.

— Thiếu cái gì thì bỏ cái ấy, nghe anh nói đã thấy ngon rồi.

— Nếu hai người muốn thưởng thức món thịt gà Kiev đó thì tôi rán làm theo cách cải tiến thành món gà Ki-Ép-Lạng-Sơn. Có thể thay bơ bằng mỡ của nó và vụn bánh mì bằng thính làm bằng tấm hay nguyên hạt gạo.

— Anh chỉ em làm đỡ cho anh một tay.

— Đã bảo bữa nay ngồi đó làm bà chúa, để tôi làm đầu bếp hầu hạ cho một bữa, con cháu nó có muốn học tôi chỉ cho cách làm.

Ngay lúc ấy có tiếng chó sủa vang ngoài ngõ.

— Con ra xem ai đến đó. Cẩn thận đấy, điều nghiên kỹ đã.

Đứa con gái đi rồi, người đàn bà xích lại gần chỗ chàng.

— Ừ, để anh hầu hạ đêm nay cho nó bõ công tưởng nhớ mấy chục năm nay. Anh biết không, thằng Cún nó vẫn hận thù anh vì nó ghen anh đấy.

Nguyễn biết nhưng cứ vờ vĩnh.

— Sao lại ghen, ngăn cách nhau cả một con sông Bến Hải.

Người đàn bà nguýt chàng :

— Ghen vì cái... ấm ớ của cái nhà anh.

— Đẻ ơi, có con bác phó Thông Tin Văn Hóa.

— Nghe nói động đến vong linh rồi phỏng? Nó muốn cái gì?

— Bác muốn biếu thầy đẻ cái gì đó.

— Cho nó vào.

Người con gái đi trở ra.

— Con của cái con mẹ bán gà cho anh đấy.

Khi người con trai bước xuống bếp, Nguyễn nhận ra người trẻ đã chạy theo chàng bảo chàng nói dối mua con gà ở chỗ khác.

— U cháu bảo đem biếu bác cái này làm quà.

— Con đỡ lấy cho chú ấy. Gởi lời cám ơn u cháu nhá, quí hóa quá.

Ngưng một chút nuốt nước bọt như để nhấn mạnh gạch đít những lời sắp nói. "Nói với u cháu là để lại cho bác con gà sống thiến của con Cúc dạo trước bán cho cháu nuôi, bác muốn mua để đãi khách."

Người con trai nhìn Nguyễn vừa sợ vừa tỏ vẻ căm thù. Một lúc sau nói lí nhí trong miệng:

— Thưa bác cháu về.

Hai người trẻ đi khuất.

— Đấy, nó đem đồ đến trám cái mồm tôi đấy. Cái thằng ấy ngấp nghé đòi làm con rể nhà này.

— Em nói thế nó tưởng anh mách em về vụ mua con gà, chính nó dặn anh đừng nói sự thật.

— Anh đừng có lo, nếu anh sợ em giữ lại cái chân gà què đưa cho mẹ con nó xem, vả lại bố nó cũng không dám làm gì anh.

Anh biết không, nó là con bà chính Tâm, cái con hồi bé mũi dãi lòng thòng cứ lẽo đẽo đi theo đám mình đòi chơi ké đấy, nhờ em đem nó lên đây nên mới được như ngày nay.

— Vậy thì thôi bỏ qua đi, không khéo lại làm hỏng mối tình của hai đứa trẻ chỉ vì con gà.

— Ai mà gả nó cho cái ngữ ấy.

Người con gái trở vào mặt có vẻ hơi buồn buồn. Nguyễn muốn an ủi.

— Tự con gà nó khai với cháu chứ không phải tự bác nói ra.

Người con gái im lặng ngồi xuống bếp lửa. Chắc nó và người con trai mới vùng vằng cãi vã gì với nhau ngoài ngõ về vụ con gà.

Nguyễn nhờ người con gái lột da mấy miếng thịt gà.

— Có giấy dầu xin vài tờ để gói gà.

— Giấy dầu là giấy gì ?

— Giấy bóng kính, quen miệng như ở trong Nam, nếu không có, lấy lá chuối khô cũng được.

Người đàn bà bỏ đi.

— Để anh làm, có gì anh sai cháu phụ cho, em đi sửa soạn.

Nguyễn chỉ con bé làm món thịt gà chiên "bơ" nổi tiếng của vùng Ukraine. Con bé thấy chàng đổ hết chai dầu vào chảo để rán nó cứ xuýt xoa, "bác dùng phí quá, cháu mà đổ dầu như thế để cháu chửi có mà mục mả".

Nhung lo thu xếp bàn ăn, nàng đem bộ bát đĩa quí nhất của mình còn giữ lại, bộ bát dĩa do người ta biếu mình, ra dùng, tất cả đồ đạc quý giá nàng đã chạy về cất giấu ở dưới Đồng Mỏ vì tình hình biên giới lúc này. Thỉnh thoảng nàng lại chửi thề mắng nhiếc mình "con khốn" mỗi lần cảm thấy xấu hổ khi nhớ tới những điều ăn nói thô lỗ chửi rủa của mình từ khi gặp mặt Nguyễn đến giờ. Nàng tự nhủ sẽ rán cố gắng cải tiến trước mặt chàng. Nàng thấy mình trẻ lại. Nàng đi thay quần áo trang điểm. Mấy chục năm rồi hôm nay Nhung mới lại để ý đến nhan sắc mình. Nhưng khi nhìn vào gương bỗng dưng hai dòng nước mắt chảy dài xuống. Năm tháng, gió núi, mưa rừng, độc lập, tự do, hạnh phúc, ấm no đã tàn phá khuôn mặt xinh tươi của nàng mà hồi xưa bao nhiêu bạn học con trai đã theo đuổi say đắm, thằng Cún chó con đã mê mệt cuồng điên làm đủ thứ cuối cùng đã lấy được nàng làm vợ. Số nó may là đất nước chia đôi và Nguyễn theo gia đình đi Nam.

— Chủ nhà đâu đánh chén cho nóng.

Nhung ngại ngùng bước ra như cô con gái trong ngày xem mắt.

Nguyễn dương mắt làm như sững sờ. Cái nét sinh động, cái tình tứ lại thấy trở lại trên khuôn mặt nàng. Nhung thấy chàng nhìn luống cuống.

— Phải đấy ăn ngay đi, vùng núi rừng, về đêm, đồ rán để ra là nguội lạnh ngay. Chốc nữa cháo nhừ ăn sau cũng được. Ăn cái này với cơm sao hợp?

— Kể ra thì phải ăn với đậu hột Hòa Lan, với cơm kasha hoặc với thứ khoai rơm. Nhưng gạo của mình cũng ngon chán.

Nhung dành cái bát đẹp nhất cho Nguyễn. Chàng gắp cho Cúc miếng lớn nhất rồi cho Nhung.

— Anh để mặc em. Anh ăn đi chứ.

— Thường đầu bếp ít muốn ăn đồ mình nấu, em biết đấy, mấy bà nấu ăn chỉ thích người khác ăn rồi khen, có lẽ đầu bếp ăn hương khói no rồi.

Nhung cười chua chát:

— Anh tập sống với hương khói đi là vừa. Em đã sống bằng hương khói mấy chục năm rồi, sống có khác gì...

Nguyễn lái câu chuyện qua chiều hướng khác, né tránh.

— Cúc, cháu còn đi học không ?

— Học với hành gì, cần gì phải học nhiều như bác, cả cái kho tàng chữ nghĩa của nhà nước chỉ vỏn vẹn có hai mươi bốn cái chữ cái, nó đã học hết rồi còn đào đâu ra chữ nghĩa nữa mà cho nó học. Cái gương sáng thành công trước mắt là như bố nó đấy, cần gì học.

Nguyễn nhìn Nhung tội nghiệp, trong cái thân xác tả tơi xã hội chủ nghĩa kia, máu nàng đỏ như mầu cờ đỏ, da nàng vàng như ngôi sao vàng vô sản, vẫn còn thấy phấp phới bay cái hồn Việt tư sản.

— Ăn đi chớ tôi nấu dở lắm sao.

Đứa con gái đã ăn hết sạch bát cơm và cái đùi gà.

— Ngon quá bác.

— Cái món này của thiên đường Liên Xô đấy con, không ngon sao được.

Con bé đúng là con gái mười bẩy bẻ gẫy sừng trâu, răng còn khoẻ nó phải ăn hết cả xương.

Tiếng chó sủa giật giọng như báo động nhưng một thoáng sau đó đổi giọng ngay y hệt như miệng lưỡi vô sản nó chỉ rít lên thôi.

— Chắc chú phó Mộc đến đấy.

Người con gái ra cửa dò xét.

Ngay lúc ấy như con chim diều hâu đã nhắm sẵn con mồi, Nhung phóng đôi đũa xuống cái đĩa gà rán gắp nốt nửa cái ức gà còn lại, nàng định bỏ vào bát Nguyễn nhưng chàng lấy tay che bát từ chối.

— Tôi dùng đủ rồi.

Không còn đủ thì giờ để mầu mè gì nữa, nàng bỏ miếng gà vào cái bát của con gái, lấy ngay cái đĩa con đậy lên, qua cử chỉ ấy Nguyễn biết nàng không muốn miếng thịt gà rán rơi vào tay kẻ sắp bước vào nhà và cái điều chàng biết chắc chắn là không phải nàng sợ hắn thấy cả nhà đang ăn thịt gà nên phải làm như thế.

— Ai thế con ?

— Đúng là chú Mộc.

— Mời chú ấy vào.

Người đàn ông theo Cúc vào nhà, hắn liếc nhanh nhìn Nguyễn.

— Chào chị.

Rồi hắn chỉ gật đầu chào chàng.

— Đây là chú Mộc làm chỗ nhà tôi, còn đây ông anh mới lên chơi. Tính ăn cơm xong dẫn anh ấy qua trình diện chú đấy!

— Chị cứ nói thế !

Hắn nói lảng nhưng có chủ đích hướng về cái "chủ đề" món thịt gà.

— Gớm cỗ bàn gì to thế. Mùi thức ăn theo gió bay qua mãi tận bên kia biên thùy, không khéo bọn chúng nó ngửi thấy mùi thèm ăn đêm nay lại bỏ qua đấy.

— Phỉ thui cái mồm ăn mắm ăn muối của cái nhà chú này. Để cho ông anh đây đi đường mệt nhọc được ngủ bồi dưỡng một đêm chứ.

Người đàn ông cười hô hố lấp liếm :

— Nói đùa thế chứ đêm nay có giăng cho ăn kẹo dù là "hằng vẫn thỏng" bọn chúng cũng chả dám bò qua đâu.

— Thính mũi nhỉ, đúng là đàn em của anh Dũng. Có tài đánh hơi giỏi thế mà lại chậm chân, bộ phải lội nước đến đây đấy phỏng? Có món gà rán Liên Xô mới hết xong. Nhưng cái số nhà chú vẫn còn "hằng vẫn", còn hạnh vận, còn vận may, còn may. Nồi cháo chắc ăn được rồi đấy.

Nguyễn biết Nhung nói giỏi đánh hơi, đàn em của Dũng là đàn em của Cún chó con và cũng là bọn công an chó săn. Chàng cũng hiểu vỡ ra mấy chữ "hằng vẫn thỏng" là kẹo hạnh vận, kẹo vận may, kẹo ăn lấy may, lấy hên.

— Con xuống xem nồi cháo đã nhừ chưa, cời bớt than hồng ra để nhỏ lửa thôi không khê mất.

Cúc lúc trở về chỗ thấy cái bát của mình đậy lại, nó đoán biết có miếng thịt gà trong bát, hôm nay có khách lạ, nó được ăn nhiều nhất nhà, nó muốn để dành nên khi nghe thấy đẻ nó sai như thế như mở cờ trong bụng, đứng phắt dậy cầm theo cả cái bát đi xuống bếp, tự nhiên làm ra vẻ như đã ăn xong đem bỏ bát đũa đi rửa. Nguyễn nhìn tên phó Mộc, bây giờ chàng mới hiểu hắn không phải là bác phó thợ mộc mà là viên phó ban công an tên Mộc. Cái tên Phó Mộc làm cho chàng, có lẽ, nhìn mặt hắn đâm ra có ấn tượng là hắn vốn gốc dân "cá gỗ", dân "dùi đục, chấm nắm cáy", hai mắt hắn rất sắc nhìn trộm nhiều hơn nhìn thẳng vào mắt người khác, có hai cái mộng thịt mắt trông cũng giống như cái mộng gỗ đuôi chim của thợ mộc dùng để ráp nối hai đầu gỗ vào nhau, cả hai cái mộng đã ăn lấn vào con ngươi. Ngoài ra, trên thân thể hắn cũng còn có mấy ngón tay rất phù hợp với cái tên phó Mộc của hắn là mấy ngón tay dùi đục u nần.

— Thịt gà Liên Xô cơ à, ngon nhỉ, tiếc quá. Họp với hành, mấy thằng bên bộ đội cứ nói cà kê mãi.

— Có chuyện gì khẩn trương không ?

— Không chị, anh ấy nhắn là nếu tình hình yên tĩnh, ngày mai anh ấy có thể ghé về thăm nhà còn không phải ở lại thêm vài ba

ngày để lo bố trí kế hoạch.

— Đẻ ơi, cháo nhừ rồi đấy.

— Con múc cho bác và cho chú ăn đi.

Nói xong nàng đứng dậy ngay không dám phó mặc cả nồi cháo cho con bé, để nó múc cháo thì hỏng hết nhưng để Nguyễn ngồi một mình với tên Mộc nàng cũng áy náy thế nào hắn cũng khai thác chàng.

— Để đẻ bưng phụ con một bát.

Tên công an tằng hắng rồi nhìn thẳng vào mắt chàng.

— Anh đã đi chuyên tu ở Liên Xô rồi à ?

Nguyễn né tránh :

— Một người Liên Xô dậy tôi mấy món đó.

— Món ấy tên gì thế ?

— Gà rán bơ Ki-Ép.

— Ki-Ép hả, tôi biết thành phố kỹ nghệ cận đại đó.

— Anh đã đi qua tham quan thành phố ấy rồi sao ?

— Không. Đọc trong báo.

Nguyễn muốn nhét thêm vào bộ óc gỗ đá của hắn thêm mấy cục gạch nữa.

— Nhân dân Liên Xô anh em ruột thịt gọi món đó là Kotlety Po-Kyivskomu.

Hắn rút bút ra, cái bút Parker mạ vàng.

— Cái tên nghe réo rắt nhỉ! Anh đánh vần để tôi viết hầu phổ biến.

Nguyễn nghĩ bụng chắc hắn muốn có bằng chứng trên giấy trắng mực đen để kiểm chứng với tổ sư cách mạng nhà nó xem chàng có dối trá không.

Nhưng và con, mỗi người bưng lên một bát cháo, nàng chợt thấy tên Mộc cầm giấy bút vội rảo bước thêm.

— Chú lo giấy tờ cho ông anh đấy hả ?

— Không em muốn viết lại cái tên Liên Xô của món thịt gà.

— Món gà rán Kiev này vang danh khắp hoàn cầu đấy! Anh đưa tôi viết cái tên cho. Cái chữ này hơi khúc khuỷu, nhấp nhô...

Tên phó Mộc mừng rỡ đưa cây bút và cuốn sổ tay cho Nguyễn, nhưng thay vì cám ơn hắn lại dở ngón nghề ra:

— Người miền Nam ăn nói lạ thế đấy. Chữ nghĩa Liên Xô lại bảo khúc khuỷu.

Nói đến đó hắn vội ngừng ngay sợ nói nữa chàng để hắn viết thì bỏ bu. Hắn biết Ngguyễn nói đúng, chữ hắn viết như gà bới. Nhưng hiểu Nguyễn muốn chửi tên phó Mộc dốt nát chữ nghĩa viết chưa được ngay hàng thẳng lối, nàng nói mát tên phó Mộc mặc dầu có ý nói để giảng hòa cả hai:

— Đất đâu sâu đó. Thôi ăn đi cho nóng.

— Chà, trông ngon quá, gà thiến lại nấu với gạo thơm ăn vào dù có đang hấp hối cũng sống lại được.

Nguyễn cũng đồng ý với hắn. Có điều chàng khựng lại ngậm miếng thịt gà trong miệng, chàng gợi lại trí nhớ trong óc, rõ ràng hắn nói hai chữ "gà thiến", làm sao hắn có thể nhìn mấy miếng thịt gà xé phay rắc trên bát cháo mà biết được là gà thiến, thánh cũng không bằng, họa chăng hắn đã nghe "đài" thông tin cho hắn biết. Hắn úp mặt xuống lùa một hơi gần hết nửa bát cháo.

— Sáng mai tôi sẽ dẫn ông anh đây ra gặp chú.

— Chị cứ để em lo, em sẽ bảo anh Lý bí thư chu tất.

— Còn chuyện này nữa tính nhờ chú, ông anh hôm nay đi từ thành Lạng về đây, có để dưới gần xe cái bị hành lý trong đó có mấy món quà mua cho anh Dũng bị thất lạc...

— Chết chửa, đi xe nào đấy.

— Còn cái xe nào nữa, ở đây chỉ có mỗi một cái xe chạy Lạng Sơn Đồng Đăng.

Tên Mộc bào chữa :

— Nói thế chứ em biết rồi. Chị để em bố trí điều tra. Trong bị ấy có cái gì thế?

— Có mấy thỏi son hộp phấn định biếu chị, cái quần jean cho cháu và gói khô mực Nha Trang tính để anh Dũng nhắm rượu.

Hắn đang dốc cái bát thanh toán nốt phần cháo còn lại, tiếng húp kêu xùm xụp chỉ nghe Nguyễn nói loáng thoáng, hắn muốn sửa lưng Nguyễn để trả thù:

— Mực gì? Ai lại uống mực ?

— Cá mực khô Nha Trang.

— Thế chứ, phải nói cho đúng từ chứ. Cá mực phơi khô thì gọi là cá mực phơi khô, ai lại gọi là khô mực, ướt mực.

Nhưng xoa dịu Phó Mộc :

— Chú dùng bát nữa nhá.

Hắn muốn ăn nữa nhưng biết thân phận mình chỉ làm phó ban thì chỉ được phép ăn một bát của chị vợ của anh trưởng ban cho mà thôi.

— Cám ơn chị, em khí vội, phải đi ngay còn phải đi bố trí phòng thủ. Hắn đứng dậy định cáo từ nhưng chợt nhớ ra.

— Cá mực phơi khô Nha Trang là sản phẩm kiểm kê đấy.

— Tôi mua hơn một ký nhưng dọc đường một số anh em thích ăn nên biếu bớt lúc tới Lạng Sơn chỉ còn vài ba con.

Trước khi về Bắc chàng đã được biết mực khô Nha Trang rất quí ở đất Bắc, mực đem bán chợ đen rất được giá, vì thế mỗi người từ Nam ra Bắc chỉ được phép mang về làm quà dưới một kí-lô, nhiều hơn thế sẽ bị tịch thu, bị gán tội là đi buôn chui bán lậu.

— Đợi anh Dũng về, còn mấy con gà, thời buổi này chắc cũng

chẳng giữ nuôi làm gì, chị sẽ làm một bữa đánh chén, chú muốn ăn món gà Ki-Ép ấy chị sẽ nhờ anh đây làm cho.

Hai người dừng lại ở cổng, hắn nói nhỏ gì với người đàn bà rồi biến vào bóng tối.

Nhung trở lại bàn ngồi xuống thở trút ra.

— Ăn mất cả ngon. Nguội cả.

— Cô bỏ cho tôi nhiều thịt quá.

— Xã hội này mà chê thịt, đài nhỉ ?

Nguyễn gắp bỏ qua bát nàng, Nhung không mầu mè từ chối.

— Anh nhường cho em ăn phải không ?

— Em gọi con cho nó lên đây ngồi ăn cùng.

— Nó lẻn đi rồi. Anh khỏi lo cho nó, cô ả đã đánh một bụng, đem cả nửa cái ức gà rán với cái liễn cháo gà ra ngoài tuyến chia xẻ với thằng nhân ngãi rồi. Em bảo nó gói cái chân gà khoèo đưa cho thằng ấy mang về biếu cho mẹ nó. Cô ả quên cả súng ống ở nhà, thay vì vác súng đi giữ gìn bờ cõi, chỉ vác theo miếng thịt gà.

Nàng đưa mắt chỉ khẩu súng AK dựng ở góc nhà mà hồi nãy đứa con gái đã chĩa nhắm vào chàng khi chàng tiến vào nhà.

Nàng chép miệng: "Nhiều lúc nhìn bọn bé con thấy cũng tội nghiệp chúng lớn lên trong cái Xó Hôi Của Nó."

Nguyễn chợt nhớ lại lời người thanh niên nhắn chàng bảo Cúc để dành cho hắn cái chân gà. Như một định mạng. Cuộc tình của hai người trẻ tuổi nằm trọn trong cái cẳng gà khoèo. Không khéo sẽ thành mối tình khoèo.

— Tình hình biên giới căng thẳng như thế này sao em không đưa con về dưới xuôi cho an toàn.

— Em đã di chuyển hết mọi thứ về dưới Đồng Mỏ chỗ chị Ánh của em rồi, thỉnh thoảng ghé về đây chăm nom nhà cửa. Vườn tược không để mất một ngày là bị bẻ trộm, chẫn trộm mất hết hoa mầu. Em chỉ về đây vào mùa sáng giăng thôi, mùa giăng bọn nó không dám tràn sang đâu, cùng lắm chỉ bắn đại pháo qua quấy nhiễu, phá hoại thôi, có ngày chúng bắn đến hai trăm quả đại pháo sang bên này làm hư hại hết nhà cửa vườn nương... Còn con Cúc kẹt tuổi nghĩa vụ nên phải ở lại gìn giữ giang sơn, bờ cõi, trấn giữ biên thùy..."

Nhung nhếch mép như cười, Nguyễn không hiểu nàng cười vì cái phần cuối câu đã nói hay vì câu sắp nói ra "Vả lại cô ả thích ở lại đây vì có cái thằng nhân tình nhân ngãi đấy, cô ả xung phong ở lại..."

Cái đèn dầu hỏa, chiếc thông phong đen ám khói, bấc đã cháy ngắn sát xuống muốn tắt, Nhung vặn to thêm.

— Anh không ăn đi, bộ ngồi chọc cho vữa ra đó à. Em nấu chắc không ngon bằng cái người miền Nam đâu nhỉ.

— Mỗi người ngon một cách.

— Nói khéo nhỉ ?

Nhung thu dọn bớt chén bát.

— Nếu không mệt, để em pha chè cho anh uống. Em học được cái nghề hầu chè của ông cụ sẽ hầu anh đêm nay. chúng mình song ẩm. Anh đã được uống chè Đồng Đăng chưa?

— Chưa.

Chờ chàng ăn xong nàng mời chàng ra ngoài.

— Chúng mình ra hiên ngồi uống chè xem giăng thượng du.

Nguyễn ngồi xuống cái chõng tre đã ẩm hơi sương. Ánh trăng đục như sữa, dầy dặc phủ xuống núi đồi trùng điệp, sa mù thụng xuống những chỗ trũng.

Nhung đem cái hỏa lò than đặt sát bên chỗ chàng ngồi như cố ý để chàng sưởi ấm, đặt siêu nước con con lên rồi vào nhà lấy khay chè bưng ra:

— Bộ ấm chén chè Nghi Hưng này của gia tiên em để lại, em đem theo bên người như hình với bóng, tình nhân của em đấy. Bây giờ em chỉ còn một cái thú uống chè. Chè này chắc chắn anh chưa được thưởng thức đâu. Chè Đồng Đăng Kỳ Lừa, người ta bảo không ngon bằng chè Thái Nguyên nhưng đây là chè Tô Thị, thứ chè đặc biệt của em phá rừng, phá nương, khai khẩn, ương cây, tỉa cành, ướp bằng mồ hôi nước mắt, ủ bằng trái tim của Nàng Tô Thị. Từ ngày ông cụ bà cụ bị đấu tố, bọn em là bè lũ tiểu tư sản bị đầy lên rừng lên núi khai khẩn. Thằng Khôi, em của em lên Thái Nguyên, cái Nhạn ở Đồng Quan, chị Ánh ở Đồng Mỏ... Còn em thì thằng Cún chó con mê em, như anh biết em coi nó như con chó ghẻ, nó dùng những chước quỉ mưu thần, đứng trong bóng tối giật dây cho bọn tá điền, bọn lái đò, bọn cùng đinh đấu tố thầy me em tàn nhẫn để rồi nó ra tay nghĩa hiệp, em biết nhưng vì thầy me nên em đành phải lấy nó. Lấy em nên cũng bị ghép vào thành phần dính líu với tư sản và cũng tại vì em báng bổ chống đối cách mạng để trả thù nó nên cuối cùng nó cũng phải bỏ làng lên đây làm "lính thú" giữ biên thùy. Em đã đi theo nó khắp các nẻo thương du từ Đồng Gáo, Đồng Gội, Cán Voi, Cổ Rùa, Hoàng Pu Si đến Kim Bôi Hạ Bì...

Nhung đổ một nhúm chè ra lòng bàn tay rồi trải đều đưa ra trước mặt Nguyễn.

Chè một lá, có nghĩa là mỗi búp chỉ có một lá thôi, rất quí, trông nó cong cong gần giống như chè móng chim Ưng Trảo của Trung Quốc nhưng tuyệt nhiên không phải loại chè "móc câu" trắng, "móc câu" đen anh thường thấy bán đâu.

— Vì thế mới phải trèo đèo lội suối lên đây.

— Anh nhắc đến suối em mới nhớ, chè ngon phải pha bằng

nước suối, nước giếng khơi ở trên núi cao thật tinh khiết như nước Long Tĩnh, Thiên Tĩnh... các cụ bảo Tuyền dĩ trà vi hữu, suối là bạn của trà, tối nay em pha cho anh uống với nước suối Ải Nam Quan mà em đã múc vào lúc rạng đông ở bên bờ phía Tây đem về để dành.

— Đó là điều anh mơ ước. Nước Cà Mâu anh đã được uống rồi.

Nàng bỏ chè vào cái ấm đất gan gà màu tím Tử Sa rồi quỳ gối xuống đất bên cái chõng tre rót nước vào cái ấm, lắc nhẹ đổ ra ngay cốt chỉ để rửa chè, hâm ấm cho nóng và thấm chè cho ẩm.

Nguyễn biết nàng pha trà đúng nghi thức trà đạo của những vương trà ngày xưa.

— Nước trong ấm vừa đổ ra là nước Khất Cái, nước trà đổ đi cho những vương trà cái bang, những vua trà ăn mày.

Kế tiếp nàng rót nước sôi vào ấm trà, đậy nắp lại, rồi rót nước sôi vào cái khay dầm ấm trà cho nước và ấm nóng đều.

— Ngày mai là ngày hái chè em dẫn anh ra xem các cô sơn nữ hái chè, xem nương chè của em, anh sẽ thấy chè Tô Thị...

Nàng rót nước trà ra cái chén tống rồi lấy cái vỉ tròn bằng lụa Hà Đông có cạp tre xinh xinh, trông giống như cái khung thêu nho nhỏ, đậy lên.

— Nước này là nước Hoàng Đế dành cho anh.

Nàng chuyên trà từ cái chén tống qua chén quân.

Nguyễn nắm bàn tay Nhung khi nàng quì dâng hai tay chén trà cho chàng. Bàn tay sần sùi mấy ngón tay chai sạn u nần như bàn tay của một người bị chứng bệnh ngoài da kinh niên, những lớp sừng mọc giầy cộm lên từng đám nhám như đám địa tiền, lichen, như da loài giáp xác cổ quái, mấy cái móng tay nấm mọc biến dạng kinh dị.

Trong chiếc chén trà hạt mít nước trà trong xanh thấp thoáng màu lân tinh lấp lánh dưới trăng, trông như kim trà, trà pha kim nhũ.

— Anh xơi đi, chè phải uống nóng.

Nguyễn nhìn xuống chén trà, ánh trăng Tô Thị lao chao. Chàng từ từ dâng chén trà gần ngang mày cúi đầu mời Nhung rồi hạ chén trà xuống gần môi. Nhắm mắt lại.

Mùi trà thoảng hương thiền. Chàng nhấp một ngụm.

— Người từ miền xuôi trở về uống chén trà Tô Thị.

Nhung rót nước tiếp ra cái chén tống.

— Em uống đi chứ.

— Nước này là nước thứ ba gọi là nước Lão Bá, anh uống đi em uống nước tới, nước Bình Dân.

Nguyễn an ủi :

— Bây giờ em cũng đã thấy được công lao mình.

Nhung cười khẩy :

— Nó nào thuộc của mình. Bây giờ được cái nhờ thằng Cún nên chúng nó cho em làm chủ nhiệm cái hợp tác xã chè cũng dễ thở được một tí, hợp tác xã chè có tiếng nhưng chẳng có miếng, nhưng em yêu chè nên nhận làm chủ nhiệm, chúng nó giành nhau cái chức chủ nhiệm hợp tác xã thuốc lá... Cuộc chiến thù nghịch của Trung Quốc ở biên thùy làm hư hại mất cả mấy mẫu chè.

Nhung rót chè cho mình, nhấp một ngụm, nhìn ra xa vắng núi rừng, chép miệng.

— Tiếc là không còn, nếu không em sẽ ướp hầu anh thứ chè Trinh Nữ.

Nàng ngoẹo cổ qua bên nhìn vào mắt Nguyễn.

— Anh biết chè Trinh Nữ chứ ?

— Có nghe nói tới.

Nguyễn đã nghe nói đến thứ trà trinh nữ. Người ta dùng những giai nhân đồng trinh, cho ăn hoa thơm quả lạ, tắm rửa trầm hương để ủ trà. Xiêm áo cột túm ở cổ chân cổ tay rồi nhét những quí trà vào châu thân người đẹp để ấp ủ lấy hương trinh nữ...

— Anh tiếc không ?

— Với cái tang thương của đất nước, của con người, biết làm gì hơn.

— Em bây giờ, ... cái đó rách.

Nói xong, Nhung hơi ngượng, chợt nhớ là đã tự hứa sẽ ăn nói nghiêm chỉnh với Nguyễn, nhưng mấy chục năm trời nay nàng đã phải ăn nói hỗn xược, đã phải nhả nọc độc, đã phải đấu võ mồm để sống còn đã quen miệng rồi nên chưa kiềm chế ngay được miệng lưỡi mình. Nàng giảng giải để chữa thẹn:

— Đó rách ngáng chỗ. Mấy cụ nói thế đấy.

Nguyễn biết cái đó, cái đơm, những thứ để đánh cá. Hình dạng cái đó như cái ống, có cái hom, cá chui vào là ra không được. Đó rách ngáng chỗ chỉ đàn bà, chỉ nái xề nằm ngáng chỗ. Chàng cũng biết nàng nói "cái đó" là cái... ấy.

Nguyễn nhìn lơ ra ngoài nương chè nhưng lại chợt nhớ đến câu thơ trong bài Trăng Sáng Vườn Chè của Nguyễn Bính: "Anh chưa thi đỗ thì chưa động phòng". Chàng tinh nghịch vẫy vọc với cái thông minh của mình trong óc, nghịch ngợm với những chữ "chưa động phòng", "đó rách". Chưa kịp động phòng mà đó đã rách mất rồi.

— Anh cười gì vậy ?

— Chợt nhớ đến câu thơ Trăng Sáng Vườn Chè của Nguyễn Bính.

Nhung ngâm nho nhỏ.

"Đêm nay mới thật là đêm,
"Ai đem giăng sáng giải lên vườn chè.

Tình tứ nàng hỏi :

— Bây giờ thì anh thi đỗ rồi chứ gì ?

Nguyễn biết nàng ỡm ờ.

— Rồi. Nhưng người cũ sắp thành bà thành cụ rồi.

Nhưng vơ vào luôn :

— Nếu chưa có vợ, em gả con bé cho. Em sẽ dậy nó thay mẹ nó ủ chè.

Nguyễn biết cái bản năng giống cái, kể cả cái bản năng mẫu tử đã khiến nàng muốn con mình được hưởng, nàng đã vuột nhưng không muốn mất.

— Nhận em làm mẹ vợ có mà loạn.

— Loạn gì? Loạn lạc ấy à? Thà loạn còn hơn để lạc mất! Em sống với loạn lạc quen rồi, thế giới này có bao giờ hết loạn đâu, bây giờ chúng ta chẳng sống với loạn lạc là gì?

— Loạn lạc ăn nhằm gì, loạn luân mới sợ.

Nhưng tình tứ riễu cợt.

— Yếu lòng thế cơ à? Những trái tim tư sản đều thế cả!

Nhưng như một con đom đóm cái, con bọ ngựa cái còn muốn chờn vờn thưởng thức vũ điệu gợi tình trước khi muốn giao hoan xé xác con vật đực đang ngồi trước mặt mình.

— Anh chạy được cái giấy lên thăm em cũng giỏi đấy chứ.

— Phải mất ba bốn "Núi" đấy.

— Phí thế.

— Anh nghĩ còn ít vốn tiêu hết cho khỏi mất công giữ, trở thành khố rách áo ôm như mọi người cho hòa cả làng, vì vậy quyết làm một chuyến về thăm Bắc, rồi chuyện gì đến sẽ hay.

— "Thương em ba bốn núi cũng trèo" phải không ?

— Còn gian nan hơn Tam Tạng đi Tây Trúc thỉnh kinh.

— Hơn hai mươi năm rồi còn gì! Sao? Sau hai mươi mấy năm giời gặp lại em anh thấy thế nào? Anh vẫn cái vẻ phóng đãng, hào hoa, bao dung như ngày trước ngoại trừ hơi "bụ sữa"...

— Hồi nãy cô mắng tôi là cả ngố mà.

— Ngố thì vẫn còn ngố, nhưng em thích cái ngố tư bản đó. Chả thế mà khi mới lớn lên đã chết vì cái ngố đó, nhưng đó cũng là một điều may, mấy chục năm qua lại sống sót được nhờ cái ngố, cái ấm ớ đó.

— Em giờ có cái xác ve xã hội chủ nghĩa, cái mặt nạ cộng sản nhưng thấp thoáng vẫn thấy cái nét tư sản trong mắt, vẫn thấy trái tim tư hữu. Kinh ngạc là thấy cô bé chiêu lì ngày trước lại còn lỳ lợm hơn, Trưng Triệu hơn. Ăn nói nhiều lúc như kẻ vô sản, như tứ cố vô thân, nhưng vẫn còn cái tiếng nói Phố Hiến, tiếng nói Hà Nội

ngàn năm văn vật. Em vẫn là Việt Nam, vẫn ngọc ngà Âu Cơ, vẫn địa khai Hồng Bàng.

— Em đã phấn đấu, dù đã bị đày đọa, vẫn cố giữ trái tim tư hữu riêng em. Trái tim tư hữu cho một người. Trọn vẹn, thật trọn vẹn.

— Anh sẽ phải thụ giáo em để sống như một hạt than ròng nhem nhuốc nằm trong lửa hỏa ngục khai thiên lập địa, nằm trong những tai ương kinh thiên động địa của nhân tai, của thiên tai mà vẫn trở thành hạt kim cương sáng ngời như em.

— Em sẽ truyền bí quyết cho anh để thắp một ngọn lửa trong tim.

Tiếng mõ ở một nơi thật xa, có lẽ là tiếng cầm canh ở biên giới.

Tiếng mõ như là một thứ âm thanh mà sự im lặng đã dùng để đánh tiếng. Cả hai nhận ra cái giây phút im lặng đã đến. Nhưng bỗng thấy sợ im lặng.

— Anh dùng chè nữa không ?

— Đủ rồi.

— Nhìn khói trà chắc tối nay không ngủ yên được với bọn nó đâu.

Nhưng nhớ lại những lời nói nhỏ của Mộc ở cổng lúc chia tay là có tin bọn nó chuyển quân đêm nay.

— Khói trà bay lên mà tan ngay, theo cách bói khói trà của các cụ là có... gió bụi.

"Thuở trời đất nổi cơn gió bụi".

Nàng hít hơi dài như bị hụt hơi. Cái im lặng lại len vào choán tâm hồn hai người.

— Nghe nói trong Nam có chè Bảo Lộc ngon lắm.

— Ngon thì có thể ngon nhưng đời nào có được chè Tô Thị mà uống.

— Bữa nào em đem ấm chén vào Nam uống chè Bảo Lộc với anh.

— Anh sẽ đưa em lên Blao hầu trà em.

— Mới chỉ nghĩ đến mà đã thích rồi.

Nhưng thấy ngộp thở, thấy cần phải nói cho dễ thở. Nàng đứng dậy:

— Anh thấy cảnh giăng sáng vườn chè đẹp chứ nhỉ? Anh thấy hàng cây cao viền quanh phía bên kia nương chè không? Đó là hàng cây mận. Anh đã nghe nói đến mận tháp cây Lạng Sơn chưa? Mận tháp Lạng Sơn ngon nổi tiếng đất Bắc đấy. Sau vườn gần ngay đây là đám cây vải thiều cũng ngon nức tiếng. Hoa vải ướp chè rất thơm.

Nhưng nói một hơi không cần đợi Nguyễn trả lời. Nhưng rồi

cái im lặng vừa gạt qua bên lại ùa tới bưng bít, đè nén. Ngột ngạt.

— Để em vào xem con mụ bán gà cho anh nó biếu cái gì nào.

Nàng đem ra cái gói giấy mở ra: "Tưởng cái gì dùng được với chè, mấy con cá mực khô. Ăn cái này sau khi uống chè thì phàm phu tục tử quá".

Nguyễn giật mình. Nhung chợt nhớ ra: "Cái lũ này gian ngoan thật."

— Chắc gì đã là mấy con cá mực Nha Trang của anh bị mất.

— Ở đây đào đâu ra mấy thứ này, không phải con mẹ đó lấy, chắc lũ khốn nạn ăn cắp của anh rồi đem bán cho nó.

— Số lão Cún được nhắm rượu với cá mực Nha Trang.

Nhung gói lại.

— Thôi mặc chúng nó, có chè, có giăng đêm nay, có anh đủ rồi, nghe theo lời anh, sống thật với mình một đêm nay.

Bỗng dưng Nguyễn chợt nhớ đến con bé ranh con đã chửi rủa và vác đòn gánh định đánh bà cụ già, không chừng đó chỉ là một tấn tuồng để lôi cuốn sự chú ý của chàng hầu đồng bọn ăn cắp cái túi hành lý của mình.

Nhung thấy Nguyễn ngồi nghệt ra như có vẻ mỏi mệt.

— Để anh đi nghỉ sớm đi, nếu anh muốn xem hái chè em sẽ đánh thức anh dậy sớm. Ngày mai hái búp phải hái trước khi mặt trời mọc. Em sẽ tự tay chọn hái ít búp chè tốt nhất, chọn đúng lá, hái đúng cách, nấu cho anh một ấm ngay dưới gốc chè ở ngoài nương, ngồi thưởng thức chè chờ xem mặt trời mọc ở Ải Nam Quan. Có những sáng tinh mơ nấu ấm nước dưới gốc chè với nước suối, em ngồi chờ mặt trời mọc ra một ngày khác. Một ngày mơ ước. Có lẽ sáng mai là ngày em hằng chờ đợi.

"Đêm nay mới thật là đêm..."

— Anh muốn đặt chân đến Ải Nam Quan một lần.

— Dạo trước thì em có thể đưa anh đi được, bây giờ chắc trưa mai, nếu anh Dũng về em bảo anh ấy đưa anh ra, còn không em nhờ anh thượng tá quen đưa em và anh lên đó. Anh thấy cái khe núi kia chứ? Nàng đưa tay chỉ: "Ải Nam Quan đấy". Nhung thở dài, nói chỉ đủ cho Nguyễn nghe. "Nhân dân Việt chắc chẳng ai thấu hiểu hai chữ "đầy ải" bằng em, mấy chục năm trời, từng giờ, từng ngày, từng tháng từng năm ngồi làm việc khổ sai dưới này nhìn lên trên ải em nói với mình chẳng lẽ một đời bị đầy ải mãi sao, bị đầy ải đến bao giờ..."

Nguyễn thấy Nhung như loạng choạng muốn ngã. Chàng đứng dậy dang hết vòng tay ôm nàng vào lòng. Nhung bật khóc. Hai vai rung làm lay động ánh trăng. Một lúc thật lâu sau Nguyễn đưa tay lên vuốt tóc nàng, rồi đặt một cái hôn xuống trán nàng.

"Bây giờ họ kéo anh xuống địa ngục chia xẻ với em". Nhung

vẫn khóc nấc: "Ôm em thật chặt."

Những tiếng nổ rền vang, trong khi Nguyễn còn ngơ ngác Nhung đã kéo chàng hụp xuống "chúng nó pháo". Những đốm lửa loé lên lỗ chỗ trong bóng đêm, những tiếng nổ bèn bẹt. Tiếng mõ, tiếng kẻng, tiếng trống, tiếng phèn la, tiếng thùng sắt tây... vang dậy đồng vọng cả rừng núi.

Nhung cuốn vội bộ khay chè rồi kéo tay Nguyễn "Vào nhà anh, lũ khốn nạn lại bắn đại pháo qua bên này" hai người lúp xúp chạy vào nhà. Cơn mưa pháo vẫn rơi đều hạt nổ. Có những trái nổ thật gần như đâu đó ngoài nương chè, làm buốt tai chàng. Những trái cầu lửa màu cam như nổ tung ra từ mặt đất, rồi vụt tắt, đây đó trông như những khối cầu lửa khổng lồ nhấy tưng tưng dưới ánh trăng. Trên sườn đồi trong khe đá những chớp lửa và những tiếng nổ đục hơn của những khối thuốc bồi hột nổ đẩy đầu đạn đi từ những khẩu đại pháo ở bên này bắn qua bên kia đáp lời.

Nhung kéo chàng ra kế bên chỗ chuồng lợn. "Xuống hầm nhanh lên anh". Nguyễn chưa quen đường lạng quạng. Nhung mở nắp hầm ngụy trang ở dưới cái hầm chứa phân chuồng cho chàng. Tụt xuống lòng đất chàng đứng yên trong bóng tối, Nhung mò tìm diêm thắp cái đèn dầu hỏa. Nàng lấp miệng hầm lại.

— Bọn khốn nạn pháo qua không khéo lại hư hại mất mấy cây mận mà thôi, kỳ trước đã bắn tan nát cả chục gốc.

Cả hai đi lần theo con đường hầm dài hun hút mãi đến tận chỗ vách đá, Nguyễn theo nàng lách người vào trong khe đá ẩn sau một tảng đá lớn, bên trong như một cái hang thạch động. Cái động như một căn nhà ngầm dưới mặt đất đủ cả giường ghế bằng tre nứa, bếp củi...

— Cái hang này khoét từ lúc bọn em mới bị đưa lên đây, những mùa đông lạnh cứng người chịu không thấu phải chui xuống cái hang này ban đêm sống như người thượng cổ cho đỡ lạnh, đâu có nghĩ rằng đến thời buổi này lại dùng được vào việc tránh đạn bom.

Nhung để cái đèn lên chỗ lõm trong vách rồi đặt bộ khay chén xuống bàn, ngẩng lên chạm vào ánh mắt của cái ảnh họ Hồ nàng tiến đến chỗ cái ảnh nhanh như cắt nàng lật úp mặt lão vào tường, quay lại nhìn chàng rất tình tứ: "đâu có nghĩ rằng có ngày hôm nay lại là cái tổ ấm để tiếp khách quí ở đây."

Như sực nhớ ra điều gì nàng tiến lại một góc mở cái thùng.

— Anh cần thứ này không.

Nàng giơ trái lựu đạn ra trước mắt chàng.

— Cũng đã học qua cách xử dụng.

— Thôi để em lo. Anh chờ em tí. Nếu có mệt cứ nằm ngủ đi.

Nàng ôm theo mấy quả lựu đạn đi ngược trở lại phía miệng

hầm. Nguyễn biết nàng đi gài bẫy.

Một lúc sau nàng trở lại. Nguyễn còn đang lơ mơ nhưng nhắm mắt lại giả vờ ngủ.

Nhưng ngồi xuống gần cái bếp lửa rồi lại ngồi xuống bên Nguyễn đở cái chăn nhồi lông vịt đắp cho chàng khẽ hát ru nho nhỏ:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô-Thị đứng chờ đợi ai...

Nguyễn gối đầu lên tiếng ru đong đưa đi dần vào giấc ngủ.

Nhưng nghe tiếng ngáy đều đặn của Nguyễn, ngồi yên nhìn ngọn lửa nhen nhúm cháy lên.

Ngọn lửa càng ngày càng bốc mạnh cũng như lửa tình càng lúc càng bén trong người nàng.

Đến một lúc lửa tình thiêu đốt nàng thành ngàn thành vạn những đóm lửa, thành ngàn thành vạn những con đom đóm tình. Hàng ngàn hàng vạn những con đom đóm cái khát tình rực lửa yêu chờ đợi hỏa táng thiêu cháy, xé xác con đom đóm đực trong vũ điệu giao hoan.

Nhưng run bần bật không kềm hãm được thân xác mình nữa, đổ xuống ôm choàng lấy Nguyễn. Ngọn hỏa diệm sơn âm ỉ mấy chục năm giờ đã đến lúc nổ ra kinh thiên động địa.

Nguyễn choàng tỉnh dậy.

— Anh, làm thịt em đi! Ăn tươi nuốt sống em đi!

Nguyễn bàng hoàng. Cái bàng hoàng trở mặt qua thành cái tội nghiệp. Qua câu nói, nàng nói với tất cả hồn nàng, phơi bày ra cái nét mặt xã hội chủ nghĩa đói ăn. Cái đói ăn, thiếu ăn, thiếu chất thịt, thèm chất protein đã ăn sâu vào tận cái tiềm thức, đã khiến nàng thốt ra câu nói. Cái đói ăn, cái đói chất thịt đã biến con người thành cuồng điên, cấu xé ăn thịt lẫn nhau. Nguyễn nhớ đến chứng điên ăn thịt người Windigo của người da đỏ thuộc những bộ lạc Algonquin ở vùng trung Canada và Bắc Mỹ. Về mùa đông tuyết không đi săn thú kiếm ăn được, thiếu ăn, thiếu chất thịt, có kẻ hóa điên loạn bị chứng Windigo. Windigo con quỉ với trái tim bằng băng tuyết. Con quỉ Windigo với trái tim thúc giục con bệnh giết người ăn thịt. Trái lại một số những người bị Windigo lại mơ ước mình làm thịt để dâng hiến cả tâm hồn lẫn thân xác cho người mình yêu. Nàng muốn được chàng ăn tươi nuốt sống mình để chàng no đủ, để chàng sống còn, hơn ai hết nàng biết chàng cũng như mình sẽ bị đọa đầy đói khổ và ăn thịt nàng để nàng được hủy diệt cái thân xác đọa đầy trong tình yêu.

Con quỉ Windigo trong nàng, trái tim chưa hoá băng, lửa tình yêu còn rực cháy trong tim chưa hóa băng-đá-mùa-đông-Windigo. Nàng đang sống nghiệt ngã giữa cái xã hội ác quỉ Windigo mà trái

tim đã đóng băng đóng tuyết vạn niên rồi.

Nguyễn im lặng không nói ôm chặt Nhung vào người vỗ về.

– Giết em đi.

Khổ quá, anh chưa từng và không muốn làm kẻ gian phu.

– Anh cho em lăng loàn chăng ?

– Không, nhất định là không. Trăm lần không vạn lần không.

Nhung vùng vằng ngồi dậy.

Mặt đất vẫn rung chuyển vì những khối chất nổ. Nguyễn lặn hụp né tránh chàng muốn đánh thức nàng ra khỏi cơn mê cuồng tình bằng cách nhắc nhở đến con gái nàng.

– Con bé ở trên đó có sao không em ?

– Anh khỏi lo cho nó, nếu có chuyện gì nó đã biết đường hầm đến điểm chờ. Nó đã có người yêu của nó lo...

Nàng biết Nguyễn cầu cứu đến con nàng. Ngọn lửa tình được đổ thêm dầu hận vào. Để đối lại, nàng dùng chồng mình trả đũa "Thằng Cún chó con, giết được anh nó cũng giết, mà giết anh đối với nó đâu có khó, giết anh rồi đem quăng ra ngoài biên ải để được tuyên dương công trạng. Nó biết em yêu anh. Giết em, nó không muốn giết. Nó duy vật, nó hiểu, nó thù, nó hận nhưng nó lơ đi vì nó thèm, nó muốn hưởng cái hoa quả ái tình em dâng cho anh trong đêm qua thân xác em. Thân em trồng cây tình ái của anh cho nó hái hoa ăn quả.

Nguyễn ngồi dậy nắm lấy tay người đàn bà rồi đưa lên môi hôn.

Nhung ngã người vào lòng chàng :

– Giải phóng em đi anh! Giải phóng em đi anh! Em cho anh hết cả mấy chục năm trời đầy ải. Giải phóng em đi anh...

Nguyễn bủn rủn cả người hai tay ôm đầu.

– Bây giờ anh là kẻ chiến bại, là giặc, là ngụy.

– Anh đã giúp em chiến thắng, em sẽ giúp anh. Chúng nó trót lỡ, chúng nó trót dại chiến thắng các anh, chúng nó vô phúc chiến thắng các anh để rồi tự hủy, tự diệt. Hủy diệt từ trái tim. Không chóng thì chầy. Phải kiên trì.

Nguyễn cúi xuống đặt nụ hôn lên môi nàng.

– Tha thứ cho cái "ấm ớ" của anh. Biết làm sao hơn. Anh không những đã là một thứ ngụy quân... tử, con cái của ngụy, một thứ ngụy quân ngụy quyền mà còn là một thứ ngụy quân tử.

Nhung chỉ hiểu một nghĩa của chữ ngụy quân tử chàng nói, nàng giận dữ:

– Quân tử gì? Anh chỉ là thứ ngụy ngụy quân tử.

Nhung ôm mặt khóc. Cái nụ hôn bây giờ mới nở hoa. Mùi hoa của nụ hôn làm Nhung bỗng rùng mình tỉnh khỏi cơn đồng

thiếp, cơn đảo đồng, nàng bật đứng dậy cắm đầu chạy mất hút vào trong con đường hầm tăm tối.

Nguyễn nói với mình. "Anh biết. Anh chỉ là một thứ ngụy quân tử".

Chàng vật người xuống sàn tre nứa ngẩm nhìn lên nóc thạch động chàng chợt có cảm tưởng như vừa nằm trong hầm mộ đá, huyệt tận, lại vừa có cảm tưởng như trở về sống trong thời man di mọi rợ, khai nguyên. Bỗng dưng chàng sợ. Chàng sợ chính thân xác mình. Chàng sợ cái hiếu sinh lúc gần huyệt tận, sợ cái bản năng sinh tồn thú vật lúc nguyên sơ. Nguyễn sợ Nhung trở lại. Chàng sợ nàng trở lại với hai dòng nước mắt. Lần này chắc chàng sẽ trở thành một thứ ngụy gì khác nữa. Ngụy ngụy quân tử. Chàng muốn vượt thoát ra ngoài cái hang đá giam hãm. Đào tẩu. Mặt đất vẫn nẩy lên từng lúc, chàng biết mưa pháo chưa dứt. Đâu đó tiếng nổ thật gần như ngay ngoài miệng con đường hầm. Chàng nhắm mắt lại cầu xin đó không phải là tiếng nổ của trái lựu đạn gài bẫy...

NGUYỄN XUÂN QUANG
(Trích trong Trôi Nổi Nhưng Không Chìm)

TÌM MUA NGAY
TẠI CÁC HIỆU SÁCH

NGÀY THÁNG BỆNH BỒNG

tập truyện ngắn đặc sắc của
NGUYỄN VĂN SÂM

tác phẩm thứ ba Nguyễn văn Sâm xuất bản tại hải ngoại do Gió Việt xuất bản
Nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách phát hành khắp nơi.

Tác phẩm dày 190 trang. Giá 8 Mỹ kim.
Nếu bạn đọc không tìm thấy nơi hiệu sách địa phương, xin liên lạc về địa chỉ :
Nhà xuất bản Văn Nghệ :
PO Box 2301 Westminster, California, USA, 92683.

Phạm Duy

Nhạc tình Văn Cao (kỳ 3)

Thuở tôi còn nhỏ, ở Hà Nội thường có những người đi hành khất bằng giọng hát, nghĩa là họ đến trước cửa từng nhà để hát những câu chuyện cổ Việt Nam, hát xong thì ngửa tay xin tiền. Tôi vẫn còn nhớ hình ảnh người ca sĩ/ăn mày đó, miệng thì hát, tay thì đập vào cái hộp sắt bỏ trong túi áo để đập nhịp cho bài hát. Và hình như anh ta chỉ có một bài hát duy nhất để làm vũ khí cho nghề đi ăn xin của anh mà thôi! Đó là bài hát về anh Trương Chi :

Ngày xưa có anh Trương Chi
Người thì thậm xấu, tiếng hát thì thật hay
Cô Mỵ nương vốn ở lầu Tây
Con quan thừa tướng ngày rày cấm cung...

Sau này, tôi vẫn thường cám ơn thầm người hành khất bằng giọng hát đó, bởi vì ngay từ khi tôi chưa có đủ trí khôn để hiểu biết cuộc đời thì anh ta đã nuôi dưỡng tình cảm của tôi bằng một câu chuyện tình đẹp ngang với những chuyện tình đẹp nhất trên thế giới !

***

Câu truyện cổ tích về anh Trương Chi *người thì thậm xấu, tiếng hát thì thật hay* mà ca nhạc cổ truyền đã xưng tụng qua hình thức **hát rong, hát dạo, hát xẩm**... cũng đã được các thi sĩ, văn sĩ của thời nay nhắc tới, chẳng hạn như trong bài thơ BÀI CA NGƯ PHỦ của Vũ Hoàng Chương mà Hoàng Thư đã ngâm lên một cách mê ly trên các đài phát thanh ở trong nước cách đây hai, ba mấy chục năm. Thạc sĩ Phạm Duy Khiêm thì viết truyện LE CRISTAL D'AMOUR bằng Pháp ngữ, in trong cuốn Légendes Des Terres Sereines. Thi sĩ Hoàng Cầm còn dùng truyện cổ đó để soạn vở kịch thơ TIẾNG HÁT với nội dung chính trị: không ai nhốt giam nổi tiếng hát, kể cả Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Chứng cớ là ngày hôm nay, HOÀNG CẦM CA vẫn được hát lên!

Trong giới Tân Nhạc, thì có Hùng Lân viết bài HẬN TRƯƠNG CHI, Phạm Duy viết bài KHỐI TÌNH TRƯƠNG CHI và VĂN CAO viết bài TRƯƠNG CHI.

Vài bài hát nói lên một nỗi hận, Hùng Lân không kể chuyện anh Trương Chi, ông chỉ mượn một nhân vật tiêu biểu cho giới cầm ca để nói luôn đến chuyện Tử Kỳ và Bá Nha, chuyện người hát hay, đàn hay mà không có người thưởng thức. Phạm Duy là tôi lúc còn ấu trĩ, thì khách quan kể lại câu truyện cổ truyền. Riêng chỉ có Văn Cao là nói tới nhân vật tài hoa truyền kỳ này, nói tới sự não nuột trong tiếng nhạc Trương Chi, tới con người và số phận, đồng thời cũng là nói về mình !

⁂

*K*hông phải bây giờ Văn Cao mới nói tới Trương Chi. Người Sông Ngự đã đưa hồn Trương Chi vào hồn mình từ lâu rồi! Từ khi nói tới một trong những *chiều năm xưa* có những *cung đàn năm xưa* ấy réo rắt lên, bên một người con gái đẹp... mà

... gót hài khai hoa
Mắt huyền lưu Xuân
Dáng hồng thơm hương...

đã khiến cho chàng Trương/Văn Cao phải đưa vào mộng mị:

Chiều năm nay
Tiếng người khơi thương
Tiếng đàn giao hoan
Giấc mộng chàng Trương...

Lúc đó, Văn Cao chỉ mới hé lộ cho ta thấy tâm hồn của ông là tâm hồn của chàng ngư phủ thất tình họ Trương. Bây giờ, ông phát triển tiếng hát câm lặng đó bằng một trường khúc não nuột nhưng cũng rất kiêu xa.

⁂

*B*ài hát mở đầu bằng những câu nhạc dài, giống như trong bài THIÊN THAI, nhưng có tính cách mô tả nhiều hơn.

Trương Chi

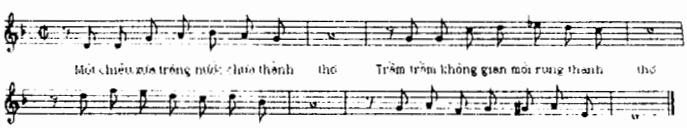

Một chiều xưa trăng nước chưa thành thơ
Trầm trầm không gian mới rung thành tơ
Vương vất heo may hoa yến mong chờ
Ôi tiếng cầm ca, Thu tới bao giờ !

Kiêu xa lắm chứ! Khi Văn Cao cho rằng từ lúc mới có Trời, có Đất... khi chưa có Thơ thì đã có Nhạc rồi! Và chỉ có nhạc thì mới kéo được mùa Thu tới cho loài hoa, loài chim, loài người...

Rồi cũng với câu nhạc đó, Văn Cao đưa tiếng nhạc của Trương Chi tới Mỵ Nương...

Lòng chiều bơ vơ lúc thu vừa sang
Chập chùng đêm khuya thức ai phòng loan
Một cánh chim rơi trong khúc nhạc vàng
Đây đó từng song he hé đợi đàn ...

Một nét nhạc khác cho ta thấy Mỵ Nương vui vẻ chờ đợi tiếng hát :

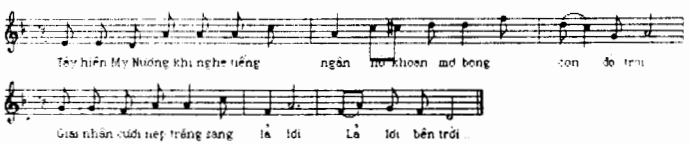

Tây hiên Mỵ Nương khi nghe tiếng ngân
Hò khoan mơ bóng con đò trôi
Giai nhân cười nép trăng sáng lả lơi
Lả lơi bên trời...

Nét nhạc bây giờ vút lên, như tiếng nức nở của Trương Chi sau khi Mỵ Nương bị thất vọng về cái nhan không có sắc của anh:

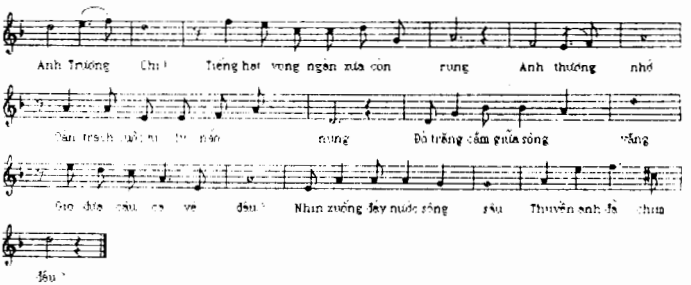

Anh Trương Chi! Tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung
Anh thương nhớ, oán trách cuộc từ ly não nùng
Đò trăng cắm giữa sông vắng
Gió đưa câu ca về đâu ?

Nhìn xuống đáy nước sông sâu
Thuyền anh đã chìm đâu !

Thuyền anh đã chìm sâu, có nghĩa là anh đã gieo mình xuống sông tự tử, nhưng oan hồn của anh còn đó khiến cho tiếng hát vẫn không tắt nghỉ. Khách giang đầu còn được nghe mãi mãi tiếng than khóc của Trương Chi :

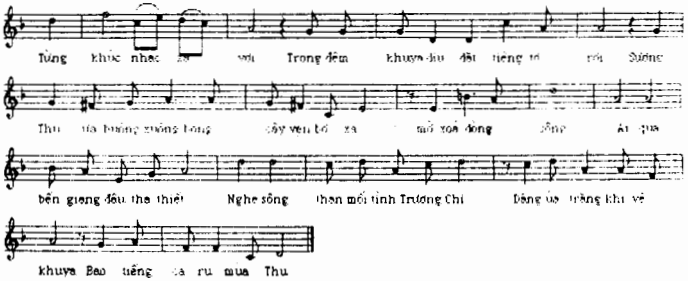

Từng khúc nhạc xa vời
Trong đêm khuya dìu dặt tiếng tơ rơi
Sương thu vừa buông xuống cây ven bờ xa mờ
xóa dòng sông
Ai qua bến giang đầu tha thiết
Nghe sông than mối tình Trương Chi
Dâng úa trăng khi về khuya
Bao tiếng ca ru mùa Thu

Nhưng Trương Chi có thực sự than khóc cái nghèo nàn, cái xấu trai của mình hay không? Ta hãy nghe Văn Cao chuyển cung từ "RE thứ" qua "SOL trưởng" một cách sướng tai vô cùng, để diễn tả giọt mưa rơi ngoài song cửa Mỵ Nương, như rơi trên những cung đàn huyền diệu... Mưa cũng rơi trên con thuyền ngoài dòng sông lạnh, thuyền này chưa chắc đã là của anh Trương Chi :

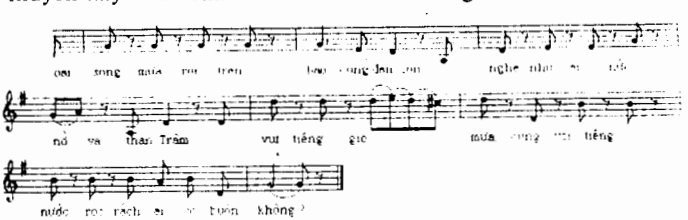

Ngoài song mưa rơi trên bao cung đàn
Còn nghe như ai nức nở và than
Trầm vút tiếng gió (ó o o) mưa
Cùng với tiếng nước róc rách ai có buồn chăng ?

Lòng bâng khuâng theo mưa đưa canh tàn
Về phương xa ai nức nở và than
Trầm với tiếng gió (ó o o) vương
Nhìn thấy ngấn nước lấp lánh in bóng đò xưa.

Vào thuở năm 1946 đó, trong lúc Tân Nhạc mới chập chững biết đi mà Văn Cao đã viết được những câu nhạc diễn tả giọt mưa tài tình như vậy, thật là hiếm có! Nếu ta nhận ra được nét nhạc "SOL trưởng" trong đoạn *mưa rơi trên cung đàn* này là **nhạc ngũ cung** thì ta lại càng yêu quý Văn Cao hơn lên.

*
* *

Câu chuyện tình éo le nhưng rồi cũng kết thúc một cách đẹp đẽ: Trương Chi chết đi nhưng vì cuộc tình chưa thỏa cho nên trái tim không chịu tan đi và hoá thành ngọc đá. Rồi người đời đem viên ngọc đó ra để làm thành một chén trà dâng tặng gia đình nhà quan. Trong một tiệc trà, Mỵ Nương bưng chén ngọc lên, thấy hình ảnh chàng ngư phủ cất tiếng hát trong miệng chén. Thương nhớ con người và giọng hát năm xưa, nàng rơi lệ! Giọt nước mắt nhỏ xuống chén ngọc. Thế là mối oan tình từ bao năm nay đã được thỏa mãn. Và bây giờ thì chén ngọc, hay là trái tim của Trương Chi, mới chịu tan đi...

Văn Cao không đả động tới chuyện đó. Ông chỉ tiếp tục xoáy vào nhân vật Trương Chi :

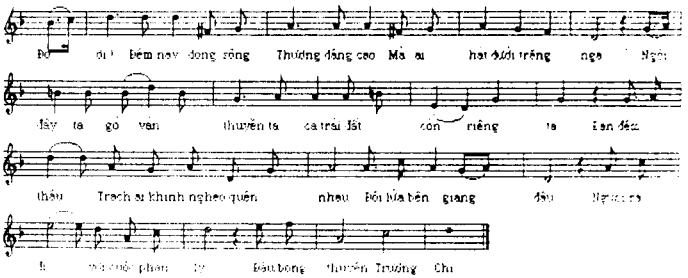

Đò ơi! Đêm nay dòng sông Thương dâng cao
Mà ai hát dưới trăng ngà
Ngồi đây ta gõ ván thuyền ta ca trái đất còn riêng ta
Đàn đêm thâu! Trách ai khinh nghèo quên nhau
Đôi lứa bên giang đầu
Người ra đi với cuộc phân ly
Đâu bóng thuyền Trương Chi.

*
* *

Như tôi đã nói: Văn Cao không kể lại câu chuyện Trương Chi/Mỵ Nương. Ông chỉ tỏ thái độ của chàng Trương sau khi thất tình, trước khi chết cũng như sau khi chết:

Ngời đây ta gõ ván thuyền
Ta ca trái đất còn riêng ta !

Tâm hồn tôi đẹp — vì tôi hát hay mà — nhưng hình hài tôi xấu, người không yêu tôi à? Thì tôi vẫn có cuộc đời hay trái đất này để ra một tuyên ngôn: Trái đất còn riêng ta! Trách ai khinh nghèo quên nhau! Trách ai? Trách chính quyền hay trách người đời không bao giờ dung nổi con người nghệ sĩ? Ta vẫn còn riêng Ta. Đó là ý nghĩa của bài TRƯƠNG CHI.

*
* *

Người Việt Nam yêu nhạc, trải qua gần 50 năm lịch sử của Tân Nhạc lúc nào cũng sẵn sàng bị phản bội! Không phải tới bây giờ, ở trong những cộng đồng Việt Nam trên hải ngoại, những nhà tái bản sách nhạc, những con buôn của nghề sản xuất lậu băng nhạc, những ca sĩ không biết tự trọng... luôn luôn khinh miệt người sáng tác bằng cách sử dụng bừa bãi những tác phẩm làm bằng mồ hôi và nước mắt của tác giả như: không xin phép, không trả tác quyền, không đề tên tác giả trong bìa băng, **không hát đầy đủ lời ca của tác phẩm**... Ngay từ hồi Văn Cao viết bài tình ca bất hủ TRƯƠNG CHI này, người ta cũng không bao giờ chịu để ý tới lời 2 của nhạc phẩm để in ra hoặc hát lên. Hôm nay, tôi có dịp để ghi lại những lời ca đẹp như trái tim ngọc đá của ngư phủ họ Trương:

Từ ngày trăng mơ nước in thành thơ
Lạc loài hương thu thoáng vương đường tơ
Ngây ngất không gian rên xiết lay bờ
Bao tiếng cầm ca rung ánh sao mờ.
Nhạc còn lưu luyến nhắc ai huyền âm.
Lạnh lùng đôi dây tố lan trầm ngân
Trong lúc đêm khuya ai lóng tiếng cầm
Thu đã chìm xa xa ánh nguyệt đầm.

Khoan khoan đò ơi! Tương tư tiếng ca
Chàng Trương Chi cất lên hò khoan
Đêm thu dài đến, khoan tiếng nhạc ơi !
Nhạc ơi, thôi đàn !

Có một điều buồn đến với tôi khi hát lên lời 2 của bản TRƯƠNG CHI này! Văn Cao tiên tri cái ngày mà ông không được phép đàn hát nữa? Như đã xảy ra sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm? *Đêm Thu dài*

đến, khoan tiếng nhạc ơi! Nhạc ơi. Thôi đàn... Đêm Thu đến với Văn Cao, quả rằng nó đã quá dài! Dài tới 30 năm lẻ! Văn Cao đã chết đi như Trương Chi, trái tim chàng có lẽ cũng đã thành viên ngọc đá. Ai là người sẽ nhỏ lệ lên trái tim Văn Cao ?

PHẠM DUY

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI :

SAU NGÀY TANG

tuyển tập truyện ngắn
của VŨ NAM

do Trung Tâm Văn Hoá Phật Giáo Việt Nam tại Hannover Tây Đức xuất bản và phát hành do Nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành tại Bắc Mỹ

Tuyển tập truyện ngắn đầu tay của một cây bút trẻ tại Tây Đức, gồm những truyện ngắn đầy tinh thần tranh đấu và đậm đà tình tự quê hương.

Bạn đọc tại Âu châu muốn có sách xin liên lạc :
Trung tâm văn hoá Phật giáo V N tại Tây Đức.
Eichelkampstr 35 A 3000 Hannover 81
West. Germany.

Bạn đọc ở Bắc Mỹ tìm mua tại các hiệu sách hoặc liên lạc với :
Nhà xuất bản Văn nghệ
PO Box 2301 Westminster, CA 92683 USA

Giá mỗi cuốn bán tại Tây Đức :
9 Đức mã kể cả bưu phí
Giá mỗi cuốn bán tại Hoa Kỳ:
5 Mỹ kim

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối.

CHƯƠNG BỐN
TRẠI THANH LIỆT, HÀ ĐÔNG
XVI
Cuộc sống trong xà lim.

Đợt làm vệ sinh buổi sáng đã chấm dứt. Tựa lưng vào tường, tôi ngồi duỗi chân trên tấm ván gập ghềnh, chờ đợi ánh nắng hừng lên ở bên ngoài và gián tiếp hắt ánh sáng mờ nhạt vào xà lim tối và ẩm thấp. Từ ngày bị bắt, tôi vốn đã quen chờ đợi. Giờ đây, trong cô quạnh, tôi phải chờ đợi nhiều hơn: một tiếng gà gáy, một bước chân người, một giọng nói từ xa vọng lại... nghĩa là bất cứ một tín hiệu nào của cuộc sống khả dĩ xoá tan trong khoảnh khắc sự vắng lặng ray rứt của không gian, và nhất là đánh một dấu chấm, ghi một điểm nhỏ trong dòng thời gian vô tận. Nhưng, trong hoàn cảnh tù đày, thật khó mà dự đoán, mỗi buổi sáng, những gì sẽ xảy ra trong ngày: cái cảm tưởng bất an và ý thức bấp bênh của cuộc sống vụt trở lại trong lòng tôi... Dù sao, tôi cố tạo cho mình một thái độ thích nghi: cố giữ cho tâm trí khỏi giao động trước mọi biến cố, và bình thản chuẩn bị sống thêm một ngày tù nữa.

Đột nhiên có tiếng đóng tấm ván phía trên cánh cửa, tạm gọi là cửa sổ cũng được. Chắc có người tù nào cần phải đi ra. Đóng xong loạt cửa sổ từ đầu đến cuối dãy nhà, người công an lạ mặt quay trở lại, và không ngờ dừng lại trước xà lim tôi. Có tiếng chìa khóa lách cách trong ổ khóa. Một người mặc thường phục đứng trước cánh cửa hé mở, gọi với vào :

— Đi !

Nhìn con người đứng tuổi, gầy và thấp, có đôi mắt con to con nhỏ, tôi không muốn hỏi là đi đâu, vì thừa biết rằng có hỏi cũng không được trả lời. Anh ta đưa tay làm hiệu, giục tôi bước nhanh

ra. Song song với anh ta, tôi vượt qua dãy xà lim, rẽ phải để vòng ra phía trước, và tiến vào một mảnh sân khá rộng có trồng mấy cây nhãn cành lá sum suê. Phía bên trái, ở cuối sân, sau một giàn mướp xanh tươi, một ngôi nhà dài nằm thẳng góc với dãy xà lim. Tôi rẽ về hướng ấy. Theo thói quen trong những trường hợp tương tự, tôi vừa đặt từng bước chân, vừa suy nghĩ: họ đưa tôi đến đâu? Gặp cán bộ quản giáo để được phổ biến nội quy của trại, hay "làm việc" với các cán bộ chuyên về hỏi cung? Tôi đến gần ngôi nhà dài với những tấm cửa kính sơn màu lục đậm, đứng ở ngoài không thấy được bên trong, rồi bước qua một cánh cửa đã được mở sẵn. Trong gian phòng trống trải, một người mặc áo sơ mi kaki đã bạc màu ngồi đợi sau một cái bàn nhỏ. Trên mặt bàn, cạnh một cái túi xách bằng vải, lòng thòng một cái ống nghe. Người y sĩ — chắc đó là một y sĩ — chỉ chiếc ghế kê phía trước bàn:

— Anh ngồi xuống đây. Có được khoẻ không?

— Sau một chuyến đi dài hạn, tôi còn mệt mỏi lắm. Hồi ở Hà Tĩnh, tôi bị cảm lạnh. Hôm qua, sau khi tắm xong, lại bị lạnh buốt ở lưng, đến bây giờ chưa hết.

Người y sĩ có nước da ngăm ngăm đen và đôi gò má cao cười nửa miệng một cách bí hiểm:

— Anh sẽ được nghỉ ngơi cho lại sức.

Tôi sẽ tiếp tục kéo dài những ngày đen tối trong xà lim chật hẹp chăng? Tôi suy nghĩ về câu nói có vẻ mỉa mai ấy, trong lúc người cán bộ y tế nghe tim phổi, đưa cho tôi mấy viên vi-ta-min B và C, rồi bước ra cửa, gọi to:

— Anh Sự !

Sự, người có đôi mắt lệch vừa mới dẫn tôi đến đây, từ phòng bên cạnh chạy vội sang. Sau khi nghe người y sĩ hạ giọng dặn dò mấy câu, Sự đưa tôi trở về xà lim. Anh ta mở cửa cho tôi vào, và thay vì đóng lại như thường lệ, vẫn đứng ở cánh cửa hé mở, lạnh lùng nói:

— Anh lấy quần áo, chăn màn, và cái bô rồi đi theo tôi.

Tôi ngạc nhiên nghĩ đến một vụ chuyển trại bất ngờ, và lặng lẽ theo Sự vượt qua bể nước, vòng ra phía trước ngôi nhà, rồi ngừng lại trước xà lim số 12. Sự mở cửa cho tôi vào và đóng lại. Thế là tôi được chuyển ra xà lim phía trước. Có lẽ người y sĩ, sau khi xác nhận tình trạng sức khoẻ sa sút của tôi, đã có quyết định ấy. Thực vậy, xà lim này cũng chật hẹp và kiến trúc giống hệt như xà lim tôi vừa rời khỏi, nhưng sáng sủa hơn, khi tấm cửa sổ được mở ra, vì nó trông ra mảnh sân rộng trồng nhãn mà ban nãy tôi đã đi băng xéo qua. Khi cửa sổ được đóng lại, có lẽ nó cũng không quá tối tăm, vì ở phía trên, sát trần nhà, ngay dưới mái hiên, có một cái lỗ trống nhỏ bằng hai bàn tay với hai song sắt, có thể để lọt ánh sáng

từ ngoài vào. Và thay vì tấm ván nằm, một cái giường cũ kỹ kê sát tường phía sau.

Đặt cái bô vào một góc, xếp gọn quần áo và chăn màn lên giường xong, tôi ngồi nhìn ra ngoài sân, qua tấm cửa sổ đã được mở ra, chắc vì không còn ai đi khám bệnh nữa. Trước mặt, trải dài mảnh sân không được bằng phẳng, đất nện không đều, có chỗ bị nước mưa chảy làm xói mòn thành những đường trũng ngoằn ngoèo. Một bức tường lở lói chạy dọc phía bên kia sân. Một số viên gạch đã được rút ra để trổ một cái cống tò vò ăn thông qua phía bên kia. Ở cuối sân, bên phải, đối diện với gian nhà dài dùng làm phòng khám bệnh và có lẽ làm văn phòng của trại giam, mái ngói của mấy ngôi nhà nhỏ nhô lên sau một bức tường khá cao. Phía trái, cuối dãy nhà dùng làm văn phòng, thấp thoáng một lối đi hẹp quanh co nấp sau mấy cây nhãn mới trồng, tàn lá la đà rủ xuống gần tận mặt đất. Thỉnh thoảng, từ trên ngõ hẻm đó, mấy tay cán bộ mặc thường phục lửng thửng đi đến dãy xà lim, hoặc chui qua cái cống gạch tò vò nham nhở để qua khu bên kia. Gần tôi hơn cả, ngay xế cửa xà lim, đứng sừng sững một cái bể nước khá cao, có lẽ dùng để chứa nước mưa từ mái ngói đổ xuống. Nhớ lại những ngõ ngách khúc khuỷu đã đi qua trong đêm đầu tiên đến trại, tôi đoán rằng trại này khá rộng, gồm nhiều khu riêng biệt, và khu xà lim này được sử dụng để biệt giam những tù nhân thuộc loại "trọng tội" hoặc "nguy hiểm". Nhưng khu vực này, kể cả ngôi nhà dài dùng làm văn phòng, không được bảo quản tươm tất, mặc dù có một số thường phạm phục vụ cho trại giam. Tại văn phòng, mấy tấm kính vỡ chưa được thay thế; mặc tiền lỗ chỗ tróc hết lớp vôi phủ ngoài, để lộ những mảng gạch non loang lổ. Trên mặt sân, rác rưởi không được quét dọn. Một đống gạch vụn nằm ngổn ngang cạnh cái cống tò vò.

Sau mấy ngày sống trong bóng tối gần như hoàn toàn, giờ đây được nhìn thấy ánh nắng sớm chảy tràn trên mảnh sân rộng, được ngắm những lá nhãn xanh tươi đong đưa theo làn gió nhẹ, và lâu lâu thấy một vài người qua lại trên sân, tôi như nhận được một niềm an ủi. Đồng thời, tôi phát hiện rằng lòng mình trở nên nhạy cảm hơn đối với mọi sự đổi thay nhỏ nhặt trong cuộc sống thiếu thốn, bị cách ly hẳn với xã hội bên ngoài. Tuy nhiên, nỗi cô đơn vẫn đè nặng trên tâm trí tôi...

Một người cán bộ bỗng dừng lại trước cửa sổ và đưa cho tôi một tờ giấy mỏng:

— Đây là nội quy của trại. Anh đọc kỹ, rồi dán vào tường.

Nội quy này cũng tương tự như những nội quy được áp dụng tại các trại giam ở trong Nam: không được liên lạc với những tù nhân ở các phòng bên cạnh, không được dùng ngoại ngữ, cấm ca

hát, ngâm thơ, làm náo động trại giam, tôn trọng giờ giấc ăn ngủ, muốn làm gì, phải báo cáo với cán bộ trước... Nhưng ngoài những điều khoản khắc nghiệt ấy, còn có những điều khoản thật mơ hồ, muốn giải thích thế nào cũng được, nên làm cho nội quy trở nên nguy hiểm như một sợi dây thòng lọng treo trên đầu tù nhân, chẳng hạn như "không được loan tin thất thiệt, gây hoang mang cho các tù nhân khác trong trại"... Cho nên, để khỏi bị trừng phạt, nghĩa là, – ngoài việc bị phê bình, cảnh cáo —, bị giam vào phòng kỷ luật, cùm chân và giảm mức ăn, người tù phải thuộc nội quy và luôn luôn cảnh giác đối với những âm mưu của các cán bộ.

*
* *

Những cánh cửa sổ đã được đóng lại. Chắc là sắp đến giờ ăn. Tôi nhìn kỹ và ghi nhận bóng đen của cái bể nước cao ngả chéo vào một bên sân để làm một cái mốc mà nhớ thời gian, và chờ đợi đến lượt ra lấy cơm. Nhưng tôi ngạc nhiên khi nhận thấy các lớp cửa không được mở ra theo thứ tự từ xa đến gần như ở những xà lim phía sau. Vừa có tiếng mở bên trái, lại nghe mở ở bên phải, cách tôi hai, ba xà lim, rồi mới đến lượt tôi. Tôi ghi nhận sự kiện ấy để tìm hiểu sau. Khi tôi bước ra, Sự trừng mắt nhìn, rồi nói với một giọng khá xẳng:

— Anh bỏ kính ra. Có đọc sách báo gì đâu mà phải mang kính?

— Nếu không mang kính, tôi nhìn không rõ, đi lại không vững, và không lấy cơm nhanh chóng được.

— Ở các trại trong Nam, cán bộ có cho anh mang kính không?

— Tôi vẫn mang kính từ ngày bị bắt cho đến hôm nay.

— Vậy tạm cho anh giữ cặp kính trong một thời gian, rồi sẽ xét lại. Nhanh lên !

Nói xong, Sự ưỡn ngực, hất hàm nhìn tôi với một thái độ đe dọa. Tôi suýt bật cười khi nhận thấy anh ta muốn làm oai, nhưng chỉ giương được con mắt to bên phải, còn con mắt nhỏ vẫn giữ nguyên cỡ ti hí của một con mắt lươn.

Trên chiếc bàn dài kê sát mặt sau của cái bể nước, còn lại 6 phần ăn, trong đó có 2 phần gồm một ổ bánh mì nhỏ đặt ngang trên bát canh. Thấy tôi phân vân chưa biết nên lấy cơm hay bánh mì cho đúng cách, Sự giải thích:

— Nếu anh muốn ăn bánh mì, thì phải báo cáo với cán bộ phụ trách. Lần này, anh cứ lấy cơm đã.

Như mọi lần, bữa cơm kết thúc nhanh chóng. Cánh cửa sổ lại được mở ra. Ngồi trên giường, gần sát cửa, tôi vừa uống nước vừa nhìn ra sân. Một đàn gà khoảng 6, 7 con trống mái, và một đàn gà con từ bên kia bức tường trước mặt lũ lượt kéo nhau chạy đến. Một vài miếng bánh mì từ trong các xà lim được vất ra. Gà tranh

nhau mổ, có con chạy hẳn lên trên nền gạch, dưới mái hiên. Thật khó hiểu. Cơm và bánh mì ít như vậy, ăn hết sạch vẫn còn đói, tại sao còn có thừa để ném cho gà ăn? Mà gà của ai? Chỉ có thể là của các cán bộ công an. Đàn gà tranh nhau đớp những miếng bánh mì, đuổi nhau, cắn nhau, đá nhau. Một con gà trống dềnh dàng, đôi chân cao, ngực và cổ trụi lông để lộ làn da ửng đỏ như một con gà đá, đuổi một con gà mái lông vàng với đàn con lau nhau ra xa, rồi một mình đứng lại trước thềm, chờ đợi. Mấy con gà trống nhỏ, thấp, lông đỏ, thuộc loại gà kiến, cũng sợ oai con gà cồ, vội vàng tránh xa ra phía giữa sân. Những ruột bánh mì trắng, vo tròn như một cục bông, liên tiếp được ném ra từ những cửa sổ khác nhau. Con gà mái vàng đuổi theo một miếng bánh mì, rối rít kêu cục cục, gọi đàn gà con. Mấy con khác chạy tứ tán, rượt theo miếng ăn vất ra từ nhiều hướng và rơi xuống mặt sân theo những khoảng cách khác nhau.

Đàn gà nhắc tôi nhớ lại mấy con heo gầy đét của các cán bộ Việt Cộng đã xông vào chỗ nằm của chúng tôi trong trại Ba ở Thừa Thiên để lục lọi những mẩu sắn con mà chúng tôi để dành ăn vào buổi tối hầu dằn bụng trong những đêm khuya thao thức, và tôi cố tìm hiểu lý do của sự thừa thãi và phí phạm bánh mì của một số tù nhân ở trại này. Phải rồi: ban nãy, cán bộ không mở cửa cho chúng tôi ra lấy cơm theo thứ tự từ đầu đến cuối dãy nhà, mà mở lộn xộn, bên phải rồi bên trái. Như vậy, có nghĩa là có một số người phải ra lấy phần ăn trước những người khác, và cán bộ không muốn cho những người sau biết được những người trước đã lấy những gì. Khi người bên trái tôi lấy cơm xong, Sự đi qua xà lim tôi để mở cửa một xà lim ở bên phải, và người tù ở trong xà lim này đi ra với những bước chân nặng trịch của một con người có thân xác to lớn. Có lẽ đó là một người Mỹ, và những tù nhân Mỹ được ra lấy cơm trước. Mà có lẽ họ được hưởng một tiêu chuẩn cao, thực phẩm đầy đủ hơn, nên mới có thừa bánh mì cho gà ăn. Chúng lẩn quẩn trong sân, ngóng cao cổ chờ đợi thêm một lúc nữa, rồi khi nhận thấy không còn ai ném những mẩu bánh mì ra, đành lục tục kéo nhau trở về phía bên kia bức tường, xuyên qua dưới cái cổng tò vò. Không biết những con gia súc của cán bộ được ăn thêm như vậy đã no chưa, còn tôi, tôi vẫn đói, hơn thế nữa, có cảm giác rõ rệt đói hơn khi chưa ăn.

Nắng trưa lặng lẽ trải vàng trên sân, và mặt nước trong bể chứa phản chiếu lại, dội một mảng nắng trên mặt tường xà lim, dưới mái hiên. Mấy khóm nhãn đứng lạnh lùng, bất động. Những mảnh chai vỡ cắm trên ngọn tường bên phải lấp lánh sáng, dữ tợn như hàm răng của một loài mãnh thú. Phía sau bức tường, chắc có những xà lim đặc biệt. Bên kia sân, trên mặt bức tường dài, một

cây leo uốn những đường cong mềm mại với những ngọn lá màu lục nhạt buông rủ xuống tận chân tường. Giữa đám lá xanh tươi, lấm tấm điểm mấy đóa hoa tím như màu hoa bèo Nhật Bản. Có lẽ đó là một loại đậu. Trong khung cảnh khô cằn của lao thất, màu tím của hoa lâng lâng xoa dịu nỗi cô đơn buồn bã của cuộc sống lưu đày. Nó gợi nhớ đến những cánh hoa sim mộc mạc màu hồng phớt tím trang điểm cho những biệt thự xinh xắn thấp thoáng sau những rặng thông Đà-lạt. Tôi bỗng nhận chân giá trị tương đối của sự vật, trong hoàn cảnh của những người bị mất tự do và buộc phải sống trong một môi trường trơ trụi. Ở ngoài xã hội, có lẽ tôi không chú trọng mấy đến màu hoa tím ấy. Nhưng trong lúc này, nó đem lại cho tâm hồn tôi mấy phút thăng bằng, giúp tôi hồi tưởng quá khứ. Nó không có giá trị tự thân, nhưng nó có tác dụng gợi lên, nhắc lại, để tôi có thể đi "tìm thời gian đã mất". Rồi đây, trong những ngày tù đằng đẵng, chắc hẳn tôi sẽ cố gắng tìm gặp chiếc bánh madeleine của nhà văn hào nọ.

*
* *

Đàn gà đã rủ nhau ra về từ ban nãy. Tàn lá mấy cây nhãn tròn như hình cầu lớn nhoè dần trên nền trời, và bóng tối chầm chậm rủ xuống ngoài sân. Trong xà lim, đã tối hẳn rồi. Một cây đèn bão được treo lên ở khoảng giữa gian nhà, nhưng ánh sáng mờ nhạt, hắt hiu không đủ soi rõ mái hiên dài. Một tù nhân áo nâu — vẫn cái anh cao gầy, mặt mày sáng sủa, có vẻ một công nhân hay viên chức thành thị — gánh hai cái mẹt đi phân phát đèn hoả kỳ cho các xà lim.

Đặt cây đèn nhỏ vào một góc phòng, tôi nằm dài trên giường và để tâm trí tiếp tục trôi xuôi theo dòng suy tưởng được kích thích và khởi động từ lúc hoàng hôn xuống. Người con gái Việt đi lấy chồng xa, "chiều chiều ra đứng ngõ sau" và "nhớ về quê mẹ"; nhà thơ Trung Hoa, trên bước đường lữ thứ, vào lúc "nhật mộ", càng xót xa hồi tưởng đến "hương quan". Và người tù, lạc loài trên nửa phần đất quê hương đối nghịch, cay đắng mơ nhìn về phương Nam, qua chấn song sắt nhà lao in lên nền trời nặng trĩu mây chiều mà cảm nhận thấm thía thân phận lưu đày cùng với mối ưu tư về đất nước đau thương. Trong tâm trạng mơ màng quá khứ chập chờn trộn lẫn với hiện tại, tôi đột nhiên nghe tiếng nói văng vẳng từ xa lọt vào căn phòng hẹp. Vội vàng chồm trở dậy, tôi đứng sát vào cánh cửa sổ. Tiếng một nữ xướng ngôn viên phát ra từ phía bên kia sân nghe không được rõ; tôi chỉ hiểu đại khái đó là một bài bình luận của đài phát thanh bàn về nền công nghiệp miền Bắc. Cố lắng tai một lúc nữa, tôi cũng chỉ đón nhận được những âm thanh rời rạc, nên cuối cùng đành phải bỏ dở, mặc dù rất khao khát những

tin tức liên quan đến tình hình chính trị và quân sự của hai miền Nam Bắc. Hình như cái loa phát thanh hướng về mặt khác, về khu của các thường phạm mà Việt Cọng gọi là tù hình sự. Nếu đúng như vậy, thì Việt Cọng không muốn cho những tù nhân trong các xà lim "nghe đài", và chắc rằng những người ấy là những tù nhân chính trị.

Tôi định quay vào giường thì nhận ra một người công an mặc đồng phục đang tiến đến gần, khẩu AK khoác trên vai. Anh ta thong thả bước như đi dạo mát, nhưng chắc chắn đôi mắt không bỏ sót một sự kiện nào có thể xảy ra trong các xà lim. Tiếng dép cao su ngừng lại ở xà lim bên cạnh. Rất chậm rãi, anh ta nói chuyện với một người nào khác, có lẽ là một tù nhân. Rồi anh ta đọc một đoạn văn, và người tù đọc theo, giọng rõ ràng không phải của người Việt. Tôi đoán đó là lối phát âm lơ lớ của người Mỹ, và người tù ở bên cạnh tôi là người có bước chân nặng thình thịch, lúc trưa và chiều đã ra lấy cơm trước tôi. Hai người đọc đi đọc lại một đoạn văn nói về kỹ thuật trồng ngô: cách làm đất, thời điểm gieo hạt, làm cỏ, bón phân... Có lẽ tù nhân ấy đang học Việt ngữ, và có một tờ báo hay một cuốn sách để đọc. Nghe tiếng người nói, tôi cảm thấy bớt cô đơn, và ước mong cuộc đối thoại và luyện giọng ấy kéo dài thêm nữa, nhưng người công an đã bỏ ra đi. Tôi đứng ở cửa chờ đợi, và một lát sau, anh ta trở lại, nhưng lần này chỉ nói mấy câu ngắn ngủi với người bên cạnh, rồi lại ra đi.

Quay vào giường, tôi trở lại với ý định mượn sách báo của trại. Đọc để tìm hiểu Việt Cọng, dù là trên mặt lý thuyết, và dù biết rằng những ấn phẩm của họ đều có mục đích tuyên truyền cho chế độ. Và đồng thời, để tìm hiểu văn hoá miền Bắc, đánh giá những thành quả mà họ có thể đạt được trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá từng lớn tiếng khoe khoang. Ngoài ra, đọc là một phương thức hữu hiệu để giết thời giờ và tạo thăng bằng cho tâm trí.

Đêm tù dằng dặc đang chầm chậm trôi, và cùng với bóng tối, sự im lặng trở nên nặng nề hơn, khó chịu đựng hơn. Xa xa, tiếng côn trùng rên rỉ như một lời oán trách não nùng. Lâu lâu, tiếng kẻng cầm canh sắc gọn — tiếng kẻng ám ảnh mãi những tù nhân trên đất Bắc — rơi xuống từ chòi gác cao phía đằng trước, bên khu vực thường phạm. Không còn gì để chờ đợi ở cuộc sống bên ngoài nữa, tôi buông màn, kéo chăn đắp để tìm cuộc sống nội tâm và cầu mong giấc ngủ sớm đến để giải thoát tôi khỏi những ưu tư dai dẳng đè nặng lên tâm khảm của kẻ bị lưu đày.

... Tôi tỉnh dậy sau một giấc mơ: chiến tranh đã kết thúc, tôi được trả lại tự do và trở về Đà Nẵng, giữa lúc mọi người đều tưởng tôi đã chết trong khói lửa của những cuộc giao tranh. Vợ tôi

phục vụ trong ngành giáo dục, và các con tôi tiếp tục đến trường. Cơ quan cũ của tôi vẫn hoạt động đều hòa, và giữa niềm hân hoan chung của toàn dân miền Nam đang mừng chiến thắng, tôi tỉnh giấc. Dù không dị đoan, dù không tin rằng mộng mị báo trước sự việc sắp xảy ra, tôi vẫn cảm thấy an tâm và tin tưởng vào tương lai. Tôi vốn lạc quan, một tinh thần lạc quan mà tôi thừa hưởng của bố tôi, một nhà nho có chịu ít nhiều ảnh hưởng của tư tưởng Lão Trang; vả chăng, hy vọng là nguồn suối mát nuôi dưỡng sự sống trong cảnh lao tù.

Tôi nhìn qua khung cửa sổ: ánh trăng trong suốt bàng bạc tỏa xuống mặt sân, tràn cả vào đến thềm xi măng dưới mái hiên. Ra khỏi giường, tôi đứng tựa vào khung cửa, ngắm ánh trăng tinh khiết, và lòng tôi bỗng dịu hẳn lại. Tôi nhớ đến ảnh hưởng của chị Hằng đối với tâm trí con người, đặc biệt đối với người bệnh. Hình như tại các bệnh viện tâm thần, vào những đêm trăng sáng, bệnh nhân lên cơn điên loạn nhiều hơn, khóc cười, la hét to hơn. Có những thi sĩ, từ Shakespeare đến Edgar Poe và Baudelaire, cảm thấy buồn nản chán chường mỗi độ trăng về, và e ngại ánh sáng huyền hoặc từ cung Quảng chiếu xuống trần gian. Gần chúng ta hơn, nhà thơ bệnh hoạn Hàn Mặc Tử nằm trong trăng, và "sáng dậy điên cuồng mửa máu ra". Nhưng tôi ngạc nhiên nhận thấy, trong hoàn cảnh cô đơn bắt buộc này, trong những điều kiện sinh sống để đưa đến một cuộc khủng hoảng tinh thần, ánh trăng xanh đêm nay có tác dụng vỗ về những nỗi đau khổ, gạn lọc những rác rưởi, bùn dơ của cuộc đời ô trọc, làm cho tâm hồn trở nên thanh khiết hơn và quên được trong chốc lát những phiền lụy, đắng cay, và tủi nhục của cuộc sống hiện tại.

Một người công an vũ trang đột nhiên xuất hiện và đứng lại trước mặt tôi:

— Anh không ngủ được à ? Khuya rồi !

Giọng nói anh ta ôn tồn và hình như muốn tỏ ý thông cảm.

— Có lẽ ban ngày đã ngủ nhiều quá.

Tôi chưa thấy người công an này bao giờ. Anh ta còn trẻ, khoảng 24, 25 tuổi, khuôn mặt tròn, hiền hậu và có thái độ khá chững chạc. Tôi bắt chuyện, nói bâng quơ:

— Trăng đẹp quá, và dạo này thời tiết rất dễ chịu.

— Tháng sau mới bắt đầu lạnh. Ở trong Nam có mùa lạnh không?

— Miền Nam Trung Việt và Nam Việt không có mùa lạnh. Theo chỗ tôi biết, thì vùng này gần Hà Nội.

— Đúng. Đây là xã Thanh Liệt, thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Thôi anh ngủ lại đi.

Anh ta bước đi ngay sau câu nói ấy, có lẽ vì ngại tôi đặt thêm

những câu hỏi khác. Nhìn anh ta đi khuất, tôi thầm cám ơn anh đã cho biết một chi tiết cần thiết. Đó là một tiết lộ bất thường, vì Việt Cộng luôn luôn giấu kín nơi giam giữ các tù nhân chính trị. Thì ra trại giam này nằm trong huyện Thanh Trì, một địa danh quen thuộc, quê hương của Chu Văn An. Nhà hiền triết cương trực đã mở trường dạy học ở vùng này. Đại binh của vua Quang Trung cũng đã đóng ở khu vực này, trên đường tiến ra Bắc đánh tan đạo quân xâm lược của Tôn Sĩ Nghị.

Tôi vào giường nằm, nhưng trằn trọc không ngủ được. Người công an quay trở lại, nhìn vào, rồi đi thẳng. Ngoài sân, trăng vẫn lặng lẽ sáng, nhưng không chiếu vào những xà lim âm thầm ấp ủ cuộc sống cô đơn của những con người đã mất tự do.

HOÀNG LIÊN

(còn tiếp)

- *Chế Lan Viên, một trong những tay trùm văn hóa cộng sản, đã nói về Võ Phiến: "Thằng" này viết phiếm luận thì đúng là* nhất Việt Nam *(...) Nó mà theo cộng sản như bọn mình thì bọn mình... khước cả lũ".*

  (Nguyễn Hưng Quốc thuật lại trên tạp chí *Quê Mẹ* số 74, tháng 7, 1986).
- "Nó" không theo cộng sản, "cả lũ" đỡ khước. Nhưng "Đảng ta" lại đâm ra... khước đấy! Muốn biết tại sao, hãy đọc thử cuốn

TẠP LUẬN

Cuốn sách thứ 4 trong bộ *Toàn Tập* của Võ Phiến, do Văn Nghệ tái bản, sẽ phát hành vào tháng 7-1987

NHA XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 WESTMINSTER, CA 92683
(714) 832 - 8445

Đào Trường Phúc.
Đọc "Cậu Bé và Hoa Mai"

Tập truyện của Phan Tấn Hải, Nhân Văn xuất bản tại San Jose Hoa Kỳ năm 1986. Sách dày 202 trang. Giá 7 Mỹ kim.

CẬU BÉ VÀ HOA MAI là tên tập truyện ngắn của Phan Tấn Hải, vừa do cơ sở Nhân Văn xuất bản hồi đầu năm nay. Sách dày 202 trang, gồm mười hai truyện. Không kể hai truyện "Cậu Bé Và Hoa Mai" và "Hồi Chuông Buổi Sớm" được viết trong trại tỵ nạn Galang, những truyện còn lại đã được tác giả sáng tác từ giữa năm 1984 (lúc mới đặt chân tới Hoa Kỳ) cho tới cuối năm 1985, và đều đã đăng trên tạp chí Nhân Văn. "Giọng Nói Trong Tim" là truyện đầu tiên xuất hiện trên Nhân Văn, số 29, tháng 9. 1984.

Giữa thời điểm và môi trường sáng tác ấy, với nội dung và bối cảnh của những truyện ngắn kia, có liên quan gì đến nhau, có giải thích được gì cho nhau chăng? Đọc một lượt mười hai truyện ngắn của Phan Tấn Hải, chúng ta ghi nhận một điểm đầu tiên, rất rõ rệt: Không khí, bối cảnh, nhân vật, sự kiện v.v... trong những truyện ấy thật chẳng ăn nhập gì đến đời sống *ở đây*, nghĩa là đời sống tại các quốc gia tạm cư. Đọc những truyện ấy có nghĩa là thấy mình đang sống trong một ngôi chùa nhỏ ở Vũng Tàu, một nhà thờ nhỏ ở ngoại ô Saigon, một vùng kinh tế mới ở Bình Long (mà Việt Cộng đổi tên là Sông Bé), khu Chợ Mới ở Long Xuyên, quán cà phê ngoài chợ huyện Di Linh, nhà ga xe lửa ở Nha Trang, những barracks trên đảo Galang v.v... Những nhân vật của Phan Tấn Hải — có nhân vật xưng tôi, có nhân vật được gọi âu yếm là chàng, là nàng, là cậu bé, cô bé, lại có nhân vật được nhắc tới một cách trang trọng, như Ông Cụ Hoàng, Ông Cụ Tú... —, những nhân vật ấy sinh hoạt với nhau, tâm sự với nhau, sống chết với nhau từ những ngày dài đằng đẵng trên quê hương cho tới những ngày ngắn ngủi nơi trại đảo. Trong số mười hai truyện, thì có sáu truyện mà khung cảnh cùng diễn biến sự việc được chia ra làm hai, một phần thuộc về giai đoạn trước 1975 và phần kia thuộc về giai đoạn sau 1975;

bốn truyện được mở đầu ngay với bối cảnh đất nước sau 1975: và hai truyện lấy bối cảnh là trại tỵ nạn ở Nam Dương.

Như thế, khung cảnh của các truyện không ít thì nhiều đã nói lên nội dung và chủ điểm của tác phẩm. Nội dung ấy không có gì bất ngờ, vì lẽ dễ hiểu, Phan Tấn Hải không phải là người cầm bút đầu tiên tại hải ngoại đã chọn cơn quốc nạn làm đề tài sáng tác. Chín năm ròng trước khi Phan Tấn Hải vượt thoát khỏi Việt Nam, hầu như tất cả những người cầm bút ra đi trước anh đều đã quay quắt với công việc phơi trải những khía cạnh của thảm nạn ấy trên mặt giấy. Về mặt chứng liệu cũng như về mặt tình cảm sinh hoạt, văn chương tại hải ngoại đã dành hẳn một phần trọng yếu để trình bày thảm trạng tại quê nhà dưới mọi hình thái phong phú, đa diện. Phan Tấn Hải tới sau, khi nhập vào cái sinh hoạt mãnh liệt, ồn ào đó, tất phải tự hiểu sự khó khăn chờ đợi anh: hoặc là những chứng liệu mà anh muốn bổ túc không đủ độc đáo và hấp dẫn để thu hút sự chú ý của người đọc, hoặc là những tình cảm mà anh chất chứa bấy lâu và muốn bày tỏ ra không còn thích hợp đối với không khí tình cảm chung ở thời điểm năm thứ mười của một cuộc lưu vong. Hai thí dụ về sự khó khăn kể trên đều là có thực, và phát sinh không do lỗi của riêng ai, chẳng qua đó là một diễn biến tất nhiên vậy thôi: chứng liệu càng phong phú thì người ta càng cảm thấy có nhu cầu đãi lọc, phân tích; và tình cảm bấy lâu được biểu lộ hư hư thực thực đã quá nhiều khiến nên người ta đến một lúc nào đó cũng phải tự cho phép mình thận trọng, cân nhắc, phối kiểm...

Nhưng nhu cầu tuyển lựa và phê phán là nhu cầu thuộc về phía người đọc. Trong khi đó, về phía người viết — hiểu theo nghĩa những người đã vượt thoát và biết sử dụng ngòi bút — họ cũng có nhu cầu riêng, một nhu cầu mạnh mẽ, cay đắng, lì lợm, không cho phép họ tính toán và ngần ngại. Tùy theo bản chất cá nhân và môi trường sống của từng cá nhân, mỗi người đều cảm thấy mình hứng chịu và đương đầu với thảm cảnh ở quê nhà theo một cách riêng, dù rằng trong nỗi nguy khốn và đọa đày chung. Vì thế, cũng như Phạm Quốc Bảo, Hà Thúc Sinh, Tạ Tỵ v.v... lần lượt đều viết về lao tù Cộng sản và đưa ra những kinh nghiệm, những cái nhìn bổ túc lẫn cho nhau; Phan Tấn Hải đã viết một loạt truyện ngắn mà không một truyện nào có thể khiến người đọc lẫn lộn với những truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Mộng Giác, Tưởng Năng Tiến, Nguyễn Văn Sâm v.v... đã viết trước đó. Tất nhiên, bút pháp là một yếu tố tạo nên sự khác biệt giữa những tác phẩm của họ. Nhưng ngoài bút pháp, còn phải kể đến những chứng liệu, những kinh nghiệm, những cách nhìn nữa.

Nói "chứng liệu", "kinh nghiệm", thay vì nói "bố cục", "tình tiết", "diễn biến"..., chúng ta mặc nhiên xác định một thái độ đồng

ý đối với mỗi tác giả nói trên, về điều kiện xây dựng tác phẩm. Dù là truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, ký sự..., các tác phẩm của họ không loay hoay trong những kỹ thuật cấu tạo và sắp xếp những chất liệu giả tưởng. Họ ghi nhận và tường trình các sự kiện có thực, bằng cảm xúc và dưới nhãn quan riêng của mỗi người. Việc cấu tạo và sắp xếp những chất liệu giả tưởng là điều không cần thiết, vì chỉ nội các sự kiện có thực và các kinh nghiệm cá nhân đã là một kho tài liệu vô tận về số lượng và vượt sức tưởng tượng về mức độ. Chính bởi thế, cách nhìn trở thành một yếu tố quan trọng để giúp các tác giả bố túc lẫn cho nhau và bổ túc thông điệp chung mà họ muốn gửi đến người đọc.

Qua mười hai truyện ngắn trong tập "Cậu Bé Và Hoa Mai", Phan Tấn Hải cung cấp một số chứng liệu được ghi nhận trong nhiều hoàn cảnh khác nhau và tại nhiều nơi chốn khác nhau, hẳn là không ngoài mục đích làm rõ thêm và đậm nét hơn, hình ảnh của quê nhà mà anh mang theo ra xứ người: hình ảnh một mảnh đất thân yêu, nơi đó sự kinh hoàng đang thường trực bao trùm đời sống mỗi người dân, và nơi đó ngọn lửa quật khởi cũng không một giờ phút nào ngừng bốc cháy trong mỗi con tim. Chứng liệu do Phan Tấn Hải cung cấp có thể được ghi nhận qua cái chết bi tráng của một người lính Thượng trong *"Táng Treo"* hay của một ông cụ đồ già trong *"Câu Đối Tết"*, qua cơn điên loạn của một thanh niên trong *"Bệnh Nước"*, qua hoạt động bí mật của những người Phật tử trẻ tuổi trong *"Núi Sông Có Mấy Ngả Tình"*, của ông cụ già trong *"Giọng Nói Trong Tim"*, của chàng thợ giày trong *"Đôi Giày Vạn Dặm"*, của những chiến sĩ Hòa Hảo trong *"Đường Mai"*, của chàng nhạc sĩ trong *"Hồi Chuông Buổi Sớm"* v.v... Những thế hệ, những thành phần nhân dân khác nhau, qua các chứng liệu đó, đều chia xẻ cùng với nhau những thống khổ cùng cực của quê nhà và đều thắp chung với nhau ngọn đuốc thiêng liêng của tinh thần đấu tranh quyết liệt đối với Cộng Sản. Có lẽ vì thế, tất cả những câu truyện được ghi chép lại về đời sống tại quê nhà đều không mang trong chúng một *vấn đề* nào cần tranh luận để giải quyết. Đời sống ở đó được định nghĩa đơn giản bằng sự đày đọa và sự kinh hoàng, cùng với ý chí và hành động đấu tranh. *Vấn đề* chỉ bắt đầu được đặt ra khi những chứng nhân của đời sống ấy vượt thoát khỏi quê nhà và đặt chân tới xứ người. Đó là lúc và là nơi mà những chứng liệu chịu đựng sự đãi lọc, nghi ngờ, phân tích, phê phán. Khi điều đó xảy ra, những chứng nhân cố gắng tìm cách giải thích xem lý do nào đã xui khiến người ta trở thành lãnh đạm và đa nghi tới như vậy. Sự giải thích nào rồi cũng có vẻ cay đắng. Vì thế, những đoạn truyện của Phan Tấn Hải kể lại về đời sống quê nhà, thường có ngôn ngữ dạt dào xúc cảm và nồng nàn ý chí, như: "Những người

bạn ngày xưa ở cùng Nhóm Nghiên Cứu Văn Học với tôi bây giờ đã trở thành những nhà thơ mới của vỉa hè, những người bây giờ đã gửi sinh mệnh của họ vào trong từng câu thơ, và mỗi một dòng thơ đọc lên là mỗi một bước gần thêm vào nhà tù" (trang 17); hoặc như "Núi Cấm không thể tự nhiên mà nứt ra được, chính tiếng súng của anh em mình sẽ chẻ đôi nó ra" (trang 132); hoặc như : "Mình phải làm việc trong tinh thần như thể là tất cả những người lớn tuổi hơn mình đều đã bỏ cuộc, để tập mình có một khả năng hoạt động độc lập. Cuộc cách mạng nào bao giờ cũng bắt đầu bởi một người hoặc vài người cả, bao giờ cũng vậy. Lịch sử thuộc về những kẻ dám bắt đầu từ số không" (trang 145); hoặc như: "Khác chứ, giữa một người bị lưu đày về đây với một người bản xứ ở đây khác nhau rất là xa. Giữa một người làm việc một cách tự do với một người làm việc dưới những nhát roi khác nhau hoàn toàn. Khi mày cầm một hạt giống với lòng uất hận thì mầm sống đã cháy mất trong đó rồi. Mày không thấy cả nước đang mất mùa à?" (trang 153).

Ngôn ngữ ấy, lúc đề cập tới những chuyện từ trại đảo cho đến các quốc gia tạm cư, hình như ngoài nỗi xúc cảm và sự quyết liệt nói trên, đã có pha thêm chút gì cay đắng, chua chát: "Bạn cứ nói hết đi, nói cho cạn lời đi, rồi bạn sẽ thấy không có lời nào đủ cả. Vì những người đã có kinh nghiệm rồi có khi họ còn cảm nhận thâm sâu hơn bạn, còn những người chưa kinh nghiệm sẽ không bao giờ hiểu được, làm thế nào mà người lại sợ người đến vậy. Không ai có thể hiểu được rõ ràng nếu họ không từng 11 giờ đêm đứng giữa những ngã tư đường quê nhà mà băn khoăn, đêm nay phải đến nhà thằng bạn nào ngủ cho may ra yên ổn được một đêm. Thật là khó để giải thích sự khác nhau giữa các màu sắc cho người mù từ sơ sinh biết. Có những cảm giác khó nói lên được, thí dụ như cái cảm giác lạnh người khi nghe tiếng máy xe Honda 67 sà sát bên mình vào một đêm nào đó. Lúc bấy giờ lại phải dài dòng thêm là Công An thường dùng loại xe này, hoặc là phải chú thích thêm về phương pháp bắt người trên đường phố của họ thế nào. Thật sự là mệt để nói nhiều như vậy, mà chúng ta cũng chưa thể tin được là người nghe có thể cảm nhận hết được... Phải làm sao cho họ thấy được sự sợ hãi đã gặm mòn tâm hồn những người dân gày còm ở nước mình thế nào, tới cái độ họ phải nói lên một lúc nào tuyệt vọng đó, cùng lắm là chết thôi chẳng có gì hơn đâu. Nhưng hình như ở đâu cũng vậy, người ta không dễ mà chết, dù là ngay cả đang ở trong tù cũng vậy. Người ta vẫn phải sống để nhìn thấy những khúc xương trong người lộ ra dần khỏi làn da. Có những lúc cảm giác sợ hãi như đã làm đứng lại mạch máu trong người mình, và đứng lại cả dòng thời gian trước giờ vẫn trôi trước mặt họ. Ôi quê

hương, những gì mà chúng ta yêu thương bằng cả tâm hồn và thân xác, lại luôn luôn là những gì làm chúng ta đau khổ hơn cả." (trang 175-176).

Trên đất quê nhà, những nhân vật trong truyện Phan Tấn Hải thỉnh thoảng cũng có nhếch một nụ cười, dù là một nụ cười pha ít nhiều đau đớn, chẳng hạn như qua mẩu đối thoại giữa một ông cụ già và một chàng tuổi trẻ:

— Này cậu. Bây giờ hai thày trò mình nói chuyện giải trí đi.

— Thày muốn nói chuyện Nhĩ Châm, Diện Châm là gì chăng?

— Giải trí gì với mấy thứ ấy. Tối nay để cho có vẻ, mình nói chuyện đất nước, dân tộc gì đi. Nói nhiều mà không chịu làm thì là giải trí chứ còn gì nữa. (trang 64).

Ra tới xứ người, hình như ngay đến nụ cười đau đớn ấy cũng biến mất. Trong tâm tình hướng về một người bạn ở trại đảo, nhân vật của Phan Tấn Hải tự hỏi, rồi thử tự trả lời, buồn bã: "... Trân không muốn tôi phải bận tâm thêm những chuyện lặt vặt trong lúc hắn tin là tôi đang làm chuyện gì lớn lao lắm. Cũng như trước kia tôi vẫn tin là đồng bào mình ở ngoài này làm việc ngon lành lắm, những người biết yêu sự thật và những điều chính đáng không bao giờ tự cho phép mình ngồi yên cả. Có nên nói chăng, hạnh phúc thay cho những người không thấy được tường tận, vì khả năng mơ mộng của con người hình như là vô giới hạn? Tất nhiên là vẫn còn có những người đáng kính đang quậy trong phạm vi nhỏ nhoi nào đó của mình, và mong đợi khi nào đấy, tất cả sẽ dồn về một bản hòa tấu lớn. Nhưng bao giờ thì qua được khúc nhạc dạo rụt rè mà dân mình đang chơi? Hẳn nhiên là khi nào qua Úc, Trân sẽ thư cho tôi hỏi thăm nhiều chuyện. Và cuối cùng lại hỏi, tôi đã làm gì và sẽ làm gì. Có lẽ rồi tôi sẽ không biết phải trả lời thế nào vì tôi không thích nói kiểu quanh co. Hay là nên nói cho cay đắng hơn, để chở tao kiếm cái bằng gì đã rồi tới ngồi trước thềm Tòa Bạch Ốc "canh me", cái nghề này coi bộ khá nhàn hạ mà sẽ không bao giờ vướng phải bệnh phổi như Trân. Còn những người đang ngồi yên khác, không biết họ sẽ trả lời những câu hỏi ấy thế nào khi được một người bạn thân hỏi như vậy, và nhiều khi với lòng mong đợi còn lớn hơn vậy." (trang 182-183).

Phan Tấn Hải tưởng tượng ra một số câu hỏi đại loại, nhưng chính anh không biết trả lời thế nào cho phải, rồi anh lại còn lúng túng giùm cho cả những người khác. Sự thành thật ôm đồm ấy có thể khiến cho người ta khó chịu. Mặt khác, sự bất bình của anh hình như cũng vẫn chẳng giải quyết được gì.

Trong truyện ngắn "Giọng Nói Trong Tim", Phan Tấn Hải để cho hai nhân vật, một già một trẻ, lần lượt cùng nghe thấy những tiếng nói xa xôi nào đó: "Chàng mơ hồ nghe từng trận gió thời gian

xô về hơi lạnh của hư vô, chín năm rồi đấy, thoang thoảng giọng nói của cụ Hoàng lẫn trong tiếng kèn ngày xung trận Yên Bái, Không, chàng còn thấy cả đôi mắt sâu thẳm của Phan Bội Châu và Nguyễn Thái Học từ trên tường nhìn xuống ông cụ và cậu bé năm xưa: Những người đã chết, một đôi khi tôi nghe được họ hỏi tôi — kỳ lạ thật, bây giờ lại vẳng theo giọng nói của thằng bạn tù của mình nữa — này kẻ sống sót, này thằng nhóc, cậu đang làm gì thế?" (trang 148).

Cũng như sự nghe thấy hay không nghe thấy tiếng nói của những người đã chết là một vấn đề hoàn toàn cá nhân, câu hỏi và câu trả lời, nghĩ cho cùng, cũng là chuyện riêng của từng người. Phan Tấn Hải đã trả lời theo cách riêng của anh, và mười hai truyện ngắn anh đã viết, đã in, là câu trả lời đầu tiên. Tính tới đó thì câu trả lời này đã chứng tỏ rằng anh không làm ngược lại sự sống sót của chính mình. Nhưng cuộc cờ chưa ngã ngũ và chắc là còn kéo dài lâu lắm, nên chúng ta không thể tính tới đó rồi thôi. Chưa kể, nếu tính tiếp tới ngày hôm nay, về phía kẻ thù, chẳng có dấu hiệu nào cho thấy rằng sau khi xâm chiếm xong miền Nam họ đã hoan hỉ xếp bào cởi giáp và bỏ quên chúng ta, những kẻ sống sót và may mắn vượt thoát ra xứ người. Vì thế, câu trả lời chắc chắn phải được tiếp tục, dĩ nhiên vẫn theo cách riêng của mỗi cá nhân, chỉ hy vọng là câu trả lời sau sẽ không mâu thuẫn với câu trả lời trước.

Và để kết luận, với tất cả sự chủ quan hoàn toàn không thích hợp đối với một bài điểm sách, kẻ viết bài này mong rằng, khi tiếp tục công việc đang làm như một cách trả lời, Phan Tấn Hải sẽ không còn để cho những bất bình và cay đắng làm cho anh trở nên lúng túng như trong *"Người Bạn Trại Đảo"*. Thay vì thế, anh chỉ việc lần lượt ghi chép lại, bằng cái ngôn ngữ chan hòa cảm xúc của riêng anh, những câu truyện của những *"Đôi Giày Vạn Dặm"*. Cậu bé tật nguyền trong câu truyện ấy đã kiên nhẫn tập đi, ngày này qua ngày khác, bằng ý chí của mình, bằng tình thương yêu và lòng tin tưởng mà chàng thợ giày vô danh đã đặt nơi cậu: "Em sẽ thấy biết là bao hạnh phúc vì được bay nhảy, vì chinh phục những miền đất mới, và hạnh phúc là bao khi đưa dài những bước chân mãnh liệt trên quê hương mình... Em sẽ thấy là quê hương chính thật là một người mẹ mà em thương biết là bao nhiêu. Chỉ cần em đứng thẳng lên, đưa mắt nhìn về các miền trời quê hương và nói một cách quyết liệt "Tôi sẽ đi" thì tất cả các tầng trời đều sẽ vui mừng hạ thấp xuống dìu lấy bước em đi. Với một tấm lòng trong sạch, anh tin là ngay cả đại dương cũng sẽ ngắn lại cho em bước. Chỉ cần em nghĩ là nước mình đang cần những bước chân dũng mãnh thì em sẽ đi được... Khó khăn thế nào em cũng phải tập. Khi nào đau chân thì em ngồi nghỉ một tí, rồi tự trách mình rằng, thực sự thì tôi chưa

làm hết sức của mình, tôi chưa làm được những gì mà mọi người mong đợi. Rồi em đứng dậy tiếp tục, nếu chân em vẫn còn run rẩy thì hãy ngẩng mặt cầu nguyện với cả lòng thành: "Trời ơi, nếu thực sự con không làm được những điều mà mọi người đang mong đợi thì xin cho con chết ngay tức khắc, còn hơn là nhìn sự thất vọng của mọi người". Lúc bấy giờ em sẽ đi được, dù là trên vai em có là gánh nặng của cả dân tộc..."

Và cuối câu truyện, quả thật cậu bé tật nguyền đã biết đi, biết chạy. Cậu bé đã rời bỏ được cặp nạng để đứng một mình.

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.

9251 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
(714) 895-1246
Khu chợ Tân Hưng- Ngọc Diệp

NHA KHOA TỔNG QUÁT - CHỈNH NHA

Hành nghề từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha khoa tư tại Phú Thọ, Sài gòn.
Kiên nhẫn với trẻ em, dù là trẻ em khó tính

ĐẶC BIỆT : NHA KHOA THẨM MỸ

Orthodontics: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô, móm..., bằng phương pháp mang niềng răng (braces), hay mang bộ chỉnh hàm (functional orthodontic appliances).
Cosmetic Bonding :Thay men răng bị đổi màu, đắp, vá các răng sứt mẻ, dị dạng, làm khít kẽ răng thưa...
Nha khoa tổng quát : Khám định kỳ, làm sạch , chữa, trám và nhổ răng.

Giải phẫu răng khôn mọc lệch, răng ngầm.
Điều trị và giải phẫu bệnh nướu răng.
Răng giả các loại.

Nguyễn Văn

Thời Sự Văn Học Nghệ Thuật

* Mùa ra mắt sách ở quận Cam.

Trong tháng 5 vừa qua, quận Cam Nam Cali thủ đô tị nạn Việt Nam được mùa sách mới. Cuối tuần nào cũng có một buổi họp mặt ra mắt sách mới.

Mở đầu là buổi ra mắt cuốn hồi ký *"Những sự thực không thể chối cãi"* của Đào văn Bình, tại quán phở Ngon chiều chủ nhật 10-5-87, do hội cựu sinh viên quốc gia hành chánh đứng ra tổ chức.

Cuốn hồi ký dày 254 trang kể lại kinh nghiệm tác giả trải qua suốt 9 năm tù đày trong các trại cải tạo miền Bắc, kèm thêm các suy tư của tác giả về nhiều vấn đề. Như Hà thúc Sinh xem những năm cải tạo là một thứ "đại học máu", Đào văn Bình, một cựu sinh viên chức hành chánh VNCH xem kinh nghiệm tù đày là một cơ hội để ông nhìn lịch sử được rõ hơn, thấy ý nghĩa của đau khổ một cách sâu sắc hơn. Ông viết ngay trang đầu: "Tôi xin cám ơn khổ đau vì không có nó tôi sẽ sống nhờm tởm như một tên vô lại dù tôi có ở địa vị sang quí như thế nào đi nữa."

Một tuần sau, tại quán cà phê Nguyệt Cầm, nhà văn Nguyên Vũ cho ra mắt tập 1 và tập 2 của bộ trường thiên tiểu thuyết *Giặc Cờ Đỏ*, vừa được nhà xuất bản Văn Hóa ở Houston ấn hành. Nhờ tài liệu thu thập được trước và sau khi trình luận án tiến sĩ sử học ở đại học Wisconsin, Nguyên Vũ đã viết được phần đầu bộ trường thiên, mà theo phát biểu của nhà văn trong buổi ra mắt sách, sẽ trở thành một cuốn sử dễ hiểu và hấp dẫn để độc giả khỏi bị mê hoặc về những huyền thoại bao quanh Hồ chí Minh và tay chân của ông. Nguyên Vũ hy vọng có thể kết hợp được sự chính xác của sự thực lịch sử và khả năng tái tạo của việc sáng tác. Buổi ra mắt Giặc Cờ

Đỏ qui tụ hầu hết giới văn nghệ ở tại quận Cam, và diễn ra trong không khí thân mật, chân tình.

Một tuần sau nữa, chiều thứ bảy 23-5-87, nhà văn Nguyễn văn Sâm lại từ San Antonio bay qua quận Cam cho ra mắt tập truyện ngắn *"Ngày tháng bệnh bồng"*, tác phẩm thứ ba của ông được xuất bản ở hải ngoại.

Ban tổ chức cuộc họp mặt là tạp chí Văn, tạp chí Văn Học, nhà xuất bản Gió Việt và nhà xuất bản Văn Nghệ, và nơi họp mặt lại là một cái quán khác: cà phê Galang. Trên Văn Học số sau, Nguyễn Văn sẽ ghi chép đầy đủ hơn về buổi ra mắt cuốn Ngày Tháng Bệnh Bồng, vì một lý do giản dị: Văn Học số này nằm ở nhà in trước ngày 23-5-87.

Ba tác giả, ba tác phẩm, mỗi người mỗi tác phẩm một vẻ. Chỉ có một điểm chung: là gần như hễ sách và người về thủ đô tị nạn, thì phải ra *quán*. Có lẽ đây là một tập tục hết sức văn nghệ ở quận Cam, vì ở Paris, ở Miền Đông Hoa Kỳ, sách thường long trọng ra mắt ở các giảng đường đại học, ở các hội trường. Long trọng cà-vạt cổ cồn, sách bớt văn nghệ đi chăng?

* Hội nghị văn bút quốc tế kỳ 50 Ở Lugano, Thụy Sĩ.

Không! Đôi khi văn nghệ vẫn phải diện kẻng, nhất là trong các hội nghị quốc tế có diễn văn, có tuyên ngôn, có huấn từ, có bàn về những vấn đề trọng đại. Bàn chuyện trọng đại, không ai đem ra quán phở hay quán cà phê. Chẳng hạn 500 nhà văn, nhà thơ và chủ bút báo từ khắp nơi trên thế giới, đại diện cho 62 trung tâm văn bút quốc gia hoặc vùng khi muốn gặp nhau để bàn cho ra lẽ vấn đề "Nhà văn và văn chương biên giới", họ phải kéo nhau tới tận Lugano một thành phố du lịch miền núi phía Nam Thụy Sĩ để được yên tĩnh mà bàn bạc. Mỗi người cầm bút đại diện khỏi phải mang sách để ra mắt, mà chỉ cần mang theo một bài tham luận về chủ đề nói trên.

Luật sư Trần Thanh Hiệp chủ tịch Trung Tâm Văn bút Việt Nam hải ngoại đã đọc bài tham luận nhan đề "Văn chương Việt Nam: Những biên cương mới", trong đó ông phác họa quá trình hình thành và phát triển của văn học VN từ mấy nghìn năm, trải qua các biến cố chính trị đến "di tản": Đặc biệt trong phần dành cho văn học di tản, luật sư Trần Thanh Hiệp đã đề cao sự đóng góp của các nhà văn nhà thơ sau đây: Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Tạ Tỵ, Nguyên Vũ, Nhật Tiến, Duyên Anh, Nguyễn thị Vinh, Nguyễn Ngọc Ngạn, Tưởng Năng Tiến, Hà Huyền Chi, Phạm Quốc Bảo, Sỹ Trung, Hồ Trường An, Thế Giang, Kiệt Tấn. Minh Đức Hoài Trinh, Trần Diệu Hằng, Huỳnh

Dung, Phan thị Trọng Tuyến, Diệp Mỹ Linh. Một bản liệt kê chính thức và đầy đủ, trải dài từ Bắc Mỹ sang Âu Châu.

Nhưng luật sư Trần Thanh Hiệp ngoài bài tham luận còn mang theo một tài liệu ý nghĩa hơn: bản dự thảo nghị quyết Văn Bút quốc tế can thiệp để chính quyền Hà Nội phải thả tất cả văn nghệ sĩ hiện đang bị giam giữ ở Việt Nam, và yêu cầu Hoa Kỳ nhận 61 văn nghệ sĩ ra đi theo chương trình ODP. Bản dự thảo này đã được Hội nghị Văn bút Quốc tế kỳ thứ 50 chấp thuận hôm 16-5-87.

* Tham luận về VN tại hội Á châu học 1987.

Đại hội thường niên của Hội Á châu học (Association for Asian Studies) họp ở Boston từ 10 đến 12 tháng 4 năm 1987 có hai khóa chuyên đề về Đông dương.

Buổi họp chuyên đề "Cách mạng ở Đông dương: Tư liệu mới, dữ diện mới" diễn ra sáng chủ nhật 12-4-87 do bà Mary McDonnell (thuộc Hội đồng Nghiên cứu Khoa học Xã hội) chủ tọa. Bốn bài tham luận như sau:

1—"Campuchia : cuộc đảo chính 1970 và hậu quả của nó", thuyết trình viên là ông Chhut Chhoeur;

2—"Giáo dục và Chính sách ngôn ngữ tại Lào dưới chế độ cộng sản từ sau 1975", thuyết trình viên là Tiến sĩ Bounlieng Phommasouvanh;

3—"Sự hủy diệt và sự tái sinh của Phật giáo Campuchia từ 1975 đến 1984", thuyết trình viên là ông Yang Sam; và

4—"Cách mạng trí thức: Hòa Hảo với cách mạng", thuyết trình viên là hai ông Nguyễn Long và Trần Đức Thanh Phong.

Sau bốn bài tham luận, có Giáo sư Hồ Huệ Tâm Tai và Giáo sư David Marr bình luận.

Buổi họp chuyên đề thứ hai, về "Văn học trong xã hội Việt nam", thì diễn ra vào chiều chủ nhật 12-4-87 và do Giáo sư Nguyễn Đình Hoà (Viện Đại học Nam Illinois) chủ tọa. Bốn bài tham luận bàn về bốn đề tài sau đây:

1—"Sự nổi dậy của phê bình và tinh thần độc lập trong văn học hiện thực xã-hội chủ-nghĩa ở Việt nam", do giáo sư Nguyễn Ngọc Bích thuyết trình;

2—"Dân tục học: tấm gương phản chiếu văn hóa", do bà Lynette Vương thuyết trình;

3—"Phụ nữ trong những tiểu thuyết của Tự lực Văn đoàn", do cô Cynthia Nguyễn thị Mỹ Huyền thuyết trình; và

4—"Vài nhận định bước đầu về sự phát triển của tiểu thuyết Việt Nam", do giáo sư John Schafer thuộc Đại học Humboldt State thuyết trình.

Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, tác giả cuốn *"Một nghìn năm thơ*

Việt nam", thường xuyên dạy về Văn Học Việt nam tại Đại học George Mason ở tiểu bang Virginia. Bà Lynette Dyer Vương đã phiên dịch và biên soạn tập truyện cổ tích Việt nam, tựa là "Chiếc hài thêu". Cô Nguyễn thị Mỹ Huyền, bàn về địa vị của phụ nữ trong sáu cuốn tiểu thuyết tiêu biểu của Nhất Linh và Khái Hưng, đang soạn luận án Tiến sĩ Ngữ văn tại Đại học Harvard về "105 bài thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi". Ông John Schafer, người đã từng viết luận án Tiến sĩ tại đại học Michigan về Lục Vân Tiên, cho rằng Hồ biểu Chánh mới là người đầu tiên giới thiệu thể loại tiểu thuyết tại Việt Nam, chứ không phải Hoàng Ngọc Phách qua *Tố Tâm* và Nguyễn Trọng Thuật qua *Quả dưa đỏ*.

Sau bốn bài tham luận, Giáo sư Stephen O'Harrow (Đại học Hawaii) có nhận xét về bốn bài nói, rồi chủ tọa Nguyễn đình Hoà đúc kết buổi họp, vạch rõ tính năng động của văn học Việt nam thời cận đại để vươn mình thành một nền văn học vì nhân sinh và cả vì nghệ thuật nữa.

Cử tọa, kể cả Giáo sư Stephen Young, Thầy Giác Đức, Giáo sư Neil Jamieson, nhà thơ Trương Anh Thụy, Giáo sư Tạ Văn Tài, v.v... cũng đã nêu nhiều câu hỏi thích đáng, làm buổi họp rất hào hứng, nhất là Hội Á châu học ít khi có khóa họp chuyên về đề tài văn hóa Việt Nam.

* Trung tâm Văn bút của người Việt ở Canada.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn ở Montréal vừa cho hay: anh em cầm bút ở Canada mới đây đã gặp nhau thành lập một Trung tâm Văn bút của người Việt ở Canada. Trước khi chờ đợi Đại Hội kỳ I để bầu ban Thường Vụ chính thức, một ban Thường Vụ lâm thời đã được đề cử, gồm nhà văn Trang Châu, chủ tịch, dịch giả Trương Bảo Sơn, nhà thơ Đỗ Quý Toàn, phó chủ tịch. Ông Đặng Đình Thịnh, một nhà văn sinh viên làm Tổng Thư ký. Được biết trong buổi họp đầu này, người ta thấy có nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn và nhà thơ Phan Ni Tấn từ Toronto sang tham dự.

Cũng nguồn tin trên cho biết sắp tới Trung tâm sẽ tổ chức một đàm trường văn nghệ vào mỗi tháng đồng thời ra một bản tin, nhưng chưa rõ bản tin dưới khuôn khổ nào.

• BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG.

Lối về (truyện của NPN) Bản tin của Đại Nam News, Xưa thơ (của T.Q.Úc) Những người đàn bà ở lại (thơ NBS) Sở tan (thơ ĐTQP) Bản tin Đông Phương Foundation; Giới thiệu sách, Mục lục báo chí Việt Nam hải ngoại (của NHC) Khúc giao mùa. Tâm sự người đi, Lăng Hồ cảm tác (thơ TTN) Tập san thi ca tập 4 Tây Đức, Kỷ niệm (đoản văn ĐA) Không đảo, Cánh chim (thơ NL)

Đêm quận 5 Paris, Về Mulhouse đọc Kinh viên giác, Tổng quan về sự nghiệp văn chương BNL (của HTA) Gửi Anna Akhmatova — thơ dịch, Thơ gửi Hoàng QT, Khi gối xuống (thơ TQ Anna Úc) 49 Đinh Tiên Hoàng Ban mê thuột (Thơ ĐTQP) Điểm sách MBĐ I và Tiếng kèn (của TK) Thà đừng thương (truyện DT) Cảm xúc trong thơ (NHQ Pháp) Biển xanh (truyện Đinh An) Trưa tháng Năm (thơ TQ).

Trân trọng cảm tạ quí văn hữu. Trừ thơ, các bài khác nếu đăng được trên Văn Học, chúng tôi sẽ có thư riêng hoặc điện thoại thông báo để quí vị khỏi gửi cho báo khác.

• THƯ TÍN.

Anh Vũ Nam, *Tây Đức:* Đã nhận được đầy đủ sách và tiền anh gửi. Thầy TM đã viết thư cho anh, để gửi thêm sách cho đủ bán bên này. Mong anh giữ trọn được niềm đam mê viết lách. Chim có đàn cùng hót, tiếng hót mới hay, phải không?

Giáo sư Nguyễn Thế Anh, *Paris:* May mắn là phần phụ chú và đính chính đến kịp trước khi in phần 2 của bài "Phổ hệ nhà Trần". Xin cảm ơn Giáo sư.

Chị Thụy Khuê, *Pháp:* Đã nhận được hai bài điểm sách cùng lá thư dài của chị. Bản xerox vài trang trong "Tự điển văn học" cho thấy giới nghiên cứu văn học hải ngoại cần phải làm việc nhiều hơn nữa, để tái lập sự thực và đánh bạt "các xuyên tạc và phỉ báng" như lời chị viết. Nhưng chờ lâu quá chưa thấy ai chịu khó bỏ công làm công việc cần kíp này. Bên đó các anh chị có nhiều tài liệu hơn, làm được không?

Ông Huỳnh Lập, *San Francisco:* Trường Việt ngữ Ngô văn Thức của ông quả thật là một sáng kiến hữu ích để duy trì và phát triển cái vốn tiếng Việt của lớp trẻ tại hải ngoại. Chúng tôi cũng mong các bậc thức giả soạn 1 bộ sách dạy tiếng Việt có khoa học và thực tế cho trẻ em Việt ở hải ngoại, vì một động cơ ích kỷ hơn: nếu các em không đọc được tiếng Việt, thì chúng tôi viết truyện làm thơ cho ai đọc đây? Nhưng như ông đã biết, hội văn nghệ sĩ hiện chưa có, và cộng đồng Việt Nam ở từng địa phương thì bận quá nhiều việc lễ lạc họp hành, thì giờ đâu bảo trợ cho việc soạn bộ sách ấy. Cả ông và Văn Học cùng "phân ưu" với nhau về điều này thôi!

Anh Huy Lực, *Houston:* Xin lỗi anh và độc giả về sai sót ấn loát trong bài thơ "sinh nhật 50 trên đất người" như anh đã viết thư lưu ý. Xin đính chính lại:

Câu thứ 20 :

Đã in :

*"thân **tặng** chồng con dòng đời xuôi ngược"*

Đúng ra là :

*"thân **nặng** chồng con dòng đời xuôi ngược"*

Câu thứ 40 :

Đã in :

*"trên hồn đau bé thơ quê nhà **hát héo**"*

Đúng ra là :

*"trên hồn đau bé thơ quê nhà **héo hắt**"*

• NHÀ VĂN HỒ TRƯỜNG AN NHẮN TIN.

Đã xuất bản

NỬA CHỢ NỬA QUÊ

Truyện dài Hồ Trường An

- Bìa Hồ Thiệu Trị. Minh họa Vũ Thái Hòa
- Trình bày: Nguyễn văn Nghiêm và Thanh Thủy.
  Lạc Hồng xuất bản.
- Sách biếu không. Muốn có sách xin gửi kèm tem quốc tế như sau:
  Mỹ Châu và Úc Châu: 9 con tem quốc tế.
  Âu Châu : 5 tem quốc tế.
  Gửi theo địa chỉ như sau :

LẠC HỒNG
Post Pach 161
9014 SAINT GALLEN
SUISSE • SWITZERLAND

ĐÓN ĐỌC
VĂN HỌC SỐ ĐẶC BIỆT
NHÌN LẠI VĂN NGHIỆP BÌNH NGUYÊN LỘC
gồm nhiều bài giá trị nhận xét và phê bình các công trình sáng tác và khảo cứu của nhà văn vừa quá cố Bình Nguyên Lộc. Phát ành đầu tháng 7. 1987.

BÁC SĨ
HUỲNH HỮU CỬU

Diplomate American Board of Ophthalmology

*** TRỊ BỊNH MẮT**
*** GIẢI PHẪU MẮT**
*** LÀM KIẾNG**
*** SOFT CONTACT LENS**

9559 BOLSA AVE., SUITE B
WESTMINSTER, CA 92683
Gần Bushard trên lầu Bolsa Mini Mall
ĐT: (714) 531-9401

GIỜ LÀM VIỆC:
9:30 sáng đến 5:30 chiều
Nghỉ sáng Thứ Tư và Chủ Nhật

XIN LẤY HẸN TRƯỚC
(Thứ bảy đến 3 giờ chiều)

NHẬN MEDICAL
VÀ BẢO HIỂM

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles
304 S Broadway St # 534
Los Angeles, CA, 90013
(Góc Broadway và đường số 3rd, Downtown)

(213) 621. 7622
Mở cửa cuối tuần theo hẹn

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA, 92 641
(Góc Chapman và Brookhurst)

(714) 537. 8771
Chúng tôi mở cửa ngày thứ Bảy

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA
Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **
Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*
Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*
Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM
TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.
Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

Bùi Vĩnh Phúc

NHỮNG CƠN MƯA TRỞ VỀ

Tập sách đầu tay của tác giả, được khởi viết từ 1975 sau mất nước khi tác giả 22 tuổi. In lần đầu vào tháng 9, 1981. Đã tuyệt bản từ 5 năm nay.

Cuốn sách gửi đến người đọc những tiếng chim kêu luýt chuýt trong trái tim tuổi trẻ, những chùm hoa vàng nắng quê nhà, và một vài giọt nước mắt xót xa thấm loang vào lòng ta chút trời xanh cũ.

Cuốn sách nối kết quê hương và những ngày ta bé dại. Và những ngày ta lưu vong. Và những mùa Xuân bay rời mặt đất. Và những tiếng chim rơi vất vương đâu đó trong trí nhớ mỏi mòn.

Hãy nhắm mắt thật khẽ và lắng nghe những tiếng chim kêu nhỏ nhẹ vào trái tim ta...

Ấn bản 1987 có thêm những bài mới.

Phụ bản: Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Khai

Muốn có chữ ký của tác giả, xin đặt mua tại:

Ông Võ Thắng Tiết

Nhà xuất bản Văn Nghệ

P.O. Box 2301 Westminster, Calif. 92683 USA

Phone: (714) 832-8445

160 trang. Giá 7MK

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK cước phí

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

BÁC SĨ
PHÓ NGỌC VĂN
Y KHOA TỔNG QUÁT GIA ĐÌNH
SEVEN CORNERS PROFESSIONAL PARK
6400 J. Seven Corners Place
Falls Church, VA. 22044
Điện thoại : (703) 241. 8008 & 241. 8334

* *Tốt nghiệp Hậu Đại học Y khoa Giải phẫu và Gia đình*
* *Bác sĩ điều trị tại các bệnh viện Doctor Hospital & Arlington Hospital.*
* *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa kỳ.*

CHUYÊN MÔN BỆNH NỘI VÀ NGOẠI THƯƠNG

* Người lớn và trẻ em, bệnh phụ nữ thai sản, kế hoạch hoá gia đình.
* Bệnh tim. Cao áp huyết. Các bệnh về máu. Bệnh phổi. Suyễn. Bệnh đường tiêu hoá và bao tử. Bệnh đường tiểu và sinh lý, hoa liễu. Bệnh phong thấp.
* Các bệnh ngoài da, dị ứng, phong ngứa kinh niên.
* Tiểu giải phẫu, may vết thương, cột ống dẫn tinh, cắt da qui đầu, cắt bỏ bướu da. Bệnh thần kinh, suy nhược tinh thần.
* Nhận làm bác sĩ gia đình, khám bệnh tổng quát định kỳ, chích ngừa nhập học, lập hồ sơ y khoa tai nạn lao động, xe cộ.
* Bệnh nặng sẽ được điều trị và theo dõi tại các bệnh viện trong vùng.

Nhận MEDICARE, MEDICAID & và các loại bảo hiểm
Khám bệnh theo giờ hẹn từ thứ Hai đến thứ Bảy.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301. Westminster. CA. 92 683 USA

Bạn đọc ở xa không tìm thấy những sách trên tại các hiệu sách nơi bạn ở xin liên lạc với nhà xuất bản để mua sách theo đường bưu điện. Cước phí gửi sách cho bạn đọc ở ngoài Hoa Kỳ theo bookrate là 1 Mỹ kim . Những sách gửi theo đường bưu điện sẽ có chữ ký của tác giả nếu bạn đọc yêu cầu.

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
In tại NVPrinting (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

SÁCH ĐÃ IN

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ : 10 MK

TÙY BÚT I
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM 54 — 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 13 MK

KỲ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHƯ CHI
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG
của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

HOÁ RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẨN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

HỢP LƯU
truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện của
MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

TRUYỆN NGẮN I
tập truyện của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 13 MK

XUÔI DÒNG
tập truyện của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
truyện dài của
LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

SÁCH TÁI BẢN

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM
(Mùa Biển Động tập 1) của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 8 MK

BÃO NỔI
(Mùa Biển Động tập 2)của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 9 MK

NGỰA NẢN CHÂN BON
tập truyện của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 8.5 MK

(xem tiếp bìa trong)

Giá 3 Mỹ kim